

文化月刊

GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC } 1 số (tr-nhân) . . . . . 12\$  
                                  } 1 số (công-sở) . . . . . 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN  
Nghị-định số 332 Cab/Sg.  
ngày 5-5-1952

In 2000 cuốn số 58  
tại nhà in BÌNH-MINH  
149, Đ. Yên-Đỗ — Sài-gòn

# VĂN-HÓA

## NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

### MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

- ☆ Một bức thư chữ Nôm của Trịnh-Cương . . . . . BỬU CẦM
- ★ Bia Vĩnh-Tế-Sơn và việc đào kinh Vĩnh-Tế. . . . . NGUYỄN-VĂN-HÀU
- ☆ Thuận-Hóa qua ca-đạo lịch-sử . . . . . TÂN-VIỆT-ĐIỀU
- ★ Hoa và Súng (Thơ) . . . . . ĐOÀN-THÊM
- ☆ Những nhà xưa ở Quảng-Nam. . . . . NGUYỄN BAT-TUY
- ★ Trương-Minh-Giảng . . . . . TÔ-NAM
- ☆ Tâm-lý, tính-chất nhân-vật truyện Kiều . . . . . PHẠM VĂN ĐIỀU
- ★ Địa-dư-chí (của Nguyễn-Trãi) . . . . . Á-NAM DỊCH
- ☆ Trên lầu chiều (thơ). . . . . ĐÔNG-XUYỀN
- ★ Những định-tác căn-bản của khoa ngữ-học cấu-thức. . . . . NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
- ☆ Y-khoa Tây-Tạng. . . . . TRẦN-KHÁI-VĂN DỊCH
- ★ Một cuộc chinh-phục vĩ-đại . . . . . THANH-TÂM

### VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

LOẠI MỚI - SỐ 59 THÁNG 3-4 NĂM 1961

# VĂN - HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 59 THÁNG 3 - 4 NĂM 1961

## MỤC-LỤC

### I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

		Số trang
— Một bức thư chữ Nôm của Trịnh-Cương gửi Nguyễn-Quán-Nho.	BỬU CẦM	175
— Bìa Vĩnh-Tế-son và việc đào kinh Vĩnh-Tế.	NGUYỄN-VĂN-HẦU	179
— Du-xuân Thuận-Hóa qua ca-đạo lịch-sử.	TÂN-VIỆT-ĐIỀU	187
— Những năm Sửu trong lịch-sử Việt-Nam (tiếp theo).	TRƯƠNG-BÁ-PHÁT	206
— Hoa và Súng.	ĐOÀN-THÊM	221
— Trương-Minh-Giang (tiếp theo và hết)	TÔ-NAM	225
— Những nhà xưa ở Quảng-Nam.	NGUYỄN BẠT-TỤY	231
— Tâm-lý, tính-chất nhân-vật truyện Kiều (tiếp theo)	PHẠM VĂN ĐIỀU	243
— Định-mệnh con Người (tiếp theo và hết).	NGUYỄN-MẠNH-BẢO	256
— Những định-tác căn-bản của khoa ngữ-học cấu-thức.	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA	264
— Ước-trai tướng-công di-tập : Du-địa-chí.	Á-NAM dịch	269
— Hoa-trình hiện-lãm khúc (tiếp theo).	THANH-LIỆN sưu-tìm	273
— Vài nhận-xét về cách bài-trí trong các chùa Việt-Nam (tiếp theo và hết).	ĐỨC-HÒA	276
— Thi-ca :		
— Ngày Xuân mừng Văn-Hóa Nguyệt-San.	ĐẠM-NGUYỄN	290
— Trên lầu chiêu.	BÔNG-XUYẾN	291
— Thất thập tứ tự thọ.	THÙY-THIỆN	291
— Cối nón và cối gương.	Á-NAM	292

— Cây nêu	LỘC-MINH	292
— Con bò.	NGỌC-LÝ	292
— Nhớ xuân chốn cũ.	HỒNG-THIỆN	293
— Xuân-tứ.	HY-VĂN-MỘNG	293
— Chúc Xuân Tân-Sửu	ĐẠM-NGUYỄN	294
— Đọc cuốn « Nợ bút duyên văn » cảm-đề	H. QUANG	294
— Ngày xuân cảm-hứng	KHÁNH-CHUNG	295
— Buổi họp mặt của những bạn đồng-hương cảm-hứng	THÙY-THIỆN	296
— Nhân-bút.	Á-NAM	296
— Xuân Tân-Sửu.	PHẠM-HUY-TOẠI	297
— Tự thọ tám mươi.	PHẠM-HUY-TOẠI	297
— Xuân về chúc bạn.	NGUYỄN VĂN KÍNH	298
— Vịnh hoa mai.	VÕ-KHẮC-VĂN	298
— Tân-xuân lữ hoài.	BÍCH-PHONG	299
— Lưỡi (Thơ Việt và bản dịch Anh-văn).	VŨ-ĐỨC-TRINH	300
— Xuân tha-hương.	LAM-SƠN	302

### II - VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

— Lược khảo học-thuyết chữ-từ :		
Không-Từ (tiếp theo).	TRẦN-ĐÌNH-KHẢI	303
— Y-khoa Tây-Tạng.	TRẦN-KHẢI-VĂN dịch	309
— Một cuộc chinh-phục vĩ-đại.	THANH-TÂM	314
— Những điều cần biết về bệnh ung-thư.	VÕ-LANG dịch	324
— Thanh-tâm tài-tử (tiếp theo).	TÔ-NAM và HÀM-CỎ phiên dịch	329

### III - TIN-TỨC VĂN-HÓA

— Tin trong nước.	335
— Tin ngoài nước.	342

### TRANH-ẢNH TRONG SỐ NÀY

- Ảnh và bìa Vĩnh-Tế-Son (3 tấm)
- Cửa vào miếu-mộ Thoại-Ngọc-Hầu.
- Tượng vị Hộ-Pháp
- Tượng Đức Văn-Thù Bồ-tát.







# MỘT BỨC THƯ CHỮ NÔM CỦA

## TRINH CƯƠNG GỬI NGUYỄN-QUÁN-NHO (Thế-kỷ XVII)

Giáo-sư **Bửu Cầm**  
Phụ-trách giảng khoa Việt-Hán  
Trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

Trong quyển *Việt-nam phong-sử* 越南風史 (1), bản chép tay của Viện Khảo-cổ, đánh số 210.SD, chương 87, sau câu ca-dao bằng chữ nôm: «私術萬鑽私喂, 昆 [視] 私補錫埃 既未私: Chàng về Vạn-Hoạch chàng ôi! Con chàng bỏ đời ai nuôi cho chàng?» soạn-giả là cụ Nguyễn-văn-Mại 阮文邁 có chú-giải bằng chữ Hán như thế này:

«賦而比也。萬 掘 河 社 (今 建 中 社)。鑽 古 都 社。屬 清 化 省 紹 天 府。私 指 阮 儒 冠 也。儒 冠 於 顯 尊 (2) 辰 (3) 中 狀 元。任 至 宰 相。垂 老 而

(1) Quyển này gồm có 100 chương, mỗi chương dẫn một câu ca-dao bằng chữ nôm và thêm lời chú-giải bằng chữ Hán. Theo bài tựa của soạn-giả thì sách này làm vào năm Duy-tân thứ 8 (1914).

(2) Người ta đã dùng chữ 尊 thay cho 宗, vì 宗 là tên của vua Thiệu-trị.

(3) Chữ 辰 cũng được dùng để thay cho 時, vì 時 là tên của vua Tự-đức.

歸。河北之人思慕之。故歌云。儒冠則在。天下賴之。如嬰兒之於慈母。今黃扉既去。綠野云歸。則民何賴乎。詩云。宰相挽河。天下謳歌。是也。又查挽河譜錄。儒冠歸田之日。鄭安王遺書曰『...』。可見阮宰相當辰之德望。惜乎史書編不到。此故并及之。

—Phủ nhi tỷ dã. Vạn Văn-hà xã (kim Kiến-trung xã), Hoạch Cồ-đô xã, thuộc Thanh-hóa tỉnh Thiệu-thiên phủ. Chàng chỉ Nguyễn-Nho-Quan dã. Nho-Quan ư Hiền-tôn thời trướng Trạng-nguyên, sĩ chí Tề-tướng, thùy lão nhi quy, Hà-bắc chi nhân tư mộ chi, cố ca vân: Nho-Quan tác thị, thiên-hạ lệ chi, như anh nhi chi ư từ mẫu; kim hoàng phi ký khứ, Lục-dã vân quy, tác dân hà lệ hồ? Ngạn vân: «Tề-tướng Văn-hà, thiên-hạ âu-ca», thị dã. Hựu tra *Văn hà phở-lục*, Nho-Quan quy điền chi nhật, Trịnh An-vương dị thư viết: [...]. Khả kiến Nguyễn-Tề-tướng đương thời chi đức vọng. Tích hồ sử thư biên bất đáo thử, cố tinh cập chi = [Câu ca-đạo dẫn trên] làm theo thể phú và thể tỷ (4). *Vạn* tức là xã Văn-hà (nay là xã Kiến-trung), *Hoạch* tức là xã Cồ-đô, thuộc phủ Thiệu-thiên (5) tỉnh Thanh-hóa *Chàng* là chỉ Nguyễn-Nho-Quan. Nho-Quan đã đỗ Trạng-nguyên đời [Lê] Hiền-tôn (6).

(4) Chỉ rõ tên, nói rõ việc, ấy là thể *phú*; thấy việc trước mắt nhưng không tiện nói rõ, phải dùng phép so-sánh kín-đáo để nói về việc đó, ấy là thể *tỷ* (xem *Tướng Tờ-Di* 薛祖怡, *Thi-ca văn-học toàn-yếu* 詩歌文學概要, Đài-bắc, Chính-trung thư-cục, 1953, tr. 31). — Theo soạn-giả *Việt-nam phong-sử* thì câu ca đạo dẫn trên vừa dùng thể *phú* vừa dùng thể *tỷ*, nghĩa là tuy phủ-trần một việc tuồng như rõ-ràng (phú), nhưng trong đó vẫn có sự so-sánh kín-đáo (tỷ).

(5) Nay là phủ Thiệu-hóa.

(6) Tra sách *Đăng-khoa lục* 登科錄 và thiên *Khoa-mục chí* 科目誌 trong bộ *Lịch-triều hiến-chương loại-chí* 歷朝憲章類誌, dưới triều Lê Hiền-tông (1740-1786), không thấy có vị Trạng-nguyên nào tên là Nguyễn-Nho-Quan. Theo *Đăng-khoa lục*, quyển III, tờ 24 a, Nguyễn-Quán-Nho 阮冠儒 (chứ không phải Nguyễn-Nho-Quan) người làng Văn-hà, huyện Thụy-nguyên (Thanh-hóa), đỗ Tiến-sĩ (đình-nguyên) khoa đình-vị, →

làm quan đến Tề-tướng, lúc tuổi già về hưu, người ở Hà-bắc (7) nhớ nhung mến tiếc ông, nên mới có câu hát như thế, ý muốn nói rằng: Nho-Quan còn tại chức, thiên-hạ được nhờ cậy ông, như đứa trẻ thơ nương tựa vào người mẹ hiền. Nay ông từ bỏ chức Tề-tướng, lui về vui thú cảnh điền-viên (8), thì dân biết trông cậy vào ai? Tục-ngạn có câu: «Tề-tướng Văn-hà, thiên-hạ âu-ca» là nói về ông vậy. Lại tra trong *Văn-hà phở-lục* thì thấy chép rằng ngày Nho-Quan về vườn, Trịnh An-vương (9) có gửi cho ông một bức thư → năm Cảnh-trị 景治 thứ 5 (1667) triều Lê Huyền-tông 黎玄宗 (1663-1671), lúc đó ông mới 30 tuổi; ông đã làm đến Tham-tụng, Bình-bộ Thượng-thư, tri Trung-thư-giám, được phong tước Quận công, mất năm 72 tuổi, được truy-tặng Lại-bộ Thượng-thư, Thiếu bảo.

(7) Hà-bắc tức là phía bắc: Nhị-hà.

(8) Nguyên văn: «黃扉既去, 綠野云歸 = Hoàng phi ký khứ, Lục-dã vân quy» *Hoàng phi* (cánh cửa màu vàng) cũng như hoàng-các 黃閣 (gác vàng) là chỗ ở của Tề-tướng. Trong *Tây-thanh thi-thoại* 西清詩話 có dẫn hai câu thơ của Thạch Dương-Hưu 石揚休 mừng bốn vị Trạng-nguyên đời Tống (960-1276) làm đến Tề-tướng là Lữ Mông-Chính 呂蒙正, Vương Tăng 王曾, Lý Địch 李迪 và Tống Trường 宋庠 như sau: «皇朝四十三龍首, 身到黃扉止四人 = Hoàng-triều tứ thập tam long-thủ, thân đáo hoàng-phi chỉ tứ nhân = Hoàng-triều có bốn mươi ba vị Trạng-nguyên, nhưng chỉ bốn người làm đến Tề-tướng». — *Lục-dã*: tức Lục-dã-đường 綠野堂, tên cái biệt-thự của Bùi Độ 裴度 (765-839), một danh-thần đời Đường (618-906) Xét theo địa-lý ngày nay thì biệt-thự này tại phía nam huyện Lạc-dương 洛陽 tỉnh Hà-nam 河南 nước Tàu.

(9) Trịnh An-vương tức là An-đô-vương 鄭安都王 鄭綱 (ở ngôi chúa từ năm 1709 đến năm 1729), tăng-tôn của Định-vương 鄭定王 鄭愷 (ở ngôi chúa từ năm 1682 đến năm 1709) và đã được Trịnh Cán truyền ngôi cho; năm 1714, Trịnh Cương tự tiến chức tước là *Đại Nguyên-sứ Tông-Quốc-chính Thượng-sư An-vương* 大元帥總國政尚師安王 (xem Nguyễn-Bá-Trác 阮伯卓, *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* 皇越甲子年表, quyển hạ, Huế, Bộ Học xuất-bản, nhà in Đắc-lập ấn-hành, 1925, tr. 164, 170, 172, 175). Theo *Đăng-khoa lục* 登科錄, q. III, tờ 24 a, thì Nguyễn-Quán-Nho đỗ Tiến-sĩ năm 30 tuổi (Lê Huyền-tông, Cảnh-trị ngũ niên, 1667) và mất năm 72 tuổi tức là năm 1709 →

như sau: [...] (10). Xem đây, có thể biết được đức-vọng của Nguyễn Tề-tướng thừa ấy như thế nào. Tiếc rằng sử sách không chép đến chuyện đó, cho nên bây giờ chép luôn vào đây ».

Dưới đây là bức thư bằng chữ nôm của Trịnh Cương gửi cho Nguyễn-Quán-Nho:

碎 嗽 喇 敬 嗽 柴。碎 篋 悉  
柴 忠 誠 甚 感。嚮 羅 髡 皮 蓮。  
縷 羅 腰 碎。腐 柴 特 裊 壘 正。  
碎 色 特 恩 義 群 歎。碎 極 悃  
堯。得 嚮 碎 色 朱 迢 襪 笑 鞅  
侯。腐 柴 固 辭。欺 閉 徐 碎 極  
監 押。鬪 色 從 容。碎 朱 挽 鞅。  
裊 朱 甘 悉 碎。吁 嗽 敬 裊 柴。

== Tôi gửi lời kính thăm thầy. Tôi thấy lòng thầy trung thành thậm-cảm. Trước là giúp bề trên, sau là yêu tôi, mà thầy giữ lấy lẽ chính. Tôi đã được ơn nghĩa còn lâu. Tôi chẳng quên đâu. Ngày trước, tôi đã cho đưa túi trâu đến hầu, mà thầy cố từ. Khi bấy giờ tôi chẳng dám ép. Rày đã thung-dung; tôi cho đem đến, lấy cho cam lòng tôi. Xin gửi kính lạy thầy ».

BỮU CẨM

→ (Lê Dụ-tông, Vĩnh thịnh ngũ niên). Năm đó, Định-vương Trịnh Căn cũng từ trần, Trịnh Cương nối nghiệp chúa tức là An-dô-vương. Bức thư bằng chữ nôm của Trịnh Cương gửi cho Nguyễn-Quán-Nho có lẽ đã được viết ra trong thời-gian Trịnh Cương còn là 'hế-tử'.

(10) Bức thư này bằng chữ nôm nên chúng tôi phải tách riêng ra và sắp vào bên dưới để cho tiện việc ấn-loát.



BIA VINH-TỀ-SƠN  
VÀ VIỆC ĐÀO KINH VINH-TỀ

Nguyễn Văn Hầu.

Ngót ba năm nay, tôi đã lưu-tâm sưu-tầm, tra-cứu tài-liệu để viết về Thoại-Ngọc-Hầu Nguyễn-Văn-Thoại. Tài-liệu tuy mỗi ngày một phong-phú thêm, nhưng tham-vọng đòi hỏi một cuốn sách khá đầy-dủ về danh nhân này tôi nay vẫn chưa cho phép tôi hoàn-thành tác-phẩm.

Trong thời-gian khá dài đó, mặc dù nhờ có các văn-hữu xa gần như quý ông Lê Ngọc-Trụ, Bửu Kế, Thái-Văn-Kiểm, Bửu Cầm... đã tận tình, hoặc sao chép cho tài liệu, hoặc chỉ dẫn cho những chỗ nơi tàng-trữ các tập cổ-thư, tôi vẫn không sao tìm được bản in hay bản chép hai bài bia rất quý của chính tay Thoại-Ngọc-Hầu tạo-dựng: bia *Vinh-Tề-Sơn* và bia *Vinh-Tề-Sơn lộ kiều lương*. Hai bia này, một ghi công-tác khai hoang lập ấp và một chép việc cầu lộ ở Châu-Độc và núi Sam của Nguyễn-Văn-Thoại.

Trong Đại-Việt tạp-chí số 28 và 29, ra ngày 1 tháng 12 và 16 tháng 12 năm 1943, tác-giả Ngọc-Xuyên, khi viết bài về Nguyễn-Văn-Thoại, có đến tận nơi để tham-cứu hai bài bia đó và có trích-dẫn một vài đoạn trong bia, khiến tôi càng thấy giá-trị thiết-thực của bia không thể bỏ sót được trong cuốn sách đang viết.



Tôi đã nhiều lần đến tận núi Sam, nơi có miếu-mộ của Thoại-Ngọc-Hầu để tìm kiếm. Tại đây, tôi thất-vọng vì bia *Lộ-khieu-lương* đã hư bề (1) không còn (xem ảnh), chỉ còn bia *Vinh-Tế-Sơn* mà chữ cũng bị lu-mờ theo thời-gian không tài nào đọc nổi.

Tôi đã dùng mọi cách để làm cho chữ hiện ra, nhưng ngoài sự lu-mờ, bia đã bị nứt-nẻ nhiều chỗ khiến chữ đã hỏng mất một số lớn (xem ảnh bia *Vinh-Tế-Sơn*).

Tháng tư năm ngoái, ông Bửu Cầm có viết cho tôi một bức thư, ngoài những tài-liệu chỉ dẫn, ông có cho biết Ban Khảo-cổ sẽ xuất-bản một « Khảo-cổ tập-san » mà trong đó có ít nhiều tài-liệu về Nguyễn-Văn-Thoại. Tôi vui lòng chờ đợi và tôi đã được đọc tập-san đó. Nhưng tôi thất-vọng nốt vì trong đó cũng không hề có đả-động gì đến việc hai tấm bia mà tôi đang mong-mỏi.

Tôi chơi-vơi như người bộ hành đi vào sa-mạc giữa trời đêm, nên tạm xếp những tài-liệu đã tìm được qua một bên, chờ đợi...

Thế rồi chuyện phải đến, đã đến. Một dịp may hiếm có đã giúp tôi làm sống lại những chữ trong bia *Vinh-Tế-Sơn*. Nguyên là mấy tháng trước đây, khi biết tôi đang viết về Thoại-Ngọc-Hầu, một bạn đồng-nghiệp trong làng giáo đã chỉ cho tôi một « ô tài-liệu ». Đó là những tập sách chép tay còn sót lại trong tủ sách của cụ Tú Trần-Hữu-Thường.

Theo lời tường-thuyết của một người cháu của cụ Tú thì lúc sinh thời, cụ đã được một viên Tỉnh-Trưởng Tây tại Châu-Đốc, xuống lệnh bảo cụ sao chép và dịch-giải bia ấy cho ông ta xem. Nhờ vậy mà cụ Tú đã có dịp chép kỹ tấm bia và dịch ra thành văn vần, thẻ lục bát, và cũng nhờ vậy mà chúng ta ngày nay còn được thấy lại những gì gần-như đã mất.

Đề cho được cẩn-thận, tôi đã rang bản sao tấm bia đến tận núi Sam để dò lại theo những đọc được thỉnh-thoảng còn sót lại trong bia. Tôi đã được mãn-nguyện vì bản này quả thực là bản sao bia ấy.

Sau đây tôi sẽ trình bày nguyên-văn bài bia, bản phiên âm và dịch nghĩa xuôi, bản dịch lục-bát của cụ Tú và một bản dịch khác nữa của cụ Trần-Thiện-Chánh — một nho gia tên tuổi cận-dại ở miền Nam — để bạn đọc đồng-lâm.

(1) Tôi cũng còn hoài-nghi bài bia *Lộ-khieu-lương* khắc sau lưng tấm bia *Vinh-Tế-Sơn*. Nhưng bia *Vinh-Tế-Sơn* hiện nay thấy dựng sát lưng vào vách đá, có trét vôi cẩn-thận, nên không biết làm cách nào coi được. Và, nếu thực vậy, chắc chữ cũng đã hư bề như bia *Vinh-Tế-Sơn* chẳng ?

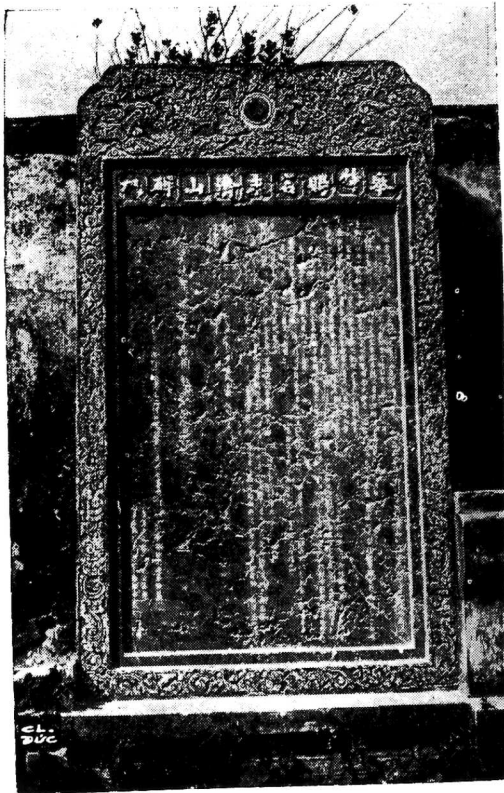


Ảnh VINH-TẾ-SƠN  
Trông từ phía Châu-Đốc đi vào



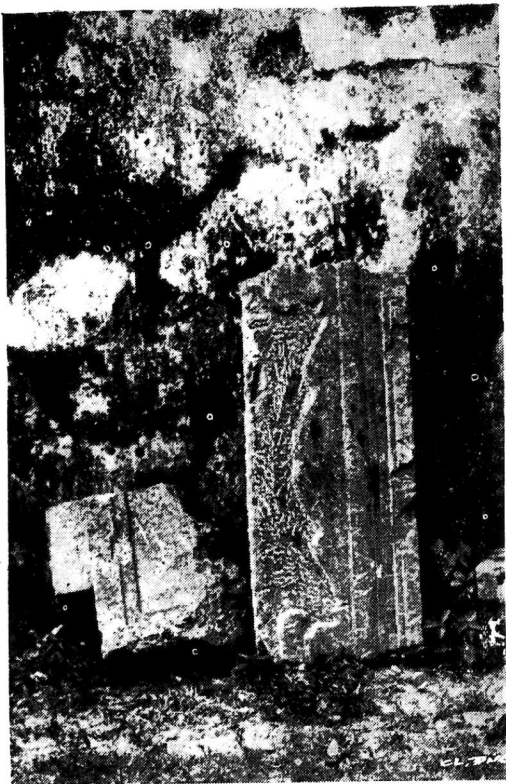
遠其麓，嵐卷炊煙，寺廟倚其巔，香飄雲盡，庶幾  
 中州畫川。至而夫，以人臣嘉靈也。  
 未東山。其名，人以臣會也。  
 浚瑞其靈山。人臣嘉靈也。

迨女果完，因解致具，能以其四，大之遺，得就此  
 山以阡馬。地覺名其姓，山名契，寔賴鴻造，表之有，成  
 豈尋常乃晨散霧，夕照飛霞，舉木萃，尊以垂  
 青，草羊而間鋪翠，指人傳歟？人強以山傳歟？  
 江流也。然家高年歲，按守未加，氣級紀綠，保護高，綿國印，  
 濟曰：是皇命差河鎮，守務，加氣級紀綠，保護高，綿國印，  
 兼管河鎮，守務，加氣級紀綠，保護高，綿國印，



BIA VINH-TẾ-SƠN  
 Dựng tại Núi Sam năm 1828  
 (Minh-Mạng thứ 9)





MỘT TẤM BIA LỚN BỊ BỀ  
Có lẽ là bia lộ-kiều-lương hay bia Vinh-Tế-Hà  
do Thời-Ngọc-Hầu tạo dựng

#### PHIÊN ÂM BÀI BIA VĨNH-TẾ-SƠN

##### Phụng đặc tứ danh Vinh-Tế-Sơn bí ký

Khôn linh tú khí, ngưng kết nhi vi sơn; nhơn nhân nhi danh chi, kỳ lai thượng hĩ.

Hoặc dĩ thăng-khái, hoặc dĩ giai-tích, hoặc dĩ tượng-loại, hoặc dĩ áp lý, diệc dĩ tích nhơn sở đặng lâm du-ngoạn nhi danh chi, diệc dĩ cao-sĩ sở thê-tri ân-đặt nhi danh chi, đại đề tục truyền vận-ngữ nhi xung-hồ nhĩ.

Kỳ hoạch đờng điều bản, kinh duệ giám, tạo gia danh, dĩ sanh thù hướng giả tiền hĩ; nhi hướng viễn giới Phiên tự, thâm cư hoang-phục giả hồ?

Châu-Đốc địa-giới cổ man Phiên khu dã. Hoàng triều khai-thác Nam-phục, kỳ địa phương nhập bản-đồ. Nghiêm-thiết đồn doanh dĩ khống Phiên-quốc. Đồn chỉ hậu hữu sơn viết Sam-sơn, tục danh dã.

Lâm tâu hoang mạc, du vi Thở nhơn khách Lèo chi cư. Tuy hữu kỳ-cảnh giai-tích, diệc nhưt u tông loạn thạch chí đôi-phụ nhĩ. Ý giả tạo vật hữu đại, nhi hậu sử chi trình kỳ hiển dĩ dư?

Khâm phụng Thánh-thượng kinh-lý phong cương, nghiêm thiết đồn-thủ. Thần Thời-Ngọc-Hầu bôn lãnh bảo-hộ Phiên bang, kiêm án-thủ Châu-Đốc đồn, kinh phụng ngọc dụ.

Văn quĩ hãn-đồng, quan thành yển bế, dục sử mãng thương giai thành lư diêm, manh lệ tốt vi biên hộ, tang ma ế dã, yên hòa tương vọng, dữ ngụ huyện tịnh tề phú-ân chi tạnh.

Thần thọ mạng kỳ cần, cựu dân dĩ lập ấp; nãi tương bôn địa-thế: nhưt lộ hoành đật song-song trường-giang, nhưt lộ thượng chí Sóc-Vinh, nhưt lộ thượng chí Lò-Gò (1), tùy tiện quy vi thôn-lạc, khai-khẩn điền-viên; tuy vị túc dĩ phó vạn phần chi nhưt, nhi dĩ kim thị tích tác thù-dĩ hĩ.

Ngãi bồng tiền cực chi hậu, bạch phân thạch cước, lục kết trúc sao, thủ sơn toại xuất-sắc, bản nhiên đặc trĩ. Hám thanh-lưu nhi án tuần ngàn, lâm phổ nhiều kỳ lộc, lam quỳện xuy yên, tự miếu ý kỳ

(1) Hai địa-danh này, xin đọc theo Nôm cho đúng.

điên, hương phiêu vân áng, thứ cơ trung-châu phong-cảnh h.

Phụng họa đề từ tán, ngưỡng mộng duệ chiếu; dĩ tích niên thần phụng đồng dịch tuấn Đông-Xuyên công đạo, ký dĩ thần tước-danh biểu cảng bàng chí Sập-sơn viết Thọ-i-sơn. Chí thị hựu chần cập thần tâm, năng thừa Quan-thơ chí hóa, dĩ tề kỳ gia, nhi thần thê Châu-Thị danh Tế năng hóa Châu-nam chí đức dĩ nội hức kỳ phu, my cổ chí thềm hữu thiều trợ yên. Toại dĩ nhơn danh tứ sơn danh, vi Vinh-Tế-Sơn.

Nhân dĩ sơn phiêu danh nhi thoa-kế tăng quang, hoàng trạch chi cao-mộc dã; sơn dĩ nhơn đắc hiệu nhi thảo-hoa sanh sắc, hoàng triêm chi tư-nhuận dã.

Thần nhơn-nào điều thư, tâm-quan mặc chí. Chân sơn vận tao-phùng chí gia hội, nhi lão-thần tế-ngộ chí kỳ duyên. Bất nhiên, hà dĩ ung thử sủng linh dã?

Đãi nữ quả hoán, nhơn giải thao-cụ, năng dĩ tứ-đại chí dĩ, đắc tự thử sơn dĩ thiên yên.

Địa danh kỳ tánh, sơn danh kỳ nhơn, kỳ nhi biểu yên, quy nhi tàng yên, đốn giác tam sanh chí túc-khế, thiết lại hồng tạo chí hữu-thành, khởi tâm-thường chí vinh dĩ giả tại!

Chí nữ thần quang tán vụ, tịch chiếu phi hà, mộc bôn tổn dĩ thùi thanh, thảo thiên miên nhi phổ thúy, trần thanh dịch lộ, bàng đẳng điều chiêm, luyện tịnh giang lưu, đình nhiều nhơn ngoạn, chí-điêm tương vị viết: « thử đặc ban tứ danh Vinh-Tế-Sơn dã ».

Nhiên tác sơn dĩ nhơn truyền dư? Nhãn dĩ sơn truyền dư? Viết thị hoàng-gia cao-hậu chí ân, du cứu vô cương dã. Thần cần ký.

(...)

Khâm sai Thống-chế ấn-thủ Châu-Độc đồn lãnh Bảo-hộ Cao-Miên quốc-ấn, kiêm quân Hà-Tiên trấn biên-vụ, gia nhĩ cấp kỳ lục tứ thứ (...). Thọ-i-Ngọc-Hầu chế.

#### DỊCH NGHĨA XUÔI

Bìa chép núi Vinh-Tế do vua đặc-biệt ban tên

Đặt linh khí tốt, ngưng kết mà làm núi; người nhơn đó đặt tên, gốc đã từ lâu.

Hoặc vì phong-cảnh đẹp, hoặc vì dấu-tích hay, hoặc vì tương-loại, hoặc vì làng-ấp, cũng do những người trước lên đây du-ng ngoạn hay do các bậc cao-sĩ trọ-ng nghỉ ăn-đặt mà đặt tên, cả thấy đều theo tục truyền lời xuôi mà xưng-hỗ vậy.

Khi được lên bản ngọc, vua xem qua, ban cho tên tốt đề đặc-biệt nêu lên, thật là một chuyện ít có. Huống gì núi ở cõi Phiên, nơi ranh giới xa-xôi hoang rậm, thì lại càng thêm đặc-biệt lắm.

Địa-giới Châu-Độc xưa kia là khu-vực của Phiên-man (Cao-Miên). Nhờ triều-đình khai-thác cõi Nam, mới cho đất ấy nhập vào bản-đồ. Nghiêm đặt đồn doanh đề khống-chế nước Phiên. Phía sau đồn có núi, mà lời tục thường quen gọi là núi Sam.

Nơi đây chằm ao, rừng-rú mênh-mông rậm-rạp, cũng là chỗ Thờ dân. Khách trú, người Lào nương-ngụ. Tuy có cảnh đẹp chuyện hay, nhưng cũng vẫn là một nơi rừng sâu, đá nát, nông gò mà thôi. Chừng như đất trời có hẹn, nên mới khiến xui sắp bày những điều tốt đẹp mới lạ như vậy chăng?

Lão-thần Thọ-i-Ngọc-Hầu vốn lãnh ấn Bảo-hộ Cao-Miên, kiêm việc gìn giữ đồn Châu-Độc, kính vâng Thánh-thượng, xem-xét sửa-sang bờ cõi, nghiêm đặt đồn thủ, theo ý lời dụ.

Nay dấu văn-hiến chung đồng làm một, cửa thành đóng kín an vui, nên muốn cho nơi cỏ hoang bát-ngát đều trở nên làng-mạc dân-chúng đông vậy, có bộ-sở ghi biên. Đâu gai đây nội, khói lửa liên-tiếp nhau, cũng với huyện kề bên, đồng-búc giàu-có như nhau cả.

Thần thụ mệnh vua, siêng-năng kính-cần, nhóm dân lập ấp, tùy xem địa-thể: một đường ngang song song thông ra trường-giang, một đường thẳng lên Sóc-Vinh, một đường ngay đến Lò-Gò (1), võ-về dân-sự mở-mang thôn lạc, khai-khẩn tuồng vườn, tuy trong muôn phần chưa thỏa-mãn được một, nhưng đem nay mà sánh xưa, thì đã khác lạ lắm.

Từ ngày dọn cỏ dẹp gai trở đi, rành rành chân núi trắng phao, trĩu trĩu ngọn tre xanh ngắt, cảnh núi trở nên tươi đẹp, sừng-sừng vọt lên.

(1) Sóc-Vinh và Lò-Gò nay đều thuộc về địa-vực Cao-Miên.

Ngắm dòng nước biếc bên bờ cao, ruộng vườn bao quanh chân núi, hơi lam tuôn-cuốn lẫn khói nấu cơm, chùa-chiền trên chót hương toả mây lồng, thật không kém gì phong-cảnh trung-châu vậy.

Thần vẽ họa-dờ dâng lên, ngưỡng mong vua soi sét. Năm trước đây thần phụng-mạng xem sóc việc đào kinh Đông-Xuyên, vua đã lấy danh tước thần nêu lên bên bờ kinh núi Sập, đặt là núi Thoại. Đến nay hoàng-ân lại xét đến lòng thần, cho là biết tề-gia hợp-hoà khí, lại hạ-cổ tới vợ thần là Châu-Thị-Tế, rằng có đức dày trong đường lễ-giáo, bền trong biết giúp đỡ chồng, một lòng chân thành bền chặt, có chút công-lao, nên xuống lệnh ban cho tên núi Sam là núi Vĩnh-Tế.

Người nhờ núi nêu danh mà tâm tốc vẻ-vang, ân vua gói rủa ; núi nhờ người được hiệu mà cỏ hoa tươi-tốt, ân chúa thấm-nhuần.

Trước ân-đức cao thâm đó, nhơn-nào thần mở rộng, tâm-quan thần thăm ghi. Thật là : Vẹn núi được hội tốt tao-phùng, lão-thần có duyên tế-ngộ. Nếu không phải vậy, núi vì đâu mà được thiêng-liêng như thế ?

Đến khi phận đàn bà hoàn-bị, giải sạch nhọc-nhân về qua cõi khác, thì hình-hài sẽ được đem tới gởi chỗ sơn-linh. Đất đặt tên theo họ, núi đặt tên theo người. Sống được hiền-dương, thác còn lưu dấu. Vậy mới biết ba-sinh duyên trước, thật đã nhờ trời dựng mà nên, há có phải là vinh-dự tầm-thường đâu !

Đến nay, ánh sáng sớm sương tan, bóng chiều tà sáng rọi, cây rậm rạp khoe xanh, cỏ là-dị phô thắm. Bụi sạch trên đường, lên cao ngắm-nghía, dòng sông trải lụa, khách đi qua buông chèo nhàn-ngọa, tay trở non xanh cùng nói với nhau : « Đây là núi Vĩnh-Tế, do vua ban tên đó ! ».

Vậy có phải núi nhờ người mà được lưu-truyền chăng ? Hay là người nhờ núi mà tồn tại mãi chẳng ? Nghĩ rằng thật đã nhờ hoàng-ân cao rộng, sâu thăm không cùng vậy. Thần kính biên.

(...) (1).

Khâm sai Thống-chế án-thủ Châu-Dốc đồn lãnh Bảo-hộ Cao-Miên quốc-ấn, kiêm quản Hà-Tiên trấn biên-vụ, gia nhĩ cấp kỷ-lục tứ thứ (...)  
Thoại-Ngọc-Hầu làm ra.

(Còn tiếp)  
NGUYỄN-VĂN-HẦU

(1) Theo ông Ngạc-Xuyên thì bia dựng năm Minh-Mạng thứ 9, cuối mùa thu (1828, sau khi Kinh Vĩnh-Tế đào xong 4 năm) và người soạn bia là Tam-Hà Võ-Thị. Nhưng những chữ này hiện nay trong bia đã lu mờ không đọc được mà trong bản của cụ Tú Thường cũng bỏ đi không chép.



DU XUÂN

## THUẬN-HÓA QUA CA-DAO LỊCH-SỬ

• Tân Việt Diều.

Chúng ta hiện đang bước vào mùa Xuân Cổ-Đồ mà cũng là mùa Xuân Dân-tộc. Như ta đã biết, xứ Thuận-Hóa gồm một dải đất khá dài, chạy từ sông Quảng-trị cho đến Phú Điện-Bàn, thuộc tỉnh Quảng-Nam.

Xứ này đã chứng kiến nhiều sự thăng trầm của Lịch-sử, mà ngày nay nhiều câu ca-đao còn nhắc lại. Trước hết, chúng ta hãy ghé lại Đà-Nẵng là nơi mà bạn sẽ nghe văng vẳng đâu đây một câu hò rất tình tứ, nhưng lại được mùi lịch-sử mà ít người rõ lai-lịch :

*Đường đi chín xã sông con,  
Hỏi thăm ông Hường Hiệu hãy còn đó không ?*

Ca-đao là phương-tiện hữu hiệu nhất để ghi nhớ công đức sự-nghiệp hiển-vinh của người xưa, trong số đó có ông Phó-bằng Hiệu, tức Nguyễn-Duy-Hiệu, thường gọi là ông Hường Hiệu. Ông sinh năm 1847 ở làng Thanh-hà (Cẩm-hà), phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam. Xuất thân ở cửa Khổng sân Trình, làm quan đến Hường-lô tự-khanh, ông đã lập đảng Nghĩa-Hội kháng Pháp vào năm 1885. Sau nhiều lần sáp chiến với lực-lượng chính quy, ông Hường Hiệu phải rút lui với nghĩa-binh, vì yếu thế để theo « con sông chín xã » mà tản-mác về nội-địa, định tổ-chức du-kích-chiến. Về sau, bị mưu phần, ông đã bị bắt và lên án tử-hình năm 1886. Đồng-bào Quảng-Nam rất cảm kích trước cuộc chiến-đấu anh-đũng của ông Phó-bằng Hiệu nên đặt ra câu ca-đao trên để ghi nhớ công-nghiệp của một nhà ái-quốc chân-chính.



Ông Phó-bằng Hiệu còn để lại một bài thơ tuyệt tác bằng chữ Hán sau đây :

Cần vương thế dữ Bắc Nam đồng,  
Vô ngại khuôn tương lộ vị thông.  
Vạn cổ cương thường vô Ngụy-Tháo,  
Bách niên tâm sự hữu Quang Công.  
Thiên thơ phận dĩ sơn hà định,  
Địa thế sâu khan thảo mộc cùng.  
Ký ngữ phù trầm tư thế đã,  
Hựu tương thành bại luận anh hùng.

Nguyễn-duy-Hiệu

Tạm dịch

*Cần-vương thế với Bắc Nam chung,  
Khôn nỗi đi về lối chưa thông.  
Muôn thuở cương thường không Ngụy-Tháo,  
Trăm năm tâm sự có Quan-Công.  
Sách trời vạch sẵn non sông định,  
Thề đất buồn xem cây cỏ cùng.  
Nhấn bảo những ai chìm nổi đó,  
Chớ đem thành bại xét anh hùng.*

Ấn-Nam dịch

Câu ca-đao trên kia còn tiếp nối bằng một câu nữa là :

*Dường đi Bến Điện Miếu Bông,  
Hỏi thăm Cô Lý có chồng hay chưa ?*

Tim hiểu xuất-xứ của câu này, bạn được một nhà thâm nho xứ Quảng cho biết rằng : Nguyên là cụ Thượng Hà-Đình Nguyễn-Thuật, một bậc túc nho danh tiếng của miền Trung, có một người con gái gọi là Cô Lý, tài sắc vẹn toàn, nhiều văn-nhân rập rành bản sớ, nhưng cô Lý vẫn đóng chặt phòng khuê. Đám văn-nhân buồn tình mớ. Đặt ra câu ca-đao trên đề khu ày-khoả nỗi lòng, những lúc quá giang từ Bến Điện (Phủ Điện-Bàn) ngang qua Miếu-Bông, một ngôi miếu rất linh-thiêng nằm trên bờ sông Vĩnh-Điện.

Khi máy bay đáp xuống phi-trường Phú-Bài thì bạn chưa nghe chi ; nhưng khi đi ngang qua Gia-Lê, Thanh-thủy, bạn lại nghe một câu hò rất quen thuộc, một câu hò mà bạn nhớ như tưởng đã nghe khi còn nằm đu đưa trong nôi :

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,  
Nhớ người dấy gấm khăn điều vắt vai.*

Về xuất-xứ câu ca-đao này, có hai thuyết. Một thuyết của Trần-Thanh-Mại, tác-giả quyển « Tuy-lý-Vương » đã viết trong sách này rằng câu ca-đao trên do Trương-An Quận-Vương làm ra để nhớ Hồng-Bảo, bị vua Tự-Đức ghép vào tội mưu phản.

Thuyết thứ hai của cụ Tùng-Lâm, một vị thâm-nho của xứ Huế, hiện ở Sài-Gòn, lại cho rằng : Ông Hoàng Văn-Lãng-Công, tức Hồng-Dật (tức vua Hiệp-Hòa về sau) hồi còn làm hoàng-tử thường ưa thú chơi phong-lưu, nên chiều nào ông cũng dạo hồ sen, vai mang chiếc dây gấm, trong đưng thuốc điếu, còn bên vai kia vắt chiếc khăn màu hồng điều. Bà Công-chúa Đồng-Xuân thấy điệu bộ ấy phải lòng ông ta, bèn đặt ra câu hát nói trên rồi dạy bọn thê-nữ học thuộc lòng, đợi khi nào Văn-lãng-Công qua Phủ Đồng-Xuân chơi thì hát rùm lên. Văn-lãng-Công nghe lấy làm đắc chí, hiểu ngầm Bà Đồng-Xuân, vốn người đa tình, tưởng nhớ đến mình nên mới đặt ra câu ấy.

Tiếp tục cuộc hành-trình, chúng ta đang tiến vào trung-tâm thơ-mộng. Chúng ta nhìn lại « thành quách ấy mà giang-sơn ấy, đầu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa », bỗng nhớ đến mấy câu ca-đao lịch-sử của một thời tao-loạn :

*Nơi bên Trường-tiền có cây đa bóng mát,  
Gần bên Bồ-đề có bãi cát phẳng lì.  
Trời ơi ! sanh giặc làm chi ?  
Đề quân Trần-Vũ phải ra đi cơ hàn ?*

Nguyên xưa kia, ở hai bên đò Trường-tiền và Bồ-đề có đóng hai đồn Thủy-sư. Gặp lúc Lê-Văn-Khôi nổi loạn ở Gia-định, quân tiếp-viện lấy từ ba tỉnh Phú-yên, Khánh-hòa và Bình-thuận đã nhiều lần thất bại, nên chi

vua Minh-Mạng phải hạ chiếu điều-động những đoàn quân Thủy-sư tinh-nhệ tiến gấp vào Nam yểm trợ quân lính của Triều-đình đang bị nguy khốn, Quân-đội xứ Kinh gọi là quân Trấn-Vũ, từ lâu chưa hề đi đánh giặc xa, nay phải xuất quân Nam-tiến, để vợ con lại trong cảnh chia lìa thương nhớ, nên họ mới đặt ra câu hò, than thân trách phận. Đó cũng là một lối thoát về mặt tinh cảm rất thanh tao, đã làm cho nền thi-ca của ta càng ngày càng thêm phong-phú.

Trên bờ sông Hương nhìn về phía hữu ngạn là thành quách cũ và phố-xá nghiêng ngang ; nhưng lấp-nạp hơn hết vẫn là chợ Đông-Ba có ghi lại trong câu ca-đao :

*Chợ Đông-Ba đem ra góc thành,*

*Cầu Trường-Tiền sáu nhịp bên đò ghềnh bắc ngang.*

Chợ này nhóm họp suốt ngày đêm, nên mới có vẻ đổi mà chưa ai họa lại được là :

*Chợ Đông-Ba đông ba buổi*

Đông-Ba tức là Đông-Hoa đọc trạch ra, vì hồi xưa phải kiêng tên bà Hồ-thị-Hoa, quê quán Thủ-Đức (Nam-Việt), và là vợ thứ nhất của vua Minh-Mạng và cũng là mẹ của vua Thiệu-Trị. Vì thế mà năm Minh-Mạng thứ 20 (1839), vua đã đổi tên là Đông-Bia. Ở đây có một cái cầu cùng tên, bằng ván làm từ năm Thiệu-Trị thứ nhất (1841), đến năm Thành-Thái thứ 4 (1892) mới thay bằng cầu sắt. Gần múi cầu này, phía trong cửa Đông-Ba, ngày trước tại phường Đông-Phước, tức là phường Thái-Trạch bây giờ, có một cái chợ lợp ngói mở từ đời Gia-Long, gọi là chợ Đông-Phước, sau mới dời ra ngoài cửa ô, tại xóm Đông-Ba, nên mới đổi tên là chợ Đông-Ba. Năm Thành-Thái thứ 11 (1899) lại dời ra phố Tràng-Tiền, nhưng vẫn giữ tên cũ tức là chợ Đông-Ba bây giờ, còn đình chợ cũ dùng làm trường học.

Đời chợ Đông-Ba, chúng ta tiến vào Thành-Nội, gồm có Kinh-thành, Hoàng-thành và Tử-cấm-thành, tất cả là một công trình kiến-trúc vĩ đại và tuyệt mỹ, mà nhân-dân ta đã xây dựng, suốt trong thế-kỷ XIX và bây giờ chúng ta có bổn-phận bảo tồn như một di-sản quý báu của tiên-nhân. Nào Phú Văn-Lâu ở ngoài, Ngo-Môn ở trong, cột cờ phía trước, điện Cấn-Chánh ở

giữa v.v.. thấy đều được ghi lại trong những câu ca-đao tả cảnh và trữ tình nồng-nàn tha thiết :

*Ngo-môn năm cửa chín lầu,  
Cột cờ ba cấp, Phú Văn-Lâu hai tầng.*

*Ai ơi chớ phụ đèn chai,  
Thấp trong Cấn-chánh rạng ngoài Ngo-môn.*

*Ngo môn năm cửa chín lầu :  
Người xưa tạo lập để công hầu vô ra.*

*Ngo-môn năm cửa chín lầu :  
Một lầu vàng, tám lầu xanh.  
Ba cửa thẳng, hai cửa quanh,  
Sinh em ra phân gái, không hỏi đôn kinh-thành làm chi !*

Tử-cấm-thành là nơi mà xưa kia được xem như là rất nghiêm-mật và bất khả xâm-phạm. Tự trung chỉ có hai hạng người bá tính được phép vào đó là : những người được chọn làm cung-phi, nhưng một khi đã vào đó thì chớ hông được ra ngoài thăm viếng cha mẹ bà con, vì thế mới có câu « đưa con vô nội » ; còn một hạng người nữa được vào đấy là các ông rể vua, tức là « phò mã tốt áo », nhưng mĩa-mai nhất là các ông phò-mã và kể cả bà nhạc đều phải gọi « cô dâu công chúa » là « bà », nên mới có câu ca-đao rằng :

*Chân dầy chân lép vô ra.  
Kêu cô cũng lơ kêu bà khó coi.*

Các ông hoàng bà chúa quen sống một đời nhàn tản, vô tư ; suốt ngày họ phải tìm những thú chơi kỳ lạ để giết thì giờ, chẳng hạn như chơi lam cầu ; chơi đầu hồ và chơi chũ.

Chơi *lam-cầu* (lam là giỏ, cầu là quả bóng) ngày xưa cũng tương tự như chơi bóng rổ (basket-ball) bây giờ. Giữa sân chơi đã cắm sẵn một cái sào, phía trên có buộc một cái giỏ, ai ném quả cầu vào giỏ thì được thưởng.

Chơi *đầu hồ* tức là ném thẻ vào hồ là một cách chơi đặc-biệt của ông hoàng bà chúa hồi đó. Đồ chơi gồm có một cái bầu bằng gỗ hoặc bằng đồng, cao trung bình, 6, 7 tấc tây, có một hay ba miệng, dưới đáy

bầu có căng một miếng da. Người chơi đứng cách hồ chừng 3 thước tây cầm những thẻ gỗ dẻo như hình cái chèo, dài trước 8 tấc tây, giữa chỗ người đứng và hồ có một thớt gỗ, cầm thẻ ấy phía đầu vót mỏng ném xuống thớt, thẻ dội lên và nhảy vào miệng hồ, đánh vào mặt trống kêu boong boong như đã thắng trận. Ngày xưa ông hoàng Hồng-Nhậm (về sau là vua Tự-đức) chơi đầu hồ rất giỏi.

Ngoài hai thú chơi trên kia, họ còn chơi chữ bằng cách ra những câu đố và câu đối rất khó, để thách những ai đối đáp lại được. Trong số những câu này, tôi còn nhớ mấy câu sau đây đến nay vẫn còn truyền tụng :

Ra : *Không vô trong nội nhớ hoài*

(Không là vô, trong là nội, nhớ là hoài)

ĐỐI : *Đi đến cửa quan sợ cụ*

(Đi là đến, cửa là quan, sợ là cụ)

Ra : *Nửa đêm đi bán dạ hành*

(Nửa là bán, đêm là dạ, đi là hành)

ĐỐI : *Vài ngày ghi sổ nhật ký*

(Vài là sổ, ngày là nhật, ghi là ký).

Ra : *Kìa mấy cây mía*

ĐỐI : *Có vài cái vò.*

Ngoài ra, họ cũng đưa ra những câu ca-dao rất thông-dụng mà hỏi đố « ý nghĩa lắt-léo » là gì, như :

Đồ vật : *Thuyền gỗ chèo sắt*

*Đi thì dắt về thì chèo.*

(cái ống mực của thợ mộc)

Động-vật : *Hỏi thăm kẻ lính cầm cờ :*

*Đường đi vô Quảng bao giờ đến nơi ?*

(đó đường tức giò heo)

Thực-vật : *Rung rinh nước chảy qua đèo,*

*Bà già lật đật mua heo cưới chồng.*

(Trái lý)

Chim : *Thương chàng sách áo ra đi,  
Mẹ kêu kẻ mẹ, em cứ đi theo chàng!*  
(Con chim bạc má)

Súc vật : *Thương nhau cỡi áo cho nhau,  
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.*  
(con lừa mẹ)

Trái cây : *Thù cha thù mẹ thù chồng,  
Thù con thù chị thù ông thù bà.*  
(trái thù dử)

Sau hết, họ cũng thi nhau làm những bài thơ lắt-léo, bằng cách nói lại hai chữ đầu với hai chữ cuối mỗi câu, như bài thơ « Ghen » sau đây :

*Mời tra chiêu hỏi chuyện mà trời,  
Trời để ghen chi cứ trẻ đời,  
Cớ sự vì sao mà cứ sợ,  
Đời chừng không được hãy đừng chơi.*

Tuy Phò-Mã bị bà chửi ghen, nhưng Phò-Mã vẫn chưa sợ :

*Chạy chữa chai chân chẳng chịu chữa,  
Chán chường chua chát chán chê chưa?  
Cha chày chú chóp chơi chung chạ,  
Chẳng chính chuyên chi chớ chực chờ.*

và Phò-mã vẫn còn bắt chước :

*Le lội lung lẳng lay lá lách,  
Lươn lo lòn lỏi lọt lùm lau.*

o)

Ngày xưa, trong Nội đã có một nếp sống riêng biệt, khác hẳn với nếp sống của thường dân. Ngay như trong lối xưng hô, nhà vua tự xưng mình là « trẫm ». Thật ra thì vào đời thượng-cổ bên Tàu, chữ « trẫm » chỉ có nghĩa là « tôi » mà thôi, như câu thơ sau đây của Khuất-Nguyên trong Ly-Tao :

Trẫm hoàng khảo viết Bá Dung,

nghĩa là : *Cha ta tên là Bá-Dung.* Từ đời Tần-Thĩ-Hoàng trở về sau, mới đem ra dùng cho vua tự xưng tụng.



Khi vua nói thì gọi là ban, lời vua ban ban gọi là ty, luân ; vua ăn gọi là ngự thiện, ngũ gọi là ngự ngơi, ngũ dạy gọi là tánh, đi chơi gọi là ngự đạo, là hạnh, đi chơi không cho biết gọi là vi-hành, vi phục ; nghĩ chân giọc đường gọi là trụ tất, chen vào đường vua đi gọi là phạm tất, nhà ở vua trụ tất là cung, hành cung, vua đau gọi là se, là siết, hoặc vi-dạng, vi-hóa ; sinh gọi là đản ; mất gọi là băng, là thàng hà ; lên ngôi gọi là đăng quang, nhường ngôi gọi là thiện-vị, bỏ ngôi gọi là thoái-vị, bị bức phải thoái vị gọi là phế đế ; vua chạy giặc gọi là xuất bốn, phải lưu ly chỗ này qua chỗ khác gọi là bá thiên, vua đi ở nước ngoài gọi là ngụ công v.v...

Sau mấy vụ đảo-chính và mấy cuộc cách-mạng đã xảy ra liên-tiếp từ năm 1945 đến nay, những ông hoàng bà chúa, những phò-mã công tôn, các mục các mẹ (1) đã rút lui về hậu-trường, để lạng lẽ bước vào dĩ-dăng. Trong khung cảnh :

Tịch tịch thiên triều cung ngoại miếu :  
Đỗ quyên đề đoạn nguyệt âm âm.

Chu-mạnh-Trình

tạm dịch là :

*Cung miếu triều xưa nay vắng ngắt :  
Trăng mờ khắc khoải cuộc kêu than.*

(B.G. dịch)

họ chỉ còn biết sống với những kỷ-niệm xa-xăm mà người ta thường gọi là « vang bóng một thời » ; họ quên cả những trò chơi vương-giả ngày xưa, họa may chỉ còn ghi lại một vài lối chơi chữ cho đỡ buồn mà thôi :

*Râu ri râu ri, râu ría ra rập rập,  
Rao rãng : rờ râu râu rựng, rãng rĩa rờ ra ri !*



Nếu xưa kia, trong số những « cậu ton », có người ưa « đấm đá củ cò » và cũng có người thích « nờn chia trử cọng », thì ngày nay cũng có những vị lưu quan sống những ngày tàn bên cạnh hồ sen và hòn non

(1) Danh-từ các mục, các mẹ, xuất-hiện từ đời chúa Võ-Vương Nguyễn-Phước-Khoát (1738-1765) vì sinh con ra khó nuôi, nên con trai cũng gọi như con gái.

bộ, với một tâm hồn thảng thích của thi-nhân ngâm vịnh cùng bướm hoa trăng gió. Họ nhớ lại một quãng đời trầm bổng khá dài và thắm nhuần đạo-lý Khổng-Mạnh, nên họ mới rung đùi mà ngâm rằng :

*Khi ra sân khấu không hò hét,  
Lúc hạ vai tuồng ít hổ người.*

(Thúc-Giạp)

Hơn nữa, họ cũng thắm-nhuần tư-tưởng và triết-lý của nhà Phật là :

*Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,  
Mượn hoa đàm đước tuệ, làm duyên*

Họ thừa hiểu rằng sự buồn tẻ cũng chỉ là thừa đó thôi :

*Tâm sự chát chua biết ai mua mà bán,  
Rao khắp chợ đời không thấy dạng người mua,  
Bán buôn là chuyện bông đùa,  
Đành ôm tâm sự chát chua ra về !*

oOo

Bây giờ, chúng ta hãy mạnh dạn cởi bỏ « tâm sự chát chua » đó và mặc cho ai « râu ri rãng rĩa », chúng ta rời Kinh-thành để tiến về Bao-Vinh tục gọi là Kẽ-Trải, tức là làng Thế-Lại, mà đám binh-dân thường nhắc đến trong ca-dao :

*Nhà anh cột gỗ kèo tre,  
Trên thì trải ngồi dưới che màn màn.*

Xưa kia, tại làng này có bán những đồ đồng, hàng lụa và đồ sơn ngoài Bắc đem vào và gọi là làng Trải. Trải nghĩa là mái ngói không trát vôi. Có lẽ ngày xưa các dãy phố ở làng Thế-Lại này lợp ngói như thế nên mới có tên ấy chăng ?

Theo một thuyết nữa của nhà văn Phan-Văn-Dật thì ở Thừa-Thiên, chữ Trải còn là tên một thứ rỏ bán cá, chỉ lớn bằng cái bát gọi là rỏ trải, ngày nay ít thấy dùng. Làng Cù-Lại ở gần cửa Thuận, làm nghề đánh cá cũng gọi là làng Trải, và rất có thể chữ Chải cũng một nguồn gốc.

Trước khi rời Kinh thành Huế, chúng ta nhớ lại một giai-đoạn lịch-sử đen tối nhất của Sông Hương Núi Ngự đã được đánh dấu với những câu ca-dao đượm mùi chính-trị :

Nhất giang lưỡng quốc ngôn nan thuyết.

Tứ nguyệt tam vương triêu bát tường.

đề ám chỉ một dòng sông Hương mà mỗi bờ lại có một chủ, lại thêm những hành động ngang tàng của hai vị đình-thần Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất Thuyết chỉ trong vòng 4 tháng mà đã lật đổ ba vua : Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc.

Một trong ba ông vua đó lại được ám chỉ trong một câu ca-dao khác là :

*Một nhà sinh được ba vua :  
Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài !*

Một nhà đây là ông Hồng Cai Kiến-Thái Vương, con vua Thiệu-Trị, đã sinh được ba vua : một vua còn trị vì là Đồng-Khánh, một vua mất rồi là Kiến-Phúc và một vua chạy về mạn ngược Trị-Bình là vua Hàm-Nghị.

Rời thành quách Huế, ta tiến về phía Nam-Giao có thông reo bốn mùa, như để gọi cho một vài kỷ-niệm xa xưa :

*Vì đâu nông nổi nước này,*

*Chùa Tiên vắng vẻ tứ thầy xa nhau !*

Lần dở mấy trang sử mốc meo, chúng ta được biết rằng chùa Kim-Tiên ở gần Nam-Giao Huế là do Chúa Trịnh-Tráng tức Thanh Đô-Vương (1623-1657) dựng lên trong thời-kỳ chiếm đất Thuận-Hóa. Về sau, Chúa Nguyễn thắng Chúa Trịnh, lấy lại được hai tỉnh Thuận-Hóa và Quảng-nam. Quân Trịnh phải đồn binh ở Chùa Kim-Tiên rồi kéo quân về Bắc, để ngôi chùa quanh quẽ ; búi người kẻ ở nười đi, họ mới thoát ra những lời bi ai thống thiết !

Chùa Tiên chiếm một khung cảnh tuyệt đẹp, gần rừng thông Quảng-Tế, ngay nay có mây lọc nước trong xanh rút từ Sông Hương lững lờ và uể-oải như một nàng « Kiều vô lực ».

Ngày xưa, nơi đây là xóm lười chài của làng Quảng-tế, một làng không có một miếng đất cắm dùi, quanh năm chỉ sống lênh đênh trên mặt nước :

*Chà chài mẹ lướt bên sông,  
Đứa con thi đậu làm ông trên bờ.*

Theo Cụ Tùng-Lâm, câu này do đám dân chài làng Quảng-tế, huyện Hương-trà, đặt ra để nhắc lại sự-tích của ông Huỳnh-hữu-Thường, con một ngư-phủ, mà biết chăm lo học hành, thi đỗ Cử-nhân, rồi đỗ Hoàng-Giáp, làm quan đến Thượng-Thư. Vua Tự-Đức rất mến ông, nhận thấy làng ông không có đất đai chi cả, bèn hạ chỉ cắt 20 mẫu đất làng Nguyệt-Biểu giao cho làng Quảng-tế để có đất cho dân-cư ngư, trồng lúa và xây cất đền chùa.

Từ ngọn đồi Quảng-tế, ta nhìn về phía dãy núi Trường-Sơn, thấy hòn núi Tam-Thai sớm xanh, trưa vàng, chiều tím mà nhớ lại một câu hò xưa :

*Trông lên hòn núi Tam.Thai,  
Thấy đôi chim quạ, ẩn xoài chín cây.  
Quạ kêu ba tiếng quạ bay,  
Đề đoàn chim én đêm ngày chắt chiu.*

Trên núi Tam-Thai có ngôi chùa cổ kính, gặp lúc Trịnh-Nguyễn giao tranh, chúa Nguyễn bèn đưa cung quyền lên ẩn núp nơi chùa này. Bị quân Trịnh tấn công thỉnh linh lúc nửa đêm, chúa Nguyễn và bà phi cùng cận-thần rủ nhau chạy trốn, bỏ cung quyền lại bỏ-vo không nơi nương tựa, nên mới có câu ca-dao ghi lại cảnh tình thê lương ảm-đạm.

Rời Kinh-thành Huế, theo quốc-lộ bang hạt Quảng-diên, ta về làng Niêm-Phò, tức Kế-Lũ, một làng chuyên nghề bắt cá với cái lờ tre. Ngày xưa, làng này có hai họ là họ Hồ và họ Nguyễn cũng là bá-hộ, thiên-hộ trong làng. Nhà họ Hồ có cô gái rất xinh tên Qui. Nhà họ Nguyễn có cậu con trai học rất giỏi tên là Mai. Hai ông thân thi bằng lòng kết xui với nhau, nhưng hai bà vợ lại không ưng-thuận vì có điều xích-mịch với nhau từ trước nên khi ru em hai bà hát những câu chế-nhạo mỉa-mai nhau. Bà mẹ ông Mai thì hát châm biếm tên « Qui » :

*Sá chi thân phận con qui,  
Ngày thì bần lấm đêm thì gió sương !*

Bà mẹ cô Qui nghe hát tên con mình chột dạ nên mới hát trả lại :

*Cây khô mấy thuở mọc chổi,  
Cá mại dưới nước, mấy đời hóa long !*

Hai bên cứ hát qua hát lại như thế và nhất định không nhìn mặt nhau, cho đến khi ông Nguyễn-văn-Mại thì đỗ Thủ-khoa, đỗ tiếp luôn Phó-bảng, làm quan đến Án-sát, thì họ Hồ đâm ra lo sợ mà không dám hát hò con cá mại nữa !

Còn cô Qui xuất giá được ít lâu thì bị chồng dể, lủi thủi về nhà, nghĩ mà buồn cho nhân-tình thế-thái. Trong khi đó, ông Thủ-khoa Mại tiến mãi trên đường hoạn lộ cho đến nhất phẩm cho nên người đương thời gọi ông là cụ Thượng Mại hay là Cụ Thượng Niêm-Phò.

Cụ là bạn thân của Cụ Phước-Môn Nguyễn-hữu-Bãi, tác-giả bài thơ đề tập « Việt Nam Phong Sử » do Cụ Nguyễn-văn-Mại xuất-bản năm 1918.

#### Đề tập « Phong Sử »

*Ví hát trăm câu, vận quốc-âm,  
Lại đem chuyện cũ giải cho nhâm.  
Phong ca chuông động nghe càng thắm.  
Sử sách gương treo, ngó chẳng lẫm.  
Cao thấy, ư a, ba bốn bức,  
Nên hư, hay dở, mấy ngàn năm.  
Còn trời, còn nước, còn non mãi,  
« Phong-Sử » này còn có kẻ ngâm.*

(Thơ nôm Phước-Môn)

Đời Niêm-Phò, chúng ta lần đến Bắc-Vọng, quê-hương của vị công thần khai quốc Nguyễn-Văn-Thành, người đã có công lớn trong cuộc thống nhất giang-sơn hồi cuối thế-kỷ XVIII và đầu thế-kỷ XIX, công trạng to lớn không kém Võ-Tánh, Nguyễn-Huýnh-Đức và Đỗ-Thành-Nhơn mà người đương thời gọi là « Gia-Định tam hùng ». Dân vùng này còn nhắc nhớ công ơn Tiên-quân Nguyễn Văn-Thành trong một câu hò :

*Nước non Bắc-Vọng xanh xanh,  
Nhớ ơn khai quốc Nguyễn-văn-Thành ngày xưa.  
Lên non chước một bộ sào,  
Chống thuyền Bắc-Vọng qua ao Du-Hồ.*

Đời Bắc-Vọng, chúng ta lần đến làng Văn-Trình (Huyện Phong-Điền), vừa nghe đầu đây một câu hò rất ý-nghị :

#### *Trời xui có trận mưa giông, Khiến con chim én vào trong đèn vàng.*

Đó hồi xóm làng, nhất là các bà già ông lão, mới biết rằng câu hò này ám-chỉ bà Học-phi của vua Tự-đức, tên là Yến. Nguyên hồi đó, vua Tự-Đức du thuyền chơi phá Tam-Giang xảy ra gặp mưa to gió lớn, vua bèn bảo chèo thuyền ròng vào bến làng Văn-Trình, thì vừa thấy trên bờ một thiếu-nữ kiều diễm, vua lấy làm vừa ý, liền hạ lệnh tuyền vào cung và phong tài-nhân, kể được phong đến tam-giai phi.

Bạn gái trong làng thấy cơn mưa giông là một điềm-phúc cho cô Yến nên mới đặt ra câu ca-dao trên kia.

Nói đến phá Tam-Giang, chúng ta nhớ đến mấy câu hò rất tinh-từ như là :

*Thương nhau chẳng quản chi thân,  
Phá Tam-giang cũng lợi, đèo Hải-vân cũng tròn.  
Nhớ em anh cũng muốn vô,  
Sợ Truong nhà Hồ ngại phá Tam-giang.  
Phá Tam-giang ngày rày đã lặng,  
Truong nhà Hồ nội-tán đẹp yên.*

Sở dĩ cái đầm lớn này được gọi là Phá Tam-giang là vì nơi đây, có ba con sông lớn của xứ Huế chảy về đó là : sông Ô-Lâu, sông Bồ, và sông Hương.

Xưa kia, phá này bị sóng gió dữ-đội vì có ba con sông thần : sông Cha, sông Mẹ và sông Con, cứ nổi đuôi nhau rượt các ghe thuyền phải chìm đắm luôn luôn, cho đến khi ông nội-tán Nguyễn-Khoa-Đặng nã súng thần công bắn vào ba con sông thần làm cho chúng tiêu-tan đi mất.

Phía bắc phá Tam-giang có con sông Bàu Ngựợc được nhắc nhớ trong một vế đối như sau :

*Sông Bàu-Ngựợc nước chảy xuôi,  
mà có người lạnh trí đã đối lại :*

*Bến Kim-Đôi, thuyền về chiếc.*

Chàng giữa Phá Tam-giang là bến đò Ca Cút, xa lác xa lợ hơn nữa cây số, nên chỉ khi gọi đò phải la lớn tiếng « ca » để cho bên kia bờ người lái đò đáp lại bằng tiếng « cút ».

Bến dò Ca Cút vừa là bến dò ngang vừa là bến dò dọc. Đò dọc cho những người đi từ Quảng-trị vào Kinh hoặc từ Kinh ra Quảng-Trị, mà phải đi ngang qua cửa Eo, tức là cửa Thuận. Những con đò dọc ngang ngang dọc là những mối giây liên lạc giữa nam-thanh nữ-tú từ ngàn xưa :

*Nước chảy xuôi con cá buôi lội ngược,  
Nước chảy ngược con cá vượt lội ngang.  
Thuyền em về bến Thuận-An,  
Thuyền anh lại tách lên ngàn em ơi !*

(Thúc-Giơ)

Rời Văn-Trình, ta đến con sông Ô-Lâu, là nơi phát-xuất một câu hò rất được các giới binh-dân, cũng như trí-thức tán thưởng và bình giảng xôn-xao :

*Trăm năm trôi lở hẹn hò,  
Cây đa bên cộ, con đò khác đò.  
Cây đa bên cộ còn lưa,  
Con đò đã thác năm xưa tẻ rồi !*

Cũng có người chữa câu đả lại là :

*Trăm năm nhiều lở hẹn hò  
Trăm năm vì lở hẹn hò*

và cũng có người đổi hai câu sau là :

*Con đò tuy khác năm xưa,  
Cây đa bên cũ vẫn đò con đò !*

Sở dĩ có người hoặc tán đồng hoặc còn thắc-mắc về văn-th thể và ý nghĩa câu ca-dao này là vì không ai biết được văn-th thể nguyên thủy của nó (bởi thế nó mới thuộc về loại văn-chương truyền khẩu) và tùy từng địa-phương, mỗi nơi thay đổi một ít theo giọng nói hoặc theo hoàn cảnh và tâm-trạng của mình.

Câu ca-dao theo hình thức đầu tiên, rất được thông truyền trong ba tỉnh Bình-Trị-Thiên và trong khi tìm hiểu xuất-xứ những câu ca-dao, tôi đã được linh-mục J.M. Nguyễn-văn-Thích, Giảng-sư Đại-học Văn-khoa Huế và Sai-gòn, giải-thích rằng « Cây Đa, Bến Cộ » hay là « Cây Đa Bến Cũ » là hai bến đò có thật trên bờ sông Ô-Lâu, ở giáp giới hai tỉnh Thừa-Thiên

— Quảng-Trị. Trong khi đi truyền giáo khắp các vùng quê Linh-mục Thích đã có cơ hội nghiên-cứu về những địa-danh và xuất-xứ nhiều câu ca-dao. Hơn nữa thân-sinh của linh-mục là Cụ Thượng-Mại, quê-quán Niêm-Phò (Quảng-Điền, Thừa-Thiên) là tác-giả quyển « Việt-Nam Phong-Sứ », trong đó cụ góp nhặt và bình-giảng những câu ca-dao có liên-quan đến Sử-Địa và phong-tục Việt-Nam.

Chúng ta nên thêm rằng con sông Ô-Lâu nói trên bắt nguồn từ dãy Trường-Sơn, chảy qua vùng Ô-Sa, chảy về Phước-Tịch đến Lương-Điền thì chia ra làm hai : một nhánh chảy về Văn-Trình ra phía Tam-giang, còn một nhánh về Cầu-Nhi, Trung-đơn thì mang tên là Ô-Giang, có chi lưu là Ô-Khê, tức là khe Ô vậy. Bốn địa-danh Ô-Lâu, Ô-Sa, Ô-Giang và Ô-Khê là những di-tích âm thanh hiếm hoi còn lại của Châu-Ô mà Chiêm-Thành đã dâng cho ta năm 1306.

Trong câu ca-dao nói trên, chúng ta nhận thấy những *cổ-ngữ* (archaïsmes) hoặc những *thờ-ngữ* (patois), đành rằng rất « quê mùa » vì nó xuất-phát từ đồng quê nội cỏ, nên mới có những chữ : cây đa (thay cho cây da), bến cộ (thay cho bến cũ), còn lưa (thay cho còn lại), tẻ rồi (thay cho kia rồi).

Những *cổ-ngữ* và *thờ-ngữ* là những chữ đã giữ nguyên hình thức của nó, trải qua những biến chuyển lịch-sử. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi Cố Alexandre de Rhodes viết *Đức Chúa Blời* (viết tắt là Đ.C.B), bùi *lle*, con *tlâu* v.v.. trong cuốn « *Catéchismus* » và cuốn tự-điền « *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* », xuất-bản tại Roma năm 1651. Không phải linh-mục Đắc-Lộ đã phiên âm sai chữ Trời, tre, trâu v.v.. nhưng trái lại ngài đã phiên-âm rất đúng theo giọng nói của dân ta, nhất là dân quê, hồi thế kỷ-thứ XVII.

Ngày bây giờ đây, còn nhiều nơi ở miền quê từ Đèo Hải-Vân trở ra cho đến Đèo Ngang, người ta còn nói bùi te, con tàu, ló lỏ (lúa trở) v.v.. Chữ lỏ do *cổ-ngữ* « *llo* » mà ra, về sau được thay thế bằng chữ *trở* (trở sặc thềm hoa) như ta thấy trong câu hò già gạo sau đây :

*Trâu ăn giữa vạc lúa lỏ, đã nguy chưa lỏ !*

(Trâu Lỏ Nguy Tẻ là đốn nước trong thời Xuân-Thu, Chiến-Quốc) mà có người lanh trí đã đáp lại rằng :

*Lẽ củi sống chẻ ra vẫn vỡ, đốt lại thành than!*

(Văn Võ Thành Than (đọc theo giọng Huế) là những vị vua thời Tam Đại, Tây-Châu).

Đất này xưa kia là đầu cầu của những người Việt di-cư theo chúa Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-Hóa, vào tháng 10 năm 1558. Khi đi ngang qua đụn cát ở huyện Đăng-Xương, tức là Triệu-Phong bây giờ, dân miền này có dâng cho chúa 7 vò nước. Thái-phó Nguyễn-U-Kỷ bèn tâu rằng : « Đây là điềm trời muốn cho chúa có dân có nước ». Lúc bấy giờ, đất Quảng-trị còn hoang-vu lấm, khắp nơi là đồng khô cỏ cháy, rừng rậm núi cao. Những người đã đi theo chúa đặt dinh tại làng Ái-Tử, là những kẻ gan dạ, đốc một lòng khai sơn phá thạch ; nên mới có câu ca-đao rằng :

*Mãng giang nấu cá ngạnh nguồn :*

*Đến đây nên phải bán buồn mua vui!*

Về sau, Chúa Sãi kế nghiệp tiếp tục công cuộc khai-khăn đất đai, mở mang bờ cõi. Chúa bèn mời nhân tài ra giúp nước, trong số đó có Đào-Duy-Tử là một Gia-Cát-Lượng của thời Trịnh-Nguyễn phân tranh. Họ Trịnh biết Đào là một bậc kỳ tài trong thiên hạ, bèn cho người vào mật tiếp với Đào để dụ Đào về với Trịnh, nhưng Đào chỉ trả lời rằng :

*Tiểu chi một miếng trầu cay!*

*Tại sao không hỏi những ngày còn thơ.*

Nhưng họ Trịnh vẫn tiếp tục cho người vào dụ dỗ, thì Đào-Duy-Tử khẳng khái trả lời dứt khoát rằng :

*Thân em tay bết tay bông!*

*Xin đừng lai vãng mà chổng em ghen!*

Tiến xa hơn nữa, chúng ta đến vùng Do-Linh, Vĩnh-Linh, hai quận này hợp lại thành châu Ma-Linh ngày xưa mà vua Chế-Chử đã dâng cho Lý Thánh-Tông năm 1070 ; rồi đến phiên Lý Thường-Kiệt đi vẽ họa-đồ các châu Chàm mới sáp-nhập, bèn đổi tên Ma-Linh ra Minh-Linh năm 1075, tên đó ngày nay còn lưu lại nơi sông Hiền-Lương, cũng có người đọc trại là Minh-Lương ; còn quốc-tế thì gọi là Sông Bến Hải, một danh-từ bao hàm ý-nghĩa chia rẽ Bắc Nam đôi đường !

Ta hãy mạnh tiến qua bên kia sông, đến chợ Huyện thuộc làng Hồ-xá, là quận-ly Vĩnh-Linh. Dưới thời nhà Hán (282 sau T.C.) nơi đây là châu Lưu-Dung, quận ly của quận Nhật-Nam. Sở dĩ gọi Nhật-Nam, là vì các nhà thiên-văn Trung-Hoa đã trồng một cây nhật khuê (gnomon) cao 8 thước ở nơi này thì thấy bóng mặt trời ngã về Nam cũng 8 thước.

Nhưng ra đến đây không phải để nói chuyện thiên-văn mà là để nghe một vài câu hò của cô bán cu gằm-ghi ở Chợ Huyện :

*Hỡi người mặt trắng râu xanh!*

*Phải người Chợ Huyện bạn mình đó không?*

Nguyên là ông Quận-Công Nguyễn-Văn-Tường có tướng mạo phi thường : mặt trắng râu xanh. Khi ông còn làm tri-huyện Do-Linh, ông thường vượt sông Hiền-Lương, lui tới nhà ông Bá-hộ Lộc ở Chợ Huyện. Ông này có con gái khá xinh. Ông huyện Tường định cưới cô về làm hầu, nhưng về sau ông được thăng liên tiếp ba năm từ Án-sát, B5-chánh đến Tuần-Vũ nên ông bỏ lơ luôn không lai vãng nhà Bá-hộ Lộc nữa. Về sau, khi ông đi kinh-lý qua Chợ Huyện, có con gái ông bá-hộ đang ngồi giặt áo dưới bến sông ngược mắt lên trông lên thấy ông mới hát một câu để trách ông là người mặt trắng bội bạc tình cũ nghĩa xưa.

Quả thật như vậy, cuộc đời của ông Nguyễn-Văn-Tường ba chìm bảy nổi, đáng bị cô gái Chợ Huyện chê bai trong một câu hò được lưu truyền mãi mãi.

Sau khi viếng thăm Chợ Huyện, chúng ta trở về Huế ; trên con đường quốc-lộ số 1, chúng ta sẽ dừng bước tại làng Văn-Xá, huyện Quảng-diên, mà nhà bác-học Đức R.A Stein đã chứng minh trong cuốn Le Lin-Yi (nước Lâm-Áp) rằng Văn-xá là thủ-đô của xứ Lâm-Áp xưa, trong khi phần đông những nhà khảo-cổ khác cho rằng thủ-đô Lâm-Áp ở Trà-Kiêu (Sinha-pura), thuộc tỉnh Quảng-Nam bây giờ.

Đến đây, ta phải dừng lại Phủ Thờ, nhìn cô gái hái sen trong bầu hương thơm bát ngát :

*Tới đây dấu lạ sau quen,*

*Trông em xinh đẹp như sen Phủ-Thờ.*



Vậy Phủ-Thờ là gì? Khi còn cấp sách đi học trường huyện Quảng (Quảng-diên) cách đây 30 năm, chúng tôi thường đi ngang Phủ-Thờ, nhìn ngôi nhà ngói vuông vức đồ sộ, kín cổng cao tường, mà nghĩ thầm rằng Phủ-Thờ là một ngôi nhà bí-mật và to lớn nhất mà chúng tôi được chiêm ngưỡng trong buổi thiếu thời. Đến khi khôn lớn, tôi muốn sự biết sự tích của Phủ-Thờ, thì than ôi! các bộ-lão miền này đã trở thành người thiên-cổ.

Tôi đành ôm mối hận vào Nam, nhưng không quên tìm kiếm trong sử sách xưa, thì vừa rồi tôi được biết rằng Phủ-Thờ Văn-Xá là một ngôi nhà thờ của họ Trần, dòng-dõi ông Trần-hưng-Đạt, Tham-tri Bộ-Lễ, thân-phụ của bà Thuận-Thiên Cao-Hoàng-Hậu, vợ thứ hai của vua Gia-Long. Bà Thuận-Thiên sinh giờ Giáp-ngọ ngày 4-1-1769 tại Văn-xá, lúc thiếu thời theo hầu bà mẹ của vua Gia-Long và trong thời-kỳ chinh-chiến với Tây-sơn, họ ẩn náu tại làng An-Do, gần cửa Tùng. Năm 1779, bà vào Nam và đến năm 1781 khi được 13 tuổi, bà được tuyển vào cung vua Gia-Long, và phong làm thứ phi. Năm 1788, sau khi lấy được thành Gia-định, bà nằm mộng thấy một vị thần-linh tặng cho bà ba cái ấn ngọc, một cái màu hồng, một cái màu đỏ tía và một cái màu vàng lợt. Bà bèn tiếp nhận cả ba. Năm 1791, bà sinh hạ hoàng-tử Đổm tại làng Tân-Lộc, thuộc Gia-định trấn (theo Đại-Nam Thực-lục chính-biên), Hoàng-tử Đổm lên ngôi lấy niên-hiệu là Minh-Mạng. Theo Đại-Nam nhất thống chí, quyền Gia-định, đầu năm 1832, vua Minh-Mạng hạ chỉ thiết lập ngôi chùa Khải-Tường tại làng Tân-Lộc để ghi nhớ việc Ngài chào đời tại nơi đây. Ngài cho tạc một tượng Phật bằng gỗ thếp vàng và cho chở từ Huế vào cúng chùa. Tượng Phật này cao 1m96, ngồi trên tòa sen, với dáng điệu Vajrasana, hai tay chấp lại, hai ngón tay cái dính nhau, trên ngực có chạm hình chữ thập Svastika.

Vào khoảng 1860-1866, chùa Khải-Tường bị quân Pháp chiếm đóng. Địa-điểm của ngôi chùa nay ở góc hai con đường Trần-Quý-Cáp (Ex Testard) và Lê-Quý-Đôn (ex Barbé), trong vườn Đại-học Y-Khoa Sài-gòn bây giờ.

Hồi đó, Trương-công-Định lãnh đạo cuộc kháng-chiến Nam-B, đẩy binh từ Tân-Hóa (Gò-Công), lên đến Gia-Định, phục kích quân Pháp đêm 18-12-1860 và giết chết Đại-Úy Barbé, người chỉ-huy toàn quân chiếm đóng

chùa Khải-Tường. Cho nên người Tây-phương thường gọi chùa này là « Pagode Barbé ».

Cuộc chinh-chiến đã làm cho chùa Khải-Tường bị tan-nát và sau đó tượng Phật của vua Minh-Mạng đã được dời đi nơi khác và hiện nay du-khách có thể chiêm-ngưỡng pho tượng cổ-kính ấy tại chính điện của Bảo-tàng-Viện Quốc-Gia Sài-gòn.

Đến đây, chúng ta chấm dứt cuộc xuân du kỳ thú qua những ca-đạo lịch-sử của xứ Huế và bây giờ những ca-đạo ấy đã đưa chúng ta trở về xứ Đông-Nai màu mỡ mà Trời đã ban cho người dân Việt để chuẩn-bị cuộc thống nhất giang-sơn:

*Trời Nam đất Việt đủ trăm hoa,  
Dua nở mừng Xuân khắp hải-hà.  
Trước cửa ngạt-ngào hương quế đượm.  
Bên thềm riu-rít tiếng oanh ca  
Vườn Hồng nầy lộc đơm chồi Ngọc,  
Chim Lạc tung mây rợp bóng Nga.  
Chuồn chồn chờ ngày vui thống nhất.  
Giang-sơn gấm vóc cảnh bao-la ..*

Hoàng-mai-trang, Xuân Tân-Sửu

TÂN-VIỆT-ĐIỀU



KỶ-SỬU  
(1169)

Lý-Anh-Tôn vẫn ở tại ngôi được ba mươi bốn năm.  
Hai niên-hiệu nối tiếp là :  
— Chính-long Bảo-Ứng (Quý-vị 1163 tới Quý-tỵ 1173)  
— Thiên-cầm chí-bảo (Giáp-ngọ 1174 tới Ất-vị 1175)  
Năm Chính-long bảo-ứng thứ hai tức là Giáp thân 1164, vua nhà Tống là Tống-Hiến-Tôn đổi Giao chỉ quận ra là An-nam quốc và Anh tôn được phong làm An-nam quốc-vương.

Năm Tân mao 1171 và Nhâm-thìn 1172, vua Anh-Tôn ngự-du xem tình hình dân-chúng và sai quan lập bản địa-đồ xứ An nam (quyền này thất lạc).  
Năm Kỷ-sửu 1169 là năm Chính long bảo-ứng thứ bảy.

TÂN-SỬU  
(1181)

Long Cán con vua Anh-Tôn chưa ba tuổi lên làm vua gọi là Lý-Cao-Tôn có Tô-hiến-Thành phụ chính.

Năm Kỷ-hợi (1179), Tô-hiến-Thành lãnh trần.

Mất một cột trụ. Trong triều không ai tuân lời di-huấn của Tô-hiến-Thành, mồm rói-ren bắt đầu từ đây.

Cao-Tôn có tất cả bốn niên-hiệu :

— Trinh-phù (Bính thân 1176 tới Ất-tỵ 1185)

Năm Tân-sửu (1181) là Trinh-phù thứ sáu.

QUÍ-SỬU  
(1193)

Nhà Lý khởi sự suy tàn từ Kỷ-hợi 1179.

Vua Cao-Tôn còn bé chỉ biết lo chơi bời, xa-xỉ, quần thần mặc sức mua quan bán tước.

Niên hiệu kế tiếp là :

— Thiên-tư gia-thụy (Bính-ngọ 1186 tới Tân-dậu 1201)

Năm Quý sửu (1193) là Thiên-tư gia-thụy thứ tám.

ÁT-SỬU  
(1205)

Cao-Tôn còn tại ngôi có lẽ là nhờ hạ-tầng cơ-sở của chính-trị còn vững chắc, hoặc là quần chúng ít quan tâm đến chánh-sự, hoặc là thiện-chánh của các đời vua trước còn dư-ba.

Hai niên-hiệu chót là :

— Thiên-gia bảo-hựu (Nhâm-tuất 1202 tới Giáp-tí 1204)

Trị-bình long-ung (Ất-sửu 1205 tới Canh-ngọ 1210)

Việc đáng ghi nhớ là năm Mậu-thìn (1208) có loạn Phạm-bình-Gi và Quách-Bốc, khiến Cao-Tôn phải bỏ kinh-thành tàu thoát lên sông Qui-hóa (Sông Thao) ở phía bắc huyện Tam-nông, Phú-thọ nhờ có Trần-Lý, Tô-trung-Tự và nội bộ dẹp loạn rồi ủng-hộ Cao-Tôn, Cao-Tôn mới về ngôi.

Năm Ất sửu là Trị-bình long-ung thứ nhất.

ĐINH-SỬU  
(1217)

Thái-tử Sam tự xưng là Huệ-Tôn lên nối ngôi Lý-Cao-Tôn (tháng 10 năm

Canh-ngọ), phong cho Trần-thị con của Trần-Lý, làm Nguyên phi. Từ đấy, Xứ An-Nam sửa soạn thay thầy đổi chủ.

Huệ-Tôn có độc nhất niên-hiệu :

— Kiến-gia (Tân-vị 1211 tới Giáp-thân 1224)

Năm Đinh-sử 1217 là Kiến-gia thứ bảy.

KỶ-SỬU  
(1229)

An-Nam-quốc dưới quyền cai-trị của nhà Trần từ năm Ất-dậu 1225. Vua khai sáng nhà Trần là Trần-Cảnh gọi là Trần-Thái-Tôn.

Thái-tôn có ba niên-hiệu :

— Kiến-trung (Ất-dậu 1225 tới Đinh-dậu 1237)

Năm Nhâm-thìn (1232) có mở thi Thái-học-sinh (thi tiến-sĩ).

Năm Kỷ-sửu (1229) là Kiến-Trung thứ năm.

TÂN-SỬU  
(1241)

Trần-Thái-Tôn ở ngôi vua được mười bảy năm.

Niên-hiệu thứ nhì của Ngài là :

— Thiên-Ứng chính-bình (Mậu-tuất 1238 tới Canh-tuất 1250)

Trong khoảng thời gian Thiên-ứng chinh bình, Thái-Tôn có xuống lệnh dập Đinh-nhĩ đê.

Năm Tân-sửu (1241) là Thiên-ứng chính-bình thứ tư.

QUÍ-SỬU  
(1253)

Trần-Thái-Tôn ở ngôi được hai mươi chín năm.

Niên-hiệu thứ ba của Ngài là :

— Nguyên-phong (Tân-hợi 1251 tới Mậu-ngọ 1258).

Trong khoảng niên-hiệu Nguyên-phong, Thái-tôn chiến thắng quân Chiêm-thành (Nhâm-tí 1252).

Năm Quý-sửu lập Quốc-học-viện mục đích giảng kinh sách, và Giảng-võ-đường để luyện võ.

Năm Đinh-tị (1257) có quân Mông-cổ xâm chiếm. Khởi đầu giặc còn hung-tợn, sau lại lúc rút về không cướp phá ai nên gọi là giặc Phật.

Năm Quý-sửu là năm Nguyên phong thứ ba.

ẤT-SỬU  
(1265)

Mùa xuân năm Mậu-ngọ (1258), Thái-Tôn nhường ngôi cho thái-tử Khoán lui về Thiên-trường-phủ làm Thái-thượng-hoàng.

Thái-tử Trần-Khoán xưng là Trần-Thánh-Tôn.

Thánh-Tôn có hai niên-hiệu :

— Thiệu-long (Mậu-Ngọ 1258 tới Nhâm-thân 1272).

Trong niên-hiệu này, năm Nhâm-thân (1272) Lê-văn-Hưu viết hoàn-tất bộ Đại-việt-Sử.

Việc ngoại-giao với Mông-cổ căng-thẳng. Vua Mông-cổ đòi cống-lễ, đặt quan Đạt-lỗ-hoa-sích (quan Chương-ấn) ở các châu quận, năm Tân-mùi (1271) vua Mông là Hốt-tát-Liệt đòi Thánh-Tôn sang châu bên Trung-hoa, Thánh-tôn không vâng chỉ.

Thánh-Tôn tuyển mộ binh sĩ, xuống chỉ cho quân-sĩ luyện-tập võ-nghe tích-cực để phòng thủ xứ-sở.

Năm Ất-sửu (1265) là Thiệu-long thứ tám.

ĐINH-SỬU  
(1277)

Thánh-Tôn ở ngôi vua được hai mươi năm.

Niên-hiệu thứ nhì là :

— Bảo-phủ (Quý-dậu 1273 tới Mậu-dần 1278).

Thái-thượng-hoàng (tức Thái-Tôn) thăng hà năm Đinh-sửu 1277.

KỶ-SỬU  
(1289)

Năm Mậu-dần (1277) Thánh-Tôn nhường ngôi cho Thái-tử Khâm tức là Nhân-Tôn và về làm Thái-thượng-hoàng ở Thiên-Trường.

Nhân-Tôn có hai niên-hiệu :

— Thiệu-bảo (Kỷ-mão 1279 tới Giáp-thân 1284).

Trong các năm Thiệu-bảo có nhiều việc đáng lưu ý :

Năm Nhâm-ngũ (1282) Trần-di-Ái đi thay cho Nhân-tôn đề châu vua Nguyễn-thế-Tồ tức Hốt-tát-Liệt. Vua Nguyễn không chịu, sai Sài-Thung ủng hộ Trần-Di-Ái về xứ làm An-nam quốc-vương. Việc ấy vua Nhân-Tôn thấu-triết, mới sai một đạo quân chục sấn ở Nam-quan-Ái chiến đấu chống Sài-Thung và Di-Ái. Sài-Thung trúng tên mù một mắt. Di-Ái đến tội làm lính. Sài-Thung tháo về, Nguyễn chúa sai con Thoát-Hoan cử binh dùng kế giả đồ diệt Quốc nói thác mượn đường đánh Chiêm-thành để xâm lăng An-nam quốc.

Bên An-Nam, Trần-Thái-Tôn phong cho Trần-Quốc-Tuấn làm tiết-chế quân lĩnh thủy-lục quân. Quốc-Tuấn kêu gọi binh-sĩ bằng một bài hịch (Giáp-thân 1284).

Quân Nguyễn quyết tiến binh sang An-Nam đầu phải trăm nghìn trở ngại. Thế giặc mạnh nên Hưng-Đạo lui về Vạn-kiếp, Thăng-long thành thất-thủ, Hưng-Đạo phò Nhân-Tôn về Thanh-hóa: chẳng bao lâu Hưng-đạo-Vương ra lệnh tổng-phản-công, trận Chương-Dương, trận Tây-Kết, trận Vạn-Kiếp, khiến quân Nguyễn tẩu thoát về Trung-Hoa.

Từ tháng chạp Giáp thân 1284 đến tháng sáu Ất-dậu 1285, năm chục vạn quân Nguyễn bị bại không còn một miếng giáp.

Đây là các điềm lớn trong các năm Thiệu-bảo.

Năm Kỷ-sửu 1289 là Thiệu-bảo thứ mười một.

#### KỶ-SỬU (1289)

Nhân-Tôn ở ngôi được hai mươi ba năm, Niên-hiệu chót của Nhân-tôn :

— Trùng-hưng (Ất-dậu tới Quý-tị 1293).

Trong các năm Trùng-hưng có việc chống Nguyễn binh lần thứ ba và đánh giặc Lào là đáng lưu ý (Canh-dần 1290).

Năm Đinh-hợi (1287) Nguyễn-chúa quyết tái chiếm kỳ cho được An-nam quốc sai ba chục vạn quân sang xâm lược.

Nhục khí binh Nguyễn còn quá cao, quân Hưng-đạo-Vương thoái lui, Thái-thượng Hoàng và Nhân-tôn phải đi vào Thanh-hóa bằng đường bờ. Rồi xảy ra trận Vân-đồn, trận Bạch-đăng-Giang khiến quân Nguyễn hết tinh-thần chiến-đấu và phần nhiều các tướng-lãnh bị giam cầm.

Tháng hai năm Kỷ-sửu (1289), Nhân-Tôn đưa bọn tướng chỉ-huy về Trung-hoa và thông sứ cầu hòa.

Năm Kỷ-sửu (1289) là Trung-hưng thứ năm.

#### TÂN-SỬU (1301)

Năm Quý-tỵ (1293), Nhân-tôn nhường ngôi cho Thái-tử Trần-Thuyên tức là Anh-Tôn. Nhân-Tôn lên làm Thái-thượng-hoàng.

Vua Thánh-Tôn đã băng tháng năm năm Canh-dần 1290. Năm Tân-sửu (1301) Thượng-hoàng là vua Nhân-Tôn công du đề thắt chặt bang giao với Chiêm-thành mới hứa gả Huyền-trần công-chúa cho vua Chiêm-thành là Chế-mân. Chuyện kết-hôn này có ảnh hưởng tốt đến chính-trị và dân-tộc Việt, vì vương- quốc Việt mở rộng xuống tới Thuận-châu và Hóa-châu.

#### QUÝ-SỬU (1313)

Anh-Tôn ở ngôi được hai mươi mốt năm.

Anh-Tôn có một niên-hiệu :

— Hưng-long (Quý-tỵ 1293 tới Giáp-dần 1314).

Trong khoảng các năm Hưng-long có xảy ra :

Trần-quang-Khải thất-lộ (Giáp-ngọ 1294)

Hưng-đạo-vương qui tiên (20 tháng tám Canh-tí 1300).

#### ẤT-SỬU (1325)

Thái-tử Mạnh lên nối ngôi gọi là Minh-Tôn.

Minh-Tôn có hai niên-hiệu :

— Đại-khánh (Giáp-dần 1324 tới Quý-hợi 1323).

— Khai-thái (Giáp-tí 1324 tới Kỷ-tỵ 1329).

Trong năm Đại-khánh thứ năm (Mậu-ngọ 1318) có quân Chiêm-Thành sang quấy-nhiều. Minh-Tôn xuống lệnh cho Huệ-Vô-Vương Trần-quốc-Chân và tướng quân Phạm-ngũ-Lão đem binh chống và vua Chiêm-Thành là Chế-Năng phải là thành tàu nạn.

Năm Quý-hợi 1323, Minh-Tôn mở khoa thi Thái học-sinh và cấm quân-sĩ xâm mình.

Năm Ất-sửu là Khai-thái thứ hai.

ĐINH-SỬ  
(1337)

Minh-Tôn nhường ngôi cho thái-tử Vượng tức là Trần-Hiến-Tôn năm Kỷ-tỵ 1329.

Hiến-Tôn có duy nhất niên-hiệu là :

— Khai-hữu (Kỷ-tỵ 1329 tới Tân-tỵ 1341).

Trong các năm Hiến-tôn tại vị, năm Đinh-sửu 1337 là năm Khai-hữu thứ chín có mường Ngưu-hống chống lại chính-quyền và nổi loạn. Hiến-Tôn phải đánh dẹp, nhưng không giết, sau Hưng-Hiếu-Vương chém thủ-dăng mới yên trở lại.

Năm Giáp-tuất 1334 có giặc Lào, Minh-Tôn phải thân chinh, nhưng chính phạt mãi mà không đem lại an-ninh.

KỶ-SỬ  
(1349)

Không con, Hiến-Tôn nhường ngôi cho em là Hạo tức là Trần-Dụ-Tôn. Dụ-Tôn có hai niên-hiệu :

— Thiệu-phong (Tân-tỵ 1341 tới Đinh-dậu 1357).

— Đại-trị (Mậu-tuất 1358 tới Kỷ-dậu 1369).

Nhà Trần bắt đầu suy vi : vua hoang chơi xa-xỉ, quan nhu-nhược yếu hèn, kỹ-cương đảo lộn, giềng mối rối bời.

ẤT SỬ  
(1385)

Trần-Phế-Đế lên nối ngôi cho vua cha là Duệ-Tôn chết ở Đồ-Bàn (đế-đô Chiêm-thành).

Phế-đế có một niên-hiệu :

— Xương-phù (Đinh-tỵ 1377 tới Mậu-thìn 1388).

Trong niên-hiệu này quân Chiêm sang quấy nhiễu nước An-nam, lên tới Kinh-đô Thăng-long thành.

Việc bang-giao với nhà Minh lại cơ hồ muốn gián-đoạn.

Nhà Trần phải ứng cho Minh-chúa năm nghìn thạch lương để cung cấp cho quân Minh đóng ở Văn-nam (Giáp-tý 1384).

Năm Ất-sửu 1385, Minh chúa bắt buộc nước An-nam phải giao cho sứ-thần Minh :

20 tăng-nhân An-nam, gổ quý — lương v.v...

ĐINH-SỬ  
(1397)

Trần-Thuận-Tôn là con út vua Nghệ-tôn Thượng-hoàng lên ngôi.

Thuận-Tôn có một niên-hiệu :

— Quang-thái (Mậu-thìn 1388 tới Mậu-dần 1398).

Các năm Quang-thái, trong triều Lê-Quý-Ly hay Hồ-Quý-Ly chuyên quyền, ở các trấn giặc loạn nổi lên : ở Thanh-hóa, ở Nông-cống, ở Quốc-oai, Triều đình phải lên Bắc-giang tị nạn.

Bên ngoài có quân Chiêm quấy nhiễu. Vua Chiêm Chế-bồng-Nga trúng đạn chết, nhân vậy Lê-Quý-Ly hống hách thêm.

Tháng ba năm Đinh-sửu 1397 Quý-Ly lập mưu cho Thuận-Tôn thoái vị, nhường ngôi cho con là thái-tử Ân mới lên bà tuổi, rồi Thuận-Tôn đi tu tiên ở Đại-lại-Sơn (Thanh-hóa).

KỶ-SỬ  
(1409)

Quý-Ly tiếm ngôi, nhà Minh (Trung-hoa) hạch tội Quý-Ly, Quý-Ly bị nhà Minh giam cầm. Nhà Minh vẫn xâm chiếm, con cháu nhà Trần hãy còn song mất nhiều đất đai.

Trần-quí-Khoách là cháu vua Nghệ-Tôn được Đặng-Dung, Nguyễn-cảnh-Dị rước về Hà-tĩnh và tôn lên ngôi vua đặt niên-hiệu là Trùng-Quang (Kỷ-sửu 1409 tới Quý-tỵ 1413).

Trong các năm Trùng-Quang nhà Hậu-Trần cố ngai lên, nhưng binh có tướng quả nên phải mòn dần và cuối cùng chịu mất ngôi vậy.

TÂN-SỬ  
(1421)

Nhà Minh vẫn xâm-lăng xứ An-Nam.



Các quan nhà Minh như Trương-Phụ, Mộc-Thanh, Hoàng-Phúc, sau lại Lý-Bân, Mã Kỳ đều tha hồ vét cho đầy túi.

Những người Nam khéo xu-viêm phụ-nhiệt cũng a tòng theo chúng mà rấn sần ra mớ như Nguyễn-Huân, Lương-nhữ Hốt, Đỗ-duy-Trung.

Lúc quốc-gia nghiêng ngửa thì Bình-dịnh-Vương Lê-Lợi xuất đầu lộ diện cứu quốc. Ba lần bại binh về Chí-linh-Sơn, một lần phá quân Trần-Trí năm Tân-sửu (1421), một lần hòa đàm với Trần Trí, Sơn Thọ (Quý-mão 1423), rồi vây Tây-đô, tiến ra Đông-đô, chiến thắng trận Tuy-Động, làm chủ tình hình ở trận Chí-lăng v.v... Được, thua, thua được rất nhiều phen cuối cùng đánh đuổi được quân Minh ra khỏi biên-giới.

QUÍ-SỬU  
(1433)

Vương quốc Đại-Việt dưới quyền cai-trị của Lê-Thái-Tổ được sáu năm.

Thái-Tổ có một niên-hiệu :

— Thuận-thiên (Mậu-thân 1428 tới Quý-sửu 1433).

Trong sáu năm Thuận-thiên, vua Thái-Tổ phong quan tước cho người có công với ông, thiết lập luật lệ, chỉnh-dốn việc học đặt ra thi Minh-kinh-Khoa, làm phép quân-điền, cải-cách việc binh lính.

Vua Thái-Tổ so ngang-hàng với các vua độc-đoán bên Trung-hoa. Ngài tru diệt các tội công-thần vì óc hoài-nghĩ người làm phản, nhất là các tướng có uy thế lớn.

ÁT-SỬU  
(1445)

Đại-Việt-quốc dưới sự cai-trị của thái-tử Bang-Cơ (con vua Lê-Thái-Tôn) lên hai tuổi gọi là Lê-Nhân-Tôn, được ba năm. Bà Hoàng-thái-hậu phải quyết định mọi việc.

Nhân-tôn có hai niên-hiệu :

— Đại-hòa (Quý-hợi 1443 tới Quý-dậu 1453).

Diên-ninh (Giáp-tuất 1454 tới Kỷ-mão 1459).

Suốt niên-hiệu Đại-hòa bà Hoàng-thái-hậu xuống chỉ cải cách bộ luật tư-điền, điều-chỉnh việc thi cử, đào một vãn-hà, chiến-tranh chống Chiêm-

thành, thân nhận xứ Bồn-man. Bà Thái-hậu nghe lời dèm giết cụu thần, khiến trảo-thần bắt mất.

Niên-hiệu Diên-ninh, sử-quan Phan-phù-Tiên viết bộ Quốc-sử.

KỶ-SỬU  
(1469)

Đại-Việt-quốc dưới quyền cai-trị của Bình-nguyên-vương Tư-thành tức là vua Lê-Thánh-Tôn được 10 năm.

Lê-Thánh-Tôn có hai niên-hiệu :

— Quang-thuận (Canh-thìn 1460 tới Kỷ-sửu 1469).

Ở niên-hiệu này Thánh-Tôn cải-chế các cấp quan, sửa đổi các đạo, chỉnh đốn việc nông, làm nhà tế-sinh, sửa sang phong tục, vẽ địa-đồ xứ Đại-Việt, bổ sung văn-học, lập một thi-xã, lấy tên là Tao-dàn nhị-thập-bát tú. Ngài truyền luyện tập tích cực quân-sĩ. Mọi việc ngài đều đề mắt đến.

TÂN-SỬU  
(1481)

Đại-Việt-quốc dưới quyền lãnh-đạo của Lê-Thánh-Tôn được 12 năm.

Niên-hiệu kế tiếp là :

— Hồng-đức (Canh-dần 1470 tới Đinh-tị 1497).

Trong niên-hiệu này, Thánh-Tôn mở rộng địa-bản xứ Đại-Việt tới Quảng-nam ngày nay.

Chinh phạt xứ Lão-qua và xứ Bồn-man. Ngài đều toàn thắng.

QUÍ-SỬU  
(1493)

Đại-Việt-quốc dưới chính quyền của Lê-Thánh-Tôn được ba mươi sáu năm.

Năm Quý-sửu (1493) là Hồng-đức thứ hai mươi bốn.

ÁT-SỬU  
(1505)

Đại-Việt-quốc dưới quyền chánh của người anh thứ hai của Túc-Tôn tên là Tuấn, tức là Uy-Mục, tục gọi là Quý-vương.

Nhà Lê sắp sửa đi đến chỗ liệt bại kể từ vua này. Say đắm tửu sắc, giết người như giết sâu bọ. Thế nên vua phải kén những người có sức mạnh để

làm túc-vệ-quân.

Uy-Mục có một niên-hiệu :

— Đoan-khánh (Ất-sửu 1505 tới Kỳ-tỵ 1509).

#### ĐINH-SỬU

(1517)

Đại-Việt-Quốc dưới trị quyền của con Cầm-giang-vương là Ý tức là Lê-Chiêu-Tôn (Chiêu-Tôn lên ngôi trong lúc quân-thần chia phe đảng, vua Trương-Dực tục gọi là Trương Lợn bị đảng Trịnh-duy-Sản giết và định lập con Mục-Ý-Vương là Quang-Trị, Võ-tá-hầu Phùng-Mại đề-nghị nên lập Ý, đảng Duy-Sản không thuận bắt Mại chém và thi hành ý định của đảng, Quang-Trị lên ngôi được ba ngày lại bị giết, Nguyễn-hoàng-Dụ đem quân từ bến Bồ-đề về cướp phá Thăng-long thành, đảng Trịnh-duy-Sản lại lập con Cầm-giang-Vương Ý).

Chiêu-Tôn có một niên-hiệu :

— Quang-Thiệu (Bính-tí 1516 tới Bính-tuất 1526).

Suốt những năm Quang-thiệu vua Chiêu-Tôn ở trên ngôi chệnh vênh. Chiêu-Tôn phải vào Tây-kinh (Thanh-hóa), các quan trong triều nổi loạn, đánh nhau, Chiêu-Tôn phải nhờ Mạc-Đặng-Dung, nhưng Đặng-Dung thừa cơ chuyên quyền hống hách, sau Đặng-Dung bảo người giết Chiêu-tôn.

Năm Đinh-sửu là Quang-Thiệu thứ hai.

#### KỶ-SỬU

(1529)

Đại-Việt-Quốc có hai triều chánh :

— Bắc Triều do Mạc-Đặng-Dung làm vua đóng đô ở Thăng-long.

— Nam Triều do con cháu nhà Lê cầm quyền ở Thanh-hóa.

Mạc-Đặng-Dung có một niên-hiệu : Minh-Đức (Đinh-hợi 1527 tới Kỳ-sửu 1529).

#### TÂN-SỬU

(1541)

Con rể vua Chiêu-Tôn húy là Duy-Ninh lên ngôi gọi là Lê-Trang-Tôn, sơ khởi ở đất Cầm-châu (Lào) sau về Thanh-hóa. Ông Nguyễn-Kim, giòng-giới của ông Nguyễn-Hoàng-Dụ đưa Trang-Tôn lên ngôi.

Trang-Tôn có một niên-hiệu :

— Nguyên-hòa (Quý-tỵ 1533 tới Mậu-thân 1548).

Năm Tân sửu (1541) là Nguyên-hòa thứ chín.

Trong lúc ấy ở Bắc Triều Mạc-phúc-Hải lên ngôi gọi là Hiến-Tôn (thừa hưởng ngôi của Thái-tôn Mạc-dăng-Doanh).

Hiến-Tôn có một niên-hiệu :

— Quảng-hòa (Tân-sửu 1541 tới Bính-ngọ 1546).

#### QUÍ-SỬU

(1553)

Ở Nam-triều, con vua Trang-Tôn húy là Duy-Huyện gọi là Lê-Trung-Tôn lên ngôi vua.

Trung-tôn có một niên-hiệu :

— Thuận-bình (Mậu-thân 1548 tới Bính-thìn 1556).

Năm Quý sửu (1553) là niên-hiệu Thuận-bình thứ sáu. Trong lúc ấy ở Bắc-Triều Mạc-phúc-Nguyên lên ngôi vua xưng vương hiệu là Tuyên-Tôn.

Phúc-nguyên có ba niên-hiệu.

— Vĩnh-dịnh (Đinh-vị 1547).

— Cảnh-lich (Mậu-thân 1548 tới Quý-sửu 1553).

— Quang-bảo (Giáp-dần 1554 tới Tân-dậu 1561).

Mạc-phúc-Nguyên cố gắng đánh dẹp Nam-triều, nhưng việc ấy không thành tựu.

Năm Quý-sửu 1553 là niên-hiệu Cảnh-lich năm thứ sáu.

#### ÁT-SỬU

(1565)

Ở Nam-Triều, vua Trung-Tôn không con, nên lập viễn-tôn của Lam-Quốc-công Lê-Trừ húy là Duy-Bang lên ngôi gọi là Lê-Anh-Tôn.

Anh-Tôn có ba niên-hiệu :

— Thiên-hữu (Đinh-tỵ 1557)

— Chính-trị (Mậu-ngọ 1558 tới Tân-vị 1571)

— Hồng-phúc (Nhâm-thân 1572 tới Quý-dậu 1573).

Khi Trịnh-Kiểm mất, quyền về con thứ là Trịnh-Tùng. Thấy rằng mình chỉ là bề-nhìn, Anh-Tôn lên đảo tàu về Nghệ-An, nhưng Tùng sai người đuổi bắt và giết.

Năm Ất-sửu là niên-hiệu Chánh-trị thứ tám.

Trong lúc ấy, ở Bắc-Triều, Mạc-Mậu-Hợp lên ngôi vua. Mạc-Mậu-Hợp có tất cả sáu niên-hiệu mà dưới đây là niên-hiệu thứ nhất :

— Thuần-phúc (Nhâm-tuất 1562 — Ất-sửu 1565).

Năm Ất-sửu 1565 là niên-hiệu Thuần-phúc thứ tư.

#### ĐÌNH-SỬU (1577)

Ở Nam-Triều, vua Lê-Thế-Tôn húy là Duy-Đàm, con thứ năm vua Anh-Tôn, lên ngôi.

Thế-Tôn có hai niên-hiệu :

— Gia-Thái (Quý-dậu 1573 tới Đình-sửu 1577).

— Quang-Hưng (Mậu-dần 1578 tới Kỷ-hợi 1599).

Năm Đình-sửu 1577 là niên-hiệu Gia-thái thứ năm.

Ở Bắc-triều, Mạc-Mậu-Hợp vẫn làm vua.

Năm niên-hiệu kế tiếp của Mậu-Hợp là :

— Sùng-khang (Bính-dần 1566 tới Đình-sửu 1577).

— Diên-thành (Mậu-dần 1578 tới Ất-dậu 1585).

— Đoan-thái (Bính-tuất 1586 tới Đình-hợi 1587).

— Hưng-trị (Mậu-tí 1588 tới Canh-dần 1590).

— Hồng-ninh (Tân-mão 1591 tới Nhâm-thìn 1592).

Năm Đình-sửu 1577 là niên-hiệu Sùng-khang thứ mười hai.

#### TÂN-SỬU (1601)

Đại-việt-quốc dưới hư-quyền của vua Lê và dưới thực-quyền cai-trị của hai nhà chúa Trịnh và Nguyễn.

Thế-Tôn băng (Kỷ-hợi 1599), con là Duy-tân lên nối hư vị xưng là Lê-Kính-Tôn.

Kính-Tôn có hai niên-hiệu :

— Thận-đức (Canh-tí 1600).

— Hoàng-dĩnh (Tân-sửu 1601 tới Kỷ-mùi 1619).

Năm Nhâm-thìn 1592, Trịnh-Tùng giết được Mạc-Mậu-Hợp, Bắc Triều cáo chung. Con cháu nhà Mạc thoái về giữ Cao-băng, dưới sự bảo-vệ của nhà Minh.

Thực-quyền ở Bắc về Trịnh-Tùng.

Tùng xưng là Bình-An-Vương có niên-hiệu : Thánh-tô Triết Vương (Canh-gũ 1570 tới Canh-thân 1620).

Thời-gian này trải qua các năm :

Đình-sửu 1577

Kỷ-sửu 1589

Trịnh-Tùng chưa chánh thức xưng Chúa.

Tân-sửu 1601

Quý-sửu 1613.

Tùng chánh thức xưng là Đô-Nguyên-sứ, Tổng-quốc-chính, Thượng-phụ Bình-An-Vương và thế-tập.

Ở trong đất Thuận-hóa, thực-quyền về Đoan-quận công Nguyễn-Hoàng, cũng gọi là Chúa-Tiên (Canh tí 1600 tới Quý-sửu 1613).

Thời Đoan-quận-công, địa-bàn xứ Đại-Việt-Quốc nói rộng xuống tới phủ Phú-yên.

#### QUÍ-SỬU (1613)

Ở Bắc, vua vẫn còn Lê-Kính-Tôn. Năm Quý-sửu 1613 là năm Hoàng-dĩnh thứ mười ba. Ở Bắc, uy-thế còn ở nơi tay Trịnh-Tùng. Ở Nam, thực quyền vẫn về tay Thụy-quận-công Nguyễn-phúc-Nguyên tục gọi là Chúa Sãi, con thứ sáu Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng.

#### ẤT-SỬU (1625)

Ở Bắc, vua hư-vị Lê-Thần-Tôn húy là Duy-Kỳ, tiếp cho Kính-Tôn (bị Trịnh-Tùng bắt phải tự ải năm Kỷ-mùi 1619).

Thần-tôn có ba niên-hiệu. Dưới đây là một :

— Vinh-Tộ (Canh-thân 1620 tới Mậu-thìn 1628).

Năm Ất-Sửu là năm Vinh-Tộ thứ sáu.

Ở Bắc, thực quyền về Thanh-đô-Vương Trịnh-Tráng, niên-hiệu Văn-tổ-Nghị-Vương (Quý-hợi 1623 tới Đinh-dậu 1657).

Con của Tráng là Trịnh-Kiều chiến thắng, giam cầm được Mạc-kính-Cung đem về trảm-quyết. Mạc-kính-Khoan bỏn tâu sang Trung-hoa rồi gửi tờ đầu hàng Trịnh-Tráng

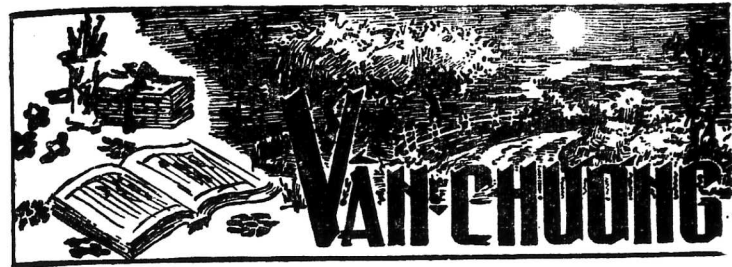
Ở Nam, thực quyền về Thụy-quận-công Nguyễn-phúc-Nguyên.

Giáo-sĩ Jean Rhodes, người Pháp đến cất giáo-đường (lối Ất-sửu 1625).

Trịnh-Nguyễn chia rẽ đất đai Bắc-Nam, đánh nhau từ Hà-tĩnh đến Quảng-binh.

(Còn tiếp)

TRƯƠNG-BÁ-PHÁT



## HOA VÀ SÚNG

ĐOÀN-THÊM

(Thân tặng Trung-Úy X, đề kỷ niệm  
12 năm tại-ngũ)

Tuổi mới hai mươi, sinh-viên mặt trắng  
Tưởng trời quang hoa thắm cũng vì anh  
Người mến thân và cây cỏ tươi xanh  
Lòng ca hát theo chim chào ánh sáng  
Đời yên ấm như mái nhà dịu nắng  
Sách, bạn, đàn, toán-học với trăng mây  
Và nụ cười ai nở rục tháng ngày?

Nhưng Thần Chết đã hiện hình ma dơi  
Súng vang nổ và sắc cờ thay đổi  
Rồi bắc nam đồng ruộng nổi phong ba  
Buổi hoang mang anh tạm lánh phương xa  
Rừng núi biển, bơ vơ thuyền lạc hướng  
Bước vô định qua ngày không tin tưởng  
Biết về đâu, chẳng lẽ chịu khoanh tay?

Quán trọ dừng chân, mỗi bước đó đây  
Chợt người cũ bến đò ngang gặp gỡ  
Nụ xanh bén gió sương, càng chóng nở  
Tay nắm tay, em chẳng nở rời anh  
Trót thương nhau đừng để lỡ duyên lành  
Về thôn vắng trung-du cùng lánh nạn  
Quên hết chuyện bên thù và bên bạn  
Thời loạn ly, mau tận hưởng tình yêu

Nhìn thắm tươi gan dạ sắp xiêu xiêu  
Đêm trăng vắng, nổi riêng còn lưỡng lự  
Đem thân-thể viết dăm trang tình-sử  
Giữa hoang-tàn máu lửa ngập đau thương ?  
Yêu nhau, ta mong an phận thủ thường  
Và lần tránh, hải hùng nghe súng đạn  
Em sẽ dìu anh bước đường tị-nạn  
Như đàn ong lữ kiến chạy cơn mưa ?..

Anh yêu em, nhưng sợ kiếp sống thừa  
Đành dứt ruột, chẳng cam lòng nuốt thẹn  
Vói sông núi đã nhiều phen hứa hẹn  
Nhìn điêu-linh cũng nhớ phận con người  
Thiếu tài-năng anh còn sức hai mươi  
Ghét hung bạo, cuồng điên, và phá hoại  
Bát, chém, giết, tranh ăn thù chủng loại  
Anh ra đi, gây lại chút lòng nhân.

Lụa vàng bay rạng rỡ bước tòng quân  
Gió non Tần kèn đồng rung gót sắt  
Nước sông Đáy lửa chồi canh hiu hắt  
Rừng U-Minh mưa đạn thét xung phong  
Trăng mơ sương vắng điệu sáo biên-phòng  
Đường bắc-phạt hẹn ngày ca chiến thắng  
Suối rừng thông Di-Linh reo dốc vắng  
Chạm chứa nguồn thương nhớ biết trao ai ?

Tìm thấy nhau trút nhẹ nỗi u-hoài  
Anh vẫn sống và em bừng duyên dáng  
Nắng xuân dọi, yêu cười trong mắt sáng  
Hẹn ngày mai hoa nở thắm lòng ta  
Muốn gần anh nhưng luống ngại xa nhà  
Buộc trả súng về Nam mưu hạnh phúc  
Mười năm lẻ vẫn chờ phen toại ước  
Lại phân vân, anh sợ cảnh an nhàn.

Bóng quân-kỳ phảng phất gió quan-san  
Anh thăm lặng, em lau dòng nước mắt  
Trời xanh biếc, sao lòng tạ hiu hắt ?  
Quãng đường rừng đôi ngã rẽ quanh co  
Nỗi niềm xưa nhớ lại buổi sang đò  
Bến Nhật-Tỵ trắng vàng tan sóng bạc  
Hai phen gặp đề hai lần thoái thác  
Yêu hay không, gạt lệ lúc rời tay.

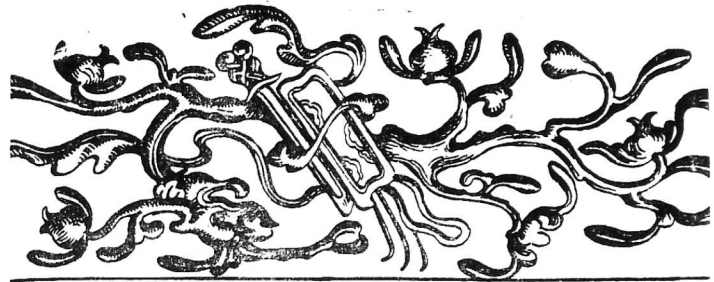


Em ra về, thương nhớ gửi heo may  
Anh tự hỏi chắc gì không tự dối ?  
Vì non nước quyết đem thân lặn lội  
Giúp giống nòi mau thoát nạn tiêu vong  
Muốn yên thân chưa chắc đã yên lòng  
Hay chỉ ngại gần nhau tình hết mộng ?  
Không, quen cảnh vẫy vùng theo gió lộng  
Gót đầm sương, muôn dặm sủng ngang vai

Đề gần xa hy vọng có ngày mai  
Và xây lại những móng nền đồ vữa  
Ruộng lúa chín xóm làng hoa rục rĩ  
Gội niềm vui rửa sạch vết thời qua  
Mặc anh ra đi, đồn ải thay nhà  
Nghe chim hót gọi xuân về sông núi  
Trong mưa nắng, nhớ nhung là an ủi  
Mộng thanh bình phơ phát bóng yêu đương.

Cất tiếng hô quân, hàng ngũ lên đường,  
Mai này trắng đầu cành, chưa tiện hái.

D. T.



## TRU'ONG-MINH-GIANG

(Tiếp theo V.H.N.S. số 58)

Tô-Nam NGUYỄN-BÌNH-DIỆM

Năm Minh-Mệnh thứ 21 (1840), vào khoảng mùa thu, có tên thổ-biên ở phủ Hải-Tây tên gọi *Sa-Mộc* 沙木 làm phản, rồi cả tên *Bồn-Tốt* 盆卒 ở Xà-Năng cũng đem thổ-binh trốn đi nơi khác. Trong hạt trộm cướp nổi lên như ong! Ông bèn dâng sớ xin nhận tội lỗi, và xin hợp các đạo-binh để càn quét sau.

Nhận được bản sớ, Hoàng-đế cả giận, lập tức hạ dụ đoạt lại quan hàm, rồi giáng chức xuống Thượng-Thư Binh-bộ! Nhưng ít lâu sau quân lính các tỉnh kéo đến, ông bèn chia đi các nơi quét hết thổ-phỉ. Lúc ấy có tên binh trong phủ trước bị giặc bắt nay trốn thoát về báo-cáo: hiện bọn thổ-phỉ có cả quân Tiêm, nhưng ông cho là chúng chỉ phò-trương thanh thế đó thôi, dấu sao thì những địa-diềm xung yếu ở mặt Hải-Đông Hải-Tây, cũng phải đề phòng cẩn-mật mới được.

Thế rồi đến tháng 11, ông bèn thống-lãnh một đạo binh thuyền kéo đi Hải-Đông. Trong lúc sắp đi, bỗng tiếp được tin đạo quân của Nguyễn-Công-Nhàn hiện đương bị vây ở đồn Sa-Tôn. Ông định đem quân đi cứu, thì lại gặp lúc đạo

quân Kinh-Thành đã tiến vào đến Bình-Định. Ông liền chia binh cho Cao-hữu-Dực 高有翼 và ông Doãn-Uần 尹蕪 ở lại giữ thành, còn mình với Tham-Tán Lê-văn-Đức đem 2000 quân đi tiêu, một mặt lại dâng sớ tấu về Triều-Hoàng-Thượng phê vào bản tấu « Chính vọng mã đảo thành công 正望馬到成功 » nghĩa là : Trăm mong hai chữ thành-công theo sau vó ngựa.

Về phần các ông, khi thoát tiến đến Hồ-hải 壺海, bên tả ngạn tiếp giáp với phủ Hải-Tây thì tiếp được tin có năm sáu ngàn quân Tiêm hiện đương quấy rối trong hạt Ông nghĩ rằng : hạt đó đã có Đê-độc Nguyễn-Song-Thanh 阮雙清 và Võ-Đức-Trung thì cũng chẳng ngại, duy có Sa-Tôn đương trong tình thế nguy khốn, cần phải cứu cấp trước tiên mới được.

Tính toán xong, ông bèn hạ lệnh cho quân vượt sang hữu ngạn, chẳng ngờ lúc vừa sang tới Cửa Sen 蓮港, đã thấy đạo binh của Đoàn-văn-Sách 段文策 cũng đương rầm rộ kéo đi cứu viện Sa-Tôn. Ông liền trích một số quân trao cho Đoàn-văn-Sách đi trước, còn mình thì tạm đóng tại cửa Sen để phòng tiếp ứng các mặt, và đợi binh mã của Bùi công Huyền 裴公諒 rồi mới tiến tiêu.

May sao chỉ sau mấy bữa thì Bùi Công-Huyền tiến đến, hai ông hợp sức đi cứu Sa-Tôn phá tan được vòng vây. Ông đề Văn-Sách ở lại giữ đồn, còn mình lại dẫn 1000 quân đi trước, theo đường Sóc-Mưa 滂涇 tiến thẳng đến cầu Tà-Xay 邪槎橋, phá luôn 10 đồn của địch rồi lại tiến luôn một mạch đến đồn Chi-Trình 支貞屯, tới nơi thì giặc đã chạy trốn hết. Ông lại hạ lệnh quay sang Hải-Tây, khi tới Cửa Răng 鬚港 thì gặp đạo binh Nam-Nghĩa. Ông bèn ủy cho Công-Huyền đi cứu Sơn-Tĩnh 山靜, còn ông thì lại quay về tả ngạn Hồ-Hải. Khi đến bến đò Bong-Long 尾隆 bèn cho quân sĩ phá hết những chướng-ngại vật dưới sông rồi mới đò bộ. Chẳng ngờ đi được nửa ngày bỗng thấy có tên quân địch phi ngựa trở lại, miệng hô to rằng « Quan quân đừng khai chiến nữa, hiện Võ-đức-Trung đã giảng hòa rồi. Tướng Tiêm hiện đương hộ tống về đây ».

Thấy việc lạ lùng như vậy các ông rất đỗi hồ nghi, cứ việc thúc trống cho quân thẳng tiến! Tên du-binh kia thấy vậy quay ngựa trở về, rồi một lát sau lại thấy một tên quân-nhân của ta chạy về báo cáo : « Ba-lặc 巴物 (tên quan chức Tiêm) nghe nói quan quân tiến đến, nên phải tạm đề Đức-Trung ở lại trong đồn Ca-đâu 歌謳堡. Vậy xin tướng quân hãy rút quân về thì bọn Đức-Trung mới được bình yên vô sự »

Ông và các tướng nghe người quân-sĩ trong đồn nói thế ai cũng lấy làm ngạc-nhiên nhưng cứ theo lời báo-cáo, nếu mình tiến nữa ngộ nhỡ trong lúc thế cùng, chúng sẽ giết hết tướng-sĩ trong đồn ? Vì ta còn có hơn ngàn tướng-sĩ đương ở trong vòng của chúng, biết làm thế nào ? Thực là khó nghĩ ! Nhưng rồi lúc ấy giờ đã xế chiều, các ông cũng tạm rút về cửa sông hạ trại.

Qua đêm hôm ấy không xảy chuyện gì, nhưng khi giờ vừa sáng tờ bỗng thấy cả bọn Đức-Trung trở về, thuật lại công việc giảng-hòa. Bấy giờ các ông mới tin là thực, vội vã phi tấu về triều, nói rằng Chất-Tri vốn là đại-tướng của Tiêm, vì có quân Man cầu viện nên mới kéo sang số lớn quân-sĩ, vây bức phủ thành, không phải vì lẽ sức yếu đến nỗi cầu hòa. Bởi thế Thần-đăng đã phái nhân-viên mần-cán sang đó thảo-luận để xem ý có thực tâm cầu hòa. Nhân tiện dò xét binh tình của chúng, rồi sau sẽ tiến binh, hoặc là tùy cơ đối phó v.v.

Nhận được tờ tấu, Hoàng-đế cũng lấy làm lạ, lập tức ra lệnh cho ông phụng thư đề tướng Tiêm biết : nếu muốn cầu hòa thì phải triệt thối về Bắc-Tâm-Bôn, đóng giữ tại nơi biên-giới thì bôn-soái đây mới dám điều trần, hòa nghị mới thu được kết-quả v.v.

Nhưng khi các ông theo lời chỉ-dụ, viết thư cho phái-đoàn sang đề Chất-tri thảo luận. Trong khi đôi bên bàn cãi, hòa nghị chưa thành, thì bỗng một hôm không biết tại sao, Chất-tri đã triệt thối hết. Đến năm Thiệu trị nguyên niên, lục lại chiến-công của trận Sa-Tôn, ông được tấn phong Hiệp-biên đại-học-sĩ và thêm một cấp quân-công. Được ít lâu vì lẽ quân báo chậm trễ, các ông lại bị khiển trách một lần.

Nói tóm lại, trận đánh Sa-Tôn quan quân dẫu thắng lợi đấy nhưng mà trong hạt vẫn cứ rối-ren, khó lòng đem lại an-ninh thực sự ! Bởi vậy ông phải cùng quan Kinh-lược là Phạm-văn-Điền, Tham-tán là Lê-văn-Đức sớ tấu về rằng : địa-hạt Trấn-Tây từ khi rối loạn cho tới ngày nay đã hơn 6 tháng, thế mà biên-giới vẫn chưa an-ninh, lỗi đó Thần-đăng thực khôn chối cãi.

Duy có một điều, Thờ-dân mù quáng gây nên bạo-động, chẳng những riêng có 10 phủ với 12 huyện của Thành Trấn-Tây, nằm trong tỉnh cảnh giặc-giã, mà nó lại còn loang đến cả tỉnh Gia-định, Định-Tường, An-Giang. Bọn lớn thì có hàng 1000, bọn nhỏ cũng có mấy trăm. Chúng mượn quân Tiêm đem về quấy rối, gia dĩ đường lối xa-xôi hiểm-trở, tiếp-tế khó đặng chu toàn. Thần-đăng đã từng lao tâm khổ tứ cũng chẳng tìm ra được phương-pháp gì hay.

Vấn biết công việc biên phòng một ngày chưaặng thanh thỏa, thì cái ngày ấy Thần-dăng còn phải gánh vác, nhẽ đâu lại dám tránh sự gian lao, mà để mối lo mặt Tây lại cho quân phụ ? v.v...

Sau đây, ông lại cùng Phạm-văn-Điền 范文典 số tấu về rằng : Trấn-Tây vốn là tôi tớ Triều-đình, gần đây lại muốn xếp đặt cho thành qui củ, nhưng hiềm một nỗi, dân chưa lập sò, binh chưa thành ngạch, ruộng đất chưa có đo đạc chẳng biết bao nhiêu mẫu sào, quan ải ra vào chưa đặt thuế lệ. Gia dĩ năm ngoái Ngọc-Biện 玉卞 mưu trốn, Ngọc-Vân 玉雲 chạy sang Gia-định, bao nhiêu sự-kiện kể trên đã khiến cho những bọn thỏ-mục bắt lương vin vào có đó phao truyền lên rằng : Ta đã bắt vua của chúng và còn giết các đầu mục, rồi chúng xúi-giục nhân dân, nhao nhào nòi dậy ! Bọn Tiêm thấy có cơ-hội, thúc đẩy thêm vào, và mượn danh-nghĩa là giúp tên Don 墩 trở về lên ngôi quốc-trường ! Bởi thế dân Man mới thù ghét ta, mà đối với Tiêm thì chúng lại coi như một nước đã ban ân huệ cho chúng, chứ chúng có biết đâu đến dã tâm của Tiêm.

Lại còn vấn-đề tập-quán cũng rất quan-hệ, bởi vì người Man xưa nay chỉ biết nghe theo các người đầu mục, bảo sống bảo chết cũng không dám trái lời. Chẳng thế mà dân-chúng của họ sang đây, bao giờ họ cũng hỏi đến : « Ngọc-Vân hiện thời ở đâu ? Bọn Yêm 佤 hiện ở chỗ nào ? Cho chúng được trông thấy mặt ? » Vì chúng ngờ rằng bọn Vân đã bị ta giết. Vậy xin Hoàng-đế sắc dụ cho các thành thần Gia-định, hộ tống Ngọc-Vân và bọn tên Yêm trở về cố quốc, để chúng chiêu-dụ thỏ-mục, thỏ-dân, thì bọn bắt lương và các tướng Tiêm hết chỗ xuyên tạc, nhân-dân sẽ lại yên phận làm ăn như thường v.v...

Tập số trên được giao đình thần hội-nghị, chuẩn cho thi hành. Ngọc-Vân và bọn tên Yêm nhờ có quan binh ủng-hộ được trở về cố- quốc. Trải qua thời gian khá lâu công việc chiêu-dụ cũng vô hiệu quả ! Thỏ-phi vẫn cứ hoành hành ! Quan quân cũng đành thúc thủ ! Chỉ còn một cách là chia quân đóng giữ lấy các đồn-bảo mà thôi. Còn như Triều-đình đâu có luôn luôn xuống chiếu khiển-trách thì các tướng-tá cũng chỉ dăng số nhận tội là cùng, chứ cũng chẳng dám đem binh ra tiểu.

Đối với tình-thế khó-khăn kể trên, bắt đắ dĩ ông phải cùng quan kinh-lược Phạm-văn-Điền, Đoàn-văn-Sách, Nguyễn-công-Nhàn chung nhau gửi một tập số về triều đại ý nói rằng : Trước kia thần-dăng xin đưa bọn Yêm về

nước, tưởng rằng như thế cũng là phương-pháp chiêu-dụ thỏ-dân, chẳng ngờ tên Yêm sau khi về thành lại không có tài tự chủ, bất cứ việc gì cũng chỉ trông cậy vào ta. Nén muốn giệp yên tĩnh thế, ta phải dùng đến số lớn binh-lực, thế mà biên-binh của ta hiện thời mệt-mỏi, đau ốm cũng nhiều. Nếu cứ để lại trấn giữ một cái không thành, tưởng cũng vô ích, chi bằng hãy tạm rút về An-giang để dưỡng binh-lực, rồi sẽ tùy cơ đối phó thì hơn v.v.

Sau khi nhận được bản số, Hoàng thượng xét thống tình-thế hiện thời ngoài kể rút quân cũng chẳng còn kể gì khác, nên Ngài cung phê-chuẩn ngay, nhưng từ tướng quân trở xuống, nếu ai thừa hành bất lực đều giao đình thần nghị tội không tha !

Thế rồi tháng 7 năm ấy quân quan triệt-thối về đến An-giang thì ngay tháng ấy ông cũng bị bệnh rồi mất !

Xét ra trong công việc kinh lý Trấn-Tây, ông Trương-Minh-Giang góp sức nhiều nhất ! Thế mà chỉ vì vua tôi Cao-Man không làm nên chuyện, đến nỗi ông phải rút về ; ưỡng phí biết bay công phu khổ nhọc, mà sau chẳng được việc gì, lại còn luôn luôn bị Vua khiển-trách. Vì thế nên ông vô cùng phẫn-uất ! Sau khi được lệnh rút lui, không hề tiếp một tướng tá nào nữa ! Ngày ông mất, Tinh-thần phi báo về triều.

Về phần Hoàng-thượng tiếp được tin ấy, Ngài bèn phán bảo tả hữu : « Trương-Minh-Giang kia, Trẫm đã giao phó cho một trọng-trách. Chỉ vì hành-động không có phương-pháp, gây nên tình thế bất an để cho quan quân phải chịu lao khổ, chẳng được việc gì ! Trẫm đương giao cho đình thần nghị tội, chẳng ngờ, đại-binh vừa mới rút về, viên ấy đã vội từ già cuộc thế !

Nhưng Trẫm xét lại, viên ấy trong lúc sinh thời, giữ chức Tham-Tán quân-vụ đã từng làm cho quân địch lạc phách xiêu hồn ! Nào trận đại thắng ở hạt Vĩnh-Long ! Nào trận đánh tan quân Tiêm ở trước cửa Thuận. Đối với chiến-công hiển hách như vậy, nhẽ nào lại nỡ để cho mai một tính danh mà chẳng khắc vào bia đá để lại muôn đời ?

Thế thì ngày nay Trẫm chỉ ra lệnh cất lại một chức tướng-quân để tỏ quốc-pháp, còn việc cấp tuất thì cho chiếu hàm Hiệp-biện như lúc sinh thời, còn các lỗi khác đều cho miễn nghị ! »

Duy có con giai viên ấy tên là *Minh-Thi* 明詩 trước kia được cấp bổng-lộc thất phẩm, thì nay không được lãnh nữa. Về sau đến thời Tự-Đức năm thứ 11, ông được đặt thờ tại miếu Hiền-lương.

Thân-thế cụ Trương-Minh-Giang chúng tôi thuật lại trên đây, về phần sử-liệu đều rút ở trong *Đài-Nam liệt-truyện Sơ Tập*, *Nhị Tập*, và trong *Thực-lục-Chính-biên Nhị-kỷ*, *Tam-kỷ*. Cụ vốn dòng-dối trâm anh nếp nhà thì lễ, nói về văn-chương chính-trị quân-sự của Cụ, nếu ghi chép lại tất cả thì đến mấy trăm trang giấy cũng vẫn chưa đủ, còn đây chúng tôi chỉ mới lược thuật mà thôi.

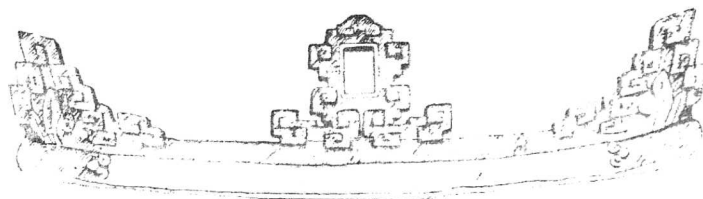
Duy có một điều chúng tôi rất lấy làm lạ, là đối với một vị công-thần tài đức như Cụ mà sao các nhà chép sử lại không ghi rõ. Cụ sinh năm nào? và được hưởng-thọ bao tuổi? khiến cho hậu-thế mỗi khi đọc đến tiêu-sử của Cụ, cũng đều cảm thấy băn-khoăn!

Vậy cứ ý riêng chúng tôi nếu muốn giải-đáp về điềm thắc-mắc ấy, chúng ta chỉ còn một cách là hãy căn-cứ vào năm Cụ đỗ Cử-nhân là năm 1819, chắc hẳn tuổi Cụ cũng chỉ vào khoảng trên dưới 30, mà khi Cụ mất vào năm Thiệu-Trị nguyên niên tức năm 1841, thì ta có thể dự đoán tuổi Cụ cũng độ trên dưới 50. Cụ làm quan với hai triều vua tất cả 22 năm. Trong khoảng thời-gian ngắn ấy, Cụ đã từ một chức nhỏ mọn vượt lên đến vị Bá-Tước! thực là một sự hiếm có ở đời!

Bởi vì cứ như trong sử Nguyễn Triều để lại thì Cụ quả là chẳng những tài kiêm văn võ lại còn tận tụy đối với quốc-gia. Khi còn ở quận thì đem thiện chính giúp dân, đến khi tại triều thì mưu mô giúp chúa. Khi làm chủ-khảo để kén nhân tài, khi tu Liệt-truyện để cho mai hậu, rồi lại đem tài thao-lược giúp loạn yên dân, bảo-hộ nước ngoài, mở mang bờ cõi, công-nghiệp ghi tại sử xanh, tên tuổi đứng đầu bia đá. Tới ngày nay chúng ta đi trên đại-lộ từ Trần-Quí-Cáp tới lăng Cha-Cả, nhìn xuống các biển và qua chiếc cầu, ai mà lại không nhìn thấy 3 chữ « Trương-Minh-Giang » rồi tự sinh lòng ngưỡng-mộ một vị anh-hùng của đất Gia-Định thời xưa?

Tô-Nam NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

dịch-thuật



## NHỮNG NHÀ XƯA Ở QUẢNG-NAM

NGUYỄN BẠT-TUY

Những ai trong chúng ta đã từng qua Tuy-hòa, tỉnh-lỵ của Phú-yên, thấy, ngoài cái ga chỉ còn trơ bốn bức tường, biết bao nhiêu căn nhà cũ đổ-nát quanh chân cái tháp Chàm, đều không khỏi bùi-ngùi nghĩ đến cảnh tàn-phá của chiến-tranh mà liên-tưởng tới tình-trạng bấp-bênh của những vật-kiến-trúc xưa, nay còn đó mà chưa biết chừng mai kia đã mất.

Rồi quá bước tới Qui-nhơn, trung-tâm của Bình-định, ta lại đề-ý đến nhiều căn nhà xây-cất theo lối hơi xưa, nhất là ở hai bên con đường Gia-long, với một thể-thức đặc-biệt, và ta cũng cảm thấy áy-náy trong lòng, không biết rồi đây cái chương-trình kiến-thiết rộng-lớn của thành-phố đầy tương-lai này có xâm-phạm tới những di-tích, dấu không còn hợp-thời, nhưng cũng đáng ghi-nhận đó không.

Nhưng phải đến Quảng nam, từ hai quận Tam-ki và Hậu-đức ở cực-nam lên đến hai quận Hòa-vang và Hiếu-đức ở cực-bắc, qua cái thành-phố xưa là Hội an, thường được nhắc-nhở đến trong lịch-sử cận-dại, ta mới nhận-thức được giá-trị tiêu-biểu của những cái gì còn lại của một thời xa-xưa và ý-niệm được vai-trò mà nó đóng trong quá-trình văn-hóa của dân-tộc.

Thấy tất-cả những cái đó, ta nghĩ ngay đến sự bảo-tồn — bảo-tồn cò-tích, như người ta vẫn nói — những cuộc đầu-bề có chừa ai đâu! Những cảnh đổi-thay đã thấy ở Tuy-hòa và chắc-chắn sẽ thấy ở Qui-nhơn chỉ là kết-quả tự-nhiên của những biến-thiên lịch-sử, trong đó, đâu muốn đâu không, con người

không mấy khi thực-sự giữ được vai-trò hoàn-toàn chủ-động. Bởi vậy hai tiếng « bảo-tồn » không nên chỉ có nghĩa chật hẹp là « giữ cho vật còn đó », mà nên hiểu rộng ra là « giữ cho ý-niệm về vật khỏi mai-một ».

Muốn vậy, tu-bồ một cồ-tích chưa đủ, chụp-ảnh để ghi-giữ hình-tích nó chưa xong, vì sau này, đầu may ra cồ-tích ấy còn mà những thế-hệ mới không làm những vật giống thế nữa, thì chỉ một thời gian là các bộ-phận nó không còn ai biết tên là gì và nó sẽ thành một ngày một khó-hiểu hơn.

Giá-trị văn-hóa của một vật-kiến-trúc không phải chỉ ở phương-diện mỹ-thuật như người ta vẫn thường tưởng, mà còn ở phương-diện ngôn-ngữ, với những cách diễn-tả các ý-niệm mỹ-thuật. Quan-niệm này không phải chỉ ứng-dụng riêng cho các vật-kiến-trúc, mà cho bất-cứ sự-vật nào trong hội-sống, như tôi đã có vài dịp trình bày (!). Ở đây tôi thử làm thêm một việc mà có-lẽ những cơ-quan văn-hóa của chánh-phủ đã làm mà chưa công bố, hay đã công bố mà tôi chưa có cái may gặp để đọc, vì nhiều cồ-tích đã được Viện Khảo-cổ kiểm-tra và liệt-hạng. Nhưng tôi thấy cần thưa trước rằng, không phải là một chuyên-viên khảo-cổ mà chỉ đứng về mặt ngôn-ngữ để quan-sát, chắc-chắn tôi không sao tránh được lỗi-lầm, nên rất mong các bậc học cao-minh lượng-thứ và chỉ-giáo cho nếu có gì sơ-sốt.

Ngoài ra, tôi xin nhấn mạnh vào điểm rằng tôi đã hạn-chế cuộc khảo-sát của tôi trong phạm-vi các nhà ở Quảng-nam, với những tiếng dùng ở miền này mà, nếu có-thể, tôi sẽ đối-chiếu với những tiếng ở các vùng khác. Hơn nữa, khi phải nói rõ, chắc chúng ta đều biết rằng các nhà cồ thường có nhiều cột gỗ, có vách tường hay vách ván, mái ngói hay mái lá, và tiếng nhà cồ có thể hiểu là « nhà làm từ xưa » hay « nhà theo kiểu xưa ». Và bây giờ ta có-thể lần-lượt xét đến ba loại nhà, từ cồ ít đến cồ nhiều : nhà-vườn, nhà-phố, và đình-chùa.

oOo

### 1. NHÀ-VƯỜN

Nhà-vườn là nhà làm ở quê, thường ở giữa vườn, và chia ra hai loại chính : nhà-rội và nhà-rường.

I. X. « Nghề chài-lưới trong ngôn-ngữ », *Bách-khoa* số 87 và 89 ; « Tên cá trong ngữ-Việt », *Bách-khoa* số 92, v.v...

*Nhà-rội* là loại nhà nay ít ai làm, có một hàng cột-cái chống thẳng lên nóc và có thêm hai hàng cột phía trước, hai hàng cột phía sau, vị chỉ là 5 hàng cột. Nó thường có ba gian hai chái (h.I), và tiếng *rội* này được dùng cho đến Quảng-bình Hà-tĩnh mà thôi.

*Nhà-rường* là loại nhà thông-dụng hơn nhiều, có hai hàng cột-cái ở hai bên nóc, đôi khi thêm hai hàng cột phía trước, hai hàng cột phía sau để đỡ các kèo, vị chỉ là 6 hàng cột. Nó cũng thường có ba gian hai chái (h.II) và tiếng *rường* này cũng chỉ thấy dùng đến vùng Nghệ-Tĩnh-Bình thôi.

Vì loại nhà-rội không đáng chú-ý mà cũng không khác loại nhà-rường là bao, ta sẽ lấy nhà-rường làm đối-tượng và sẽ nói về những bộ-phận của nhà-rường và những kiểu nhà-rường.

### A) NHỮNG BỘ-PHẬN CỦA NHÀ-RƯỜNG QUẢNG-NAM

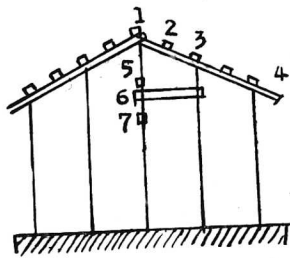
Các bộ-phận của bất-cứ căn nhà nào cũng có-thể chia ra làm ba hạng : những bộ-phận che trên, những bộ-phận vây quanh và những bộ-phận phụ thuộc.

1. Những bộ phận che trên của căn nhà Quảng-nam, cũng như ở Bắc hay ở Nam, gồm có hai mái chính, một mái trước, một mái sau gặp nhau ở nóc, và hai mái bên nếu nhà có hai chái. Các mái được chống-đỡ bằng cột và sườn mái lập thành bởi những kèo đỡ dốc xuống hai bên nóc, trên có những hoành-tử nằm ngang và trên nữa có những rui nằm dọc theo chiều kèo. Ngoài những tên ấy ta thấy vài cách gọi các bộ-phận hơi khác.

a. Cây gỗ dài nằm ngang trên chỗ các đầu kèo giáp nhau để đỡ nóc không gọi là *giép-nóc* (Hà-đông) như ở Bắc, mà gọi là *đòn-đông*. Tiếng này phát âm là *đòn đông* từ Bình-định trở vào, là *đòn-đông* ở Tĩnh-Bình-Trị-Thiên, và có lý-do của nó. Khác cái « giép nóc » ở Bắc thường xé vuông và, ở những nhà năm-gian sáu-vì, muốn kỹ hơn thì « chêm cạnh xoi lu » rồi « thắt cồ chày » hai đầu cho lọt vào hai cái chốt ở cái chõng rường (x. A.I.d), « đòn-đông » ở đây chuốt tròn theo nguyên hình cây gỗ hạ ở rừng về, với một đầu « gốc » hơi lớn hơn đầu « ngọn » để dễ phân-biệt khi chọn hướng đặt (h. 1).

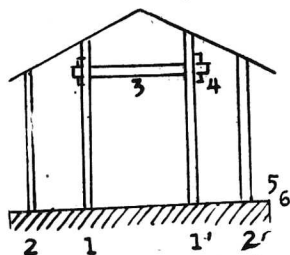
Theo mỗi tin-tưởng cồ-truyền thì cây đòn đỡ nóc là chủ-chốt của căn nhà, nên đầu gốc phải để về một hướng nhất-định là bên tả, đầu ngọn để





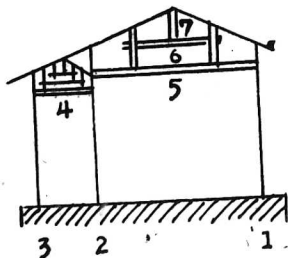
(I) Nhà-rộ (Xuyên tam-son)

1. Đòn-dông.
2. Hoành-từ
3. Xà.
4. Kèo.
5. Xuyên-trung.
6. Trinh-đoàn.
7. Xuyên-thứ.



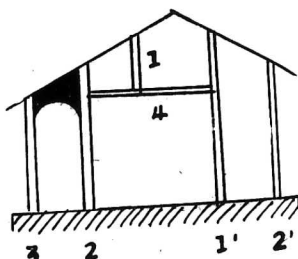
(II) Nhà-rường (Trính-lăng)

- 1,1. Cột-cái
- 2,2. Cột-con
3. Trính-lăng
4. Chốt-thắt
5. Đá-giảm-trờng
6. Đá-tán



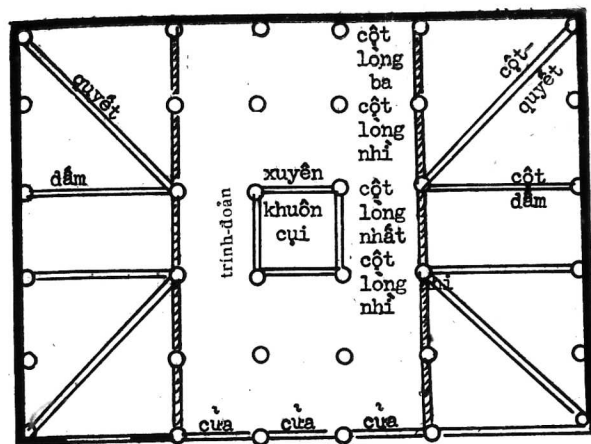
(III) Nhà trính-trường

1. 2. Tường
- 2.-3. Thào-bạc
4. Trính Nhật-bồn
5. Trính-trường
6. Trính-thượng
7. Con-đội

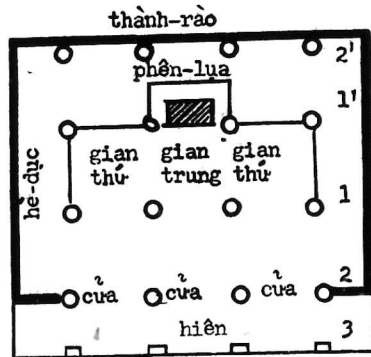


(IV) Nhà con-tiền cái-hệ

1. Con-đội thay cột cái-tiền
- 1'. Cột-cái hậu
2. Cột-con tiền
- 2'. Cột-con hậu
3. Cột lòng-ba
- 2-3. Vò-cua



(V) Một kiểu nhà ba gian hai [chái] (hiếm)



(VI) Một kiểu nhà ba gian không chái

- 1, 1'. Cột-cái tiền, cột-cái hậu
- 2, 2'. Cột-con tiền, cột-con hậu
3. Cột lòng-ba
4. Phên-bắc

về bên hữu Lại theo một ước-lệ thì, trong một căn nhà, bên tả gọi là « đông », bên hữu gọi là « tây » (« đông vi tả, tây vi hữu »), nên cây đôn ấy phải có gốc quay về bên đông, và nhân đó có luôn tên là đôn-đông.

Như vậy tiếng đông ở đây để gọi hướng « nhà » chứ không phải hướng « trời ». Người ta còn kể lại rằng có người, vì ngoan-cổ hay vì hiểu lầm nghĩa tiếng đông, đã cho đôn-đông quay về phía biên, tức phương đông, mà ngược với hướng nhà cổ-truyền, thì chẳng bao lâu cũng xảy ra nhiều chuyện lục-đục và phải xoay chiều đôn-đông lại.

Nhân đó, về cây đôn - đông có một giai-thoại nhỏ - nhỏ, theo đó thì xưa kia có một ông nhà giàu đã suýt vì tính - tình khác-nghịch của ông mà bị hại trong một vụ cất nhà. Thoạt đầu ông quá chặt-chế với người thợ-rừng nên người này « chơi trác », chuốt gốc cây nhỏ hơn ngọn để người thợ-cà cứ đầu lớn mà để về bên « đông » và như thế là làm gốc về bên « tây ». Nhưng rồi ông ta lại quá khó-tính với người thợ-cà, nên người này lập tâm phẫn cho bố ghét mà để đầu nhỏ về bên « đông » thay vì đầu lớn, đính-ninh rằng đó là đầu ngọn. Ai ngờ rủi lại hóa may : chính đầu nhỏ ấy mới là đầu gốc và ông nhà giàu vô-tình đã thoát hiểm, vì đầu gốc rút-cục lại vẫn ở bên « đông » !

b. Các cột cũng có những tên khác nhau tùy vị-trí của nó trong cái nhà. Nếu ta nhận-xét một căn nhà-rường thông-thường có sáu hàng cột thì hai hàng cột ở liền hai bên nóc là cột lòng-nhất, tức cột-cái trước và cột-cái sau ở Bắc hai hàng cột kế đó là cột lòng-nhì, tức cột đóng cửa và cột cửa vông ở Bắc ; hai hàng cột trước nhất và sau cùng là cột lòng-ba, tức cột-hiên trước và cột hiên sau ở Bắc (h. V).

Cột nhà ở Quảng-nam thường sần-sần như nhau, không mấy khi lớn, chớ ở Bắc phân-biệt những nhà « tiểu-khoa » có cột dưới 2 tấc, những nhà « trung-khoa » có cột trên hai tấc, và những nhà « đại-khoa » có cột tới 5 tấc. Ngoài ra, những cột ở hai bên chái cũng có những tên đặc-biệt : cột-quyết để chống hai cây « quyết », cột-đấm để chống hai cây « đấm » (h. V.). Hai tiếng này được dùng suốt lên tới Quảng-Bình, Hà-tĩnh.

Cột những nhà khá-già thường đặt trên một tảng đá vuông chôn dưới đất và hơi lộ mặt lên, gọi là đá-tán. Trên đá-tán cũng có-thể có thêm một hòn

đá-giảm-trống hình tròn mà cạnh phình ra như cái tang trống (h. II). Hai hòn đá này đôi khi đục liền một khối ở ngoài Bắc mà gọi là tang cổ-bồng, còn ở Thừa-thiên thì hòn đá tròn gọi là trái bí và có nhẽ-cách đá-tán bởi một cái lá-đẽ đục cho xòe chân ra. Tiếng giảm này (có người còn gọi chệch là diêm) ứng với tiếng tang ở Bắc từ Thanh-hóa trở ra, và tiếng chang ở Nghệ, Tĩnh, Bình. Tiếng chang thì còn thấy trong chang-oong, tức « bộng-ong » ; tiếng giảm nghĩa là « một trong những mảnh gỗ mỏng ken lại với nhau để lập thành cái tang trống ». Việt nam tự-điền Khai-trí tiến-đức giảng tang là « sườn trống ghép bằng giảm gỗ » nhưng đến tiếng giảm lại viết là dấm (?). Xét ra tiếng giảm sát với phát-âm hơn, đầu nó chỉ nghĩa vừa kê hay nghĩa « mảnh gỗ vụn loại ra do sự vật đeo (giảm cây) và nghĩa « miếng gỗ mỏng để chèn cho chặt » (giảm cối).

c. Các kèo cũng bắt vào nhau ở chỗ giao-nguyên, nghĩa là chỗ gặp nhau dưới đôn-đông, bằng những chốt dài gọi là con-sỏ như ở Bắc, nhưng ở Quang-nam không phân-biệt như ở Bắc : kèo, dài suốt từ nóc xuống chân mái, với kê, có từng đoạn chồng lên nhau ở các đầu cột mà truyền đi. Bởi vậy ở đây không có những tên nhà-kèo, là hạng nhà thường, nhà-kê, là hạng nhà lớn có kê-truyền chia ra kê-nóc, kê-ngôi, kê-hiên. Trái lại, theo mỗi khu giữa các hàng cột, người ta chỉ gọi : kèo lòng-nhất, từ đôn-đông xuống cột lòng-nhất, kèo lòng-nhì, từ cột lòng-nhất xuống cột lòng-nhì, kèo lòng-ba, từ cột lòng-nhì xuống cột lòng-ba (h. V).

Ngoài ra, ở những nhà làm kĩ, kèo thường có chân công xuống mà gọi là kèo-lặn, và muốn đỡ đôn-tay ở chân mái người ta phải đặt thêm một cái mỏ-dung, đôi khi một cái đuôi cá. Các kèo ở chái nhà cũng có những tên riêng : hai quyết bắc chéo từ đầu hai cột lòng-nhất xuống hai cột ở góc chái, gọi là cột-quyết, hai dấm bắc đỡ từ hai cột-lòng-nhất xuống hai cột khác ở khoảng giữa hông chái song-song với hai cột kia, gọi là cột dấm (h. V). Còn những kèo thẳng tường không có tên riêng, trong khi ở Thừa-thiên người ta gọi là kèo-tum để đối với kèo-lặn và có thêm một loại kèo-cà, bắc chồng lên kèo chính ở cột lòng-nhì xuống cột lòng-ba mà tận cùng ở phía cột bằng một cái đầu cù.

d. Các cây gỗ nối các cột với nhau có hai loại : trính và xuyên.

2 Ông Lê Ngọc-Trụ, trong Việt-ngữ chánh-tả tư-vị, tr. 115, cũng ghi giảm theo nghĩa « nhiều miếng kết » và dấm theo các nghĩa khác. Nhưng xét ra các nghĩa ấy đều chung một ý-niệm « miếng gỗ mỏng » và 1 tiếng giảm là đủ.

Trính nối cột trước với cột sau. Nó có-thể là trính-đoàn nếu chỉ ở giữa hai cột lòng-nhất với hai đầu thò ra mà chặn bằng hai cái chốt-thắt, hay là trính-trường nếu chạy suốt từ tường trước đến tường sau mà không có cột chống ở giữa. Những trính này, đầu là đoàn hay trường, thường đỡ một hay hai cột ngắn đứng trên để chống kèo: nếu một cái thì ăn thẳng vào giao-nguyên, nếu hai cái thì gặp hai bên kèo ở lưng-chùng. Đó là những con-đội mà từ Bình-định trở vào người ta ưa gọi là trụ-lông (h.III). Ở Thừa-thiên, cái trính gọi là trên, còn con-đội lại là trụ-tiêu đứng trên trên-hạ để đỡ trên-thượng, hay báp-quả (có người nói áp-quả) đứng trên trên-thượng để chống đôn-dông.

Tôi còn nhớ, khi thăm vai ngôi chùa ở núi Non-nước, có hỏi chuyện vài thầy-chùa trẻ-tuổi về các bộ-phần trong chùa. Khi hỏi về « con-đội » thì không vị nào biết gọi là gì mà xác-nhận là lo việc tu-hành nên không để ý đến những cái tí-mỉ ấy. Sau cùng một vị đến bảo rằng đó là cái « trụ-lông » thì tôi không cần chú trọng đến giọng-nói mà hỏi ngay: « Xin lỗi thầy, nếu tôi không lầm thầy là người Bình-định. » Nhà sư rất ngạc-nhiên và chịu rằng tôi đã đoán trúng: đó cũng là một dịp để áp-dụng những nhận-xét về tiếng địa-phương.

Riêng ở những nhà lớn, nhất là ở nhà-phố, thay vì một cây trính, người ta có-thể chồng-đặt, nghĩa là để hai ba cây trính chồng lên nhau bằng những con-đội ngắn có tròn phình ra như hình trái bí mà gọi là trụ-trát-bí. Đó là trường-hợp kiểu trính Nhật-bồn (h. III) trong đó có trính-nhất, trính-nhi, trính-ba, kể từ dưới lên, như lối chồng-rường ngoài Bắc có ba cái rường chồng lên nhau bằng những dẩu trên một cái báng, ở những kiểu nhà « đại-khoa ».

Nhân đây cũng nên thêm rằng ở Trung, ngoài trính ra, không còn có cây gỗ dọc nào nối cột với nhau nữa, chớ ở Bắc, dưới báng còn có xà-dọc chia ra xà-lông ở giữa hai cột-cái và hai xà-nách trước và sau. Ở các đình-miếu hay các nhà quan, người ta thường bỏ xà-lông đi cho tòa kiến-trúc có vẻ nguy-nga, nhưng ở nhà dân phải để, nếu không thì là « lộng-hành ».

Xuyên nối các cột giữa với cột bên, tức là xà-ngang ở Bắc, trám ở Hà-tĩnh. Ở những kiểu nhà « một gian hai mái » dễ-nhiên mỗi hàng cột chỉ có một xuyên nằm ngang, nhưng ở kiểu nhà « ba gian hai mái », ngoài những đoạn

xuyên nối các cột ở trước và sau, còn có hai trường-hợp riêng về xuyên ở giữa. Trong các nhà rội, ở hàng cột cái có một xuyên-trung ở giữa và hai xuyên-thứ ở hai bên mà thấp hơn; đó là loại xuyên tam sơn (h. 1). Trong các nhà rường thì nhiều khi hai hàng cột-lòng-nhất có hai xuyên-trung song-song theo chiều-ngang và hai trính đoàn song-song theo chiều-dọc mà đỡ những tấm ván bắc ngang để lập thành cái khuôn-cụ (h. V).

Ngoài ra cũng nên kể cây xà cò (có lẽ là xà-co nói chệch thành), vì ở Thừa-thiên còn có tên xà-rút), song-song với đôn-dông mà ở dưới một chút để nối, hay « co », hai đầu cột với nhau.

e. Các cây gỗ đặt ngang trên kèo để đỡ rui gọi là hoành-từ ở Quảng-nam, cũng như hoành ở Bắc, và một số người còn gọi là đoàn tay, như người ta vẫn quen gọi ở vùng Nghệ-Tĩnh. Nhưng đặc-biệt có một điều là các hoành-từ đặt đứng trên đầu cột thì gọi là xà, và cái « mè » ở Bắc thì gọi là mèn, và ở xã Kỳ-sanh, quận Tam-kỳ tôi còn thấy phân-biệt mèn ở nhà ngói với ron ở nhà lá. Trái lại, ở Thừa-Thiên, xà nối các đầu cột với nhau và trên nó vẫn có đôn-tay để đỡ rui.

2. Những bộ-phần vây quanh nhà gồm có ba mặt ván hay tường và một mặt cửa.

a. Về những tường quanh nhà, gọi là thành-rào, thì không có gì đáng nói, trừ cách gọi tên quá lạ của nó, và hai lối đi chừa ra hai bên ngăn hai hàng cột bên với vách và gọi là hè-dục, nghĩa là một thứ hè đã bít kín ở các nhà chỉ có 4 hàng cột và khi cất lên không trừ-tính mái.

Hơn nữa, hai tấm vách hẹp ở mặt trước nối hai đầu thành-rào với hai cột bên cũng có một tên không kém lạ là phen-bắc, và tiếng phen này làm ta suy-luận và ước-đoán rằng xưa kia chắc có nhiều nhà có làm « phen » ở đó thay vì tường (h. VI). Nhưng cũng phải nhận-xét rằng ở đây trước nhà không thấy che phen, che đại hay che sáo. Riêng tiếng sáo phải lên đến Huế mới thấy nói đến, nhưng không phải thứ sáo bằng nan tre nhỏ ken khít, đứng trong nhìn ra thì thấy rõ, đứng ngoài nhìn vào thì tối om, mà là thứ sáo bằng nan tre to ken thưa chặn lên trên lớp « gót » (= cốt) ngoài cùng của cái mui « nốc », một thứ thuyền bằng mũi bằng lái thông-dụng từ Thừa-thiên lên tới Hà-tĩnh.

b. Về cửa trước, có ba khuôn dạng trong phạm-vi bốn cây cột lòng-ba, thì có nhiều cái đáng-kể hơn. Cửa các nhà thôn-quê ở Bắc thường có một cái

khung dựng trên một cây ngạch nằm ngang sát đất. Phía dưới cây gỗ ngang của khung bao giờ cũng có một cây thứ-hai gọi là *quang*, phía trên ngạch lại có một cây gỗ ngang khác gọi là *bạc*. Từ quang đến khung bằng từ bạc đến ngạch và mỗi khoảng cách ấy được bít bằng những tấm ván có những tên rất có ý nghĩa: *lá-gió trên* và *lá-gió dưới*.

Nhưng cửa các nhà ở Quảng-nam nói riêng và ở miền Trung nói chung chỉ có ngạch mà không có bạc, nghĩa là người ta có-thể qua lại tự-nhiên, khỏi phải « ngoạch » cái chân mà bước từ hè vào nhà. Như vậy cái *khuôn-nhận* phía trên cửa ở Quảng nam tức là tấm lá gió trên ở Bắc Cơn ở Thừa-Thiên thì nó lại có tên là *liên ba cửa*, vì cũng giống các liên-ba tiền, hậu, thượng, hạ ở phía trong nhà.

Cũng theo những sai-biệt về tên-gọi như thế, nếu những cửa bốn-cánh ở Bắc có một loại đóng thành khuôn mà lùa ván mỏng, gọi là *cửa bức bàn*, và một loại đóng thẳng ván vào khuôn, gọi là *cửa cánh-phổ*, thì ở Quảng-nam thường chỉ có loại trên mà gọi là *cửa bàn-khoa*. Những cánh-cửa này cố-nhiên không bắt vào khung bằng bản-lê, mà mắc vào lỗ ở ngạch dưới và cây ngang trên bằng hai đầu thò ra, gọi là *chân-cột* ở Bắc, nhưng hình như không có tên ở Quảng nam, vì nhiều người mà tôi hỏi đều không biết gọi nó là gì.

Một dạng khác, ở khung cửa, cũng như ở các cột lòng-nhất thường có những tấm gỗ dài ốp vào cho đẹp, gọi là *đỡ* mà chia ra *đỡ-ngang* ở trên và hai *đỡ-xuôi* ở hai bên. Khi có đỡ như thế thì, đứng trước trông vào, ta thấy hai cột giữa chia căn nhà ra làm ba gian, mỗi gian như có một cái khuôn riêng, gọi là *khuôn-bông thành-dạng*. Ở Thừa-thiên chỉ khung mới có đỡ, chớ ở trong nhà, người ta gọi là *thành-vông* mà tô-diềm thêm bằng những *nách*, nhất là loại *nách con bươm*.

3. Cuối cùng là vài bộ-phận phụ-thuộc mà ta có-thể kể như sau:

a. Những *khuôn-nhận* để trám vào các khoảng-trống giữa xuyên ở dưới, xà ở trên và cột hai bên, đầu ở hàng cột lòng-nhất hay lòng-ba. Khuôn-nhận này có-thể là cả một tấm ván, là những tấm ván nhỏ lồng vào then ngang dọc, hay là những con-tiện xinh-xắn góp về tinh-vi vào những đường chạm trổ ở các đầu trính. đầu kèo.

b. Những *phên-lựa* là những vách ván chạy vòng theo các cột bên và sau, thường thấy trong các kiểu nhà-vườn chỉ có bốn hàng cột: hai hàng cột lòng-nhất, cũng gọi là *cột-cái*, hai hàng cột lòng-nhì, cũng gọi là *cột-con*. Phên-lựa này chạy dọc nối hai cột cái tiền và hậu ở hai bên, rồi chạy ngang nối hai cột-cái hậu ở bên và giữa, để đến khoảng hai cột-cái hậu giữa thì dựng thật vào phía sau mà không ăn vào cột-con hậu. Như vậy, hai gian-thứ ở hai bên trông nông hơn gian-trung ở giữa, vì gian này có thêm một chỗ ăn sâu vào để bày bàn-thờ, và người ta có-thể đi vòng từ hè-dục này qua phía sau các phên-lựa mà ra hè-dục kia (h. VI).

c. Hai *khư-đĩ* là phần tam-giác còn chừa lại phía trên chỗ mái chái nhà đỡ từ hai đầu-hồi xuống. Tiếng này thông-dụng cho đến Quảng-bình, Hà-tĩnh, và câu tục-ngữ « Ma trèo khu-đĩ » là một bằng-chứng rằng tiếng ấy có từ lâu ở Miền Trung, mặc dầu không được nhã, trong khi ở miền Bắc, theo tâm-hiểu-biết của tôi, không ai nghĩ đến một tên cho phần nhà ấy.

## B. NHỮNG KIỂU NHÀ RỪNG

Các kiểu nhà-rừng có thể phân-biệt theo chiều-ngang mà tính số gian hay theo chiều-dọc mà tính số hàng cột.

1. Theo chiều-ngang, có kiểu một gian hai chái và kiểu ba gian hay ba gian hay chái (h. V). Còn kiểu « năm gian sáu vì », thường hay thấy ở ngoài Bắc, không gặp ở đây, vì vào chỗ hai gian ở hai đầu nhà, người ta ưa làm hai chái.

2. Theo chiều-dọc, có:

a. Kiểu *nhà trính-trường*, không có cột ở giữa mà có *trính-trường* bắc từ đầu trường trước ra đầu trường sau, với những *trính-con* ở ngoài hiên (h. III).

b. Kiểu *nhà trính-lăng*, có bốn hàng cột: hai hàng cột-cái và hai hàng cột-con, với hai cây xuyên ngang bao giờ cũng nằm cao hơn các cây trính-đoán (h. II).

c. Kiểu *nhà con-tiền cái-hậu*, cũng chỉ có bốn hàng cột: một hàng *cột-cái hậu*, tức cột lòng-nhất, và một hàng *cột-con hậu*, tức cột lòng-nhì, ở phần sau; một hàng *cột-con tiền*, tức cột lòng-nhì ở phần trước, và một hàng cột lòng-ba ở hiên. Các trính thì bắc từ cột-con tiền qua cột-cái hậu mà đỡ một

con-đội thay cho cột-cái tiền đã bỏ cho rộng nhà. Thứ con-đội này ở Hà-tĩnh gọi là *cột-rột* (h. IV).

d. Kiểu nhà *khôn-cụi*, thường có đủ sáu hàng cột, và các kèo cũng bố trí gần như lối « sáu kẻ rường-chóp » ở ngoài Bắc. Cái khôn-cụi (x. Ald), như thấy trong hình V, nằm ở phần giữa hai cột lòng-nhất, gọi là *lòng-trính*, còn các phần trước và sau gọi là *chữ-từ trước* và *chữ-từ sau*.

Những kiểu nhà này thường có một cái thảo-bạc ở phía trước, vào khoảng giữa cột lòng-nhì và cột lòng-ba. Ở hình III ta có một cái thảo-bạc ghép gương vào một kiểu nhà trính-trường cho tiện việc trình-bày: mái thảo-bạc trông phía ngoài cũng liền theo mái nhà chính, nhưng phía trong lại có thêm một cái mái giả đỡ từ nửa kèo lòng-ba xuống một hàng xuyên ở cột lòng-nhì, lợp một lớp « ngói âm » thôi, khiến đứng trong nhìn lên, ta có cảm-tưởng như thảo-bạc có mái riêng.

Thật ra thì cũng có nơi làm thảo-bạc với mái riêng, như ở Huế, nhưng trông các thảo-bạc có mái liền, đỡ bằng bộ trính Nhật-bồn để khỏi cần kèo, vẫn thấy hay-hay. Nhất là khi mặt trong mái làm khum-khum mà đỡ bằng hẳn những tấm gỗ dài, to mà dày bản, dẻo cong và chạm hình con dơi giang cánh hay con rồng uốn khúc, để thay bộ trính Nhật-bồn, thì cái thảo-bạc có một vẻ âm-cúng hơn nữa. Nhân hình mái khum-khum ấy sinh ra cái tên *vỏ-cua* (3), và cái vỏ-cua thường hẹp hơn cái thảo-bạc, hay nói một cách khác, chỉ những thảo-bạc hẹp mới làm mái theo kiểu vỏ-cua được (h IV).

Đôi khi cũng có nhà mà phía ngoài thảo-bạc còn có thêm một hàng cột lòng-tư để đỡ mái hiên, nhưng kiểu nhà lớn theo lối « tám kẻ rường-chóp » ở Bắc, với mỗi vì bốn kẻ, hoàn-toàn không có ở Quảng-nam.

(còn tiếp)  
NGUYỄN BẠT-TUY



3. Cụ Châu Phi-Cơ, biệt-hiệu Mỹ-xuyên, một nhân-sĩ ở Hội-an mà tôi dịp hầu chuyện, giải-thích tiếng *vỏ-cua* này là gốc ở *Vỏ-cu*, tức chỗ ngày xưa để múa-hát. Nhưng cái vỏ-cua, đâu ở nhà-vườn hay nhà-phố, thường rất hẹp, mà ở đình chùa lại không thấy - phải chăng là chưa thấy — nên tôi chưa thể tin theo thuyết của cụ được.

**PAGES  
MISSING**



khi thất-thể nằm gọn trong tay Thúy-Kiều thì vừa chịu lỗi với Thúy-Kiều lại vừa xin khoan-hồng, vì lỗi ấy chẳng qua chỉ là tâm-lý-bệnh chung của đàn-bà, lại vừa kể ơn cũ của nàng đối với Thúy-Kiều; quả nàng là con người có can đảm ý-thức hơn ai hết. Một người đàn-bà như thế thì cũng có thể nói rằng thật là hiếm có trong cái đời tràn-đầy đục-vọng bề lửa than-hồng ngày nay vậy.

(Còn nữa)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU



**Tòa-soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**

NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266, Đường Công-Lý — Sài-Gòn

Điện-thoại : 24.633

— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM  
— Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM  
— Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN  
— Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

Ấn-Quán : BÌNH-MINH

148-i, Đường Yên-Đồ — Sài-Gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT

329, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — Sài-Gòn



## ĐÌNH-MỆNH CON NGƯỜI

(Tiếp theo V.H.N.S. số 58)

-Nguyễn Mạnh Bảo-

Đến đời con cháu đức Khổng-Tử nhớ đến cái Văn-chất đầy đủ của bậc Hy-Thánh mà chưa được phong trên ngôi cao và không làm xúc-động đến bậc Nhân-chúa, khi du-lịch các nước chư-hầu thì không đâu là không dừng ngựa ngoài cửa, tuy đã đến cửa nhưng còn có chỗ chưa được là Tân-khách, như học-trò là Tử-Hạ mới lên đến thềm chưa được vào trong nhà, đến khi thoái lão ở nhà thì Ngụy-Văn-hầu tôn làm thầy, và người ở đất Tây-hà nghiêm-chính đến theo về đức-độ, đem ví với Phu-Tử mà không ai dám nói, cho nên : Trị hay loạn là ở Vận, cùng hay đạt là ở Mệnh, quý hay tiện là ở Thời, thế mà những người Quân-tử về sau chỉ chăm chăm với một ông Vua, và chỉ ca-tụng có một Triều, như Khuất-Nguyên vì thế mà gieo mình xuống sông, Giả-Nghị vì thế mà phát lòng công-phân, chẳng cũng là quá lắm thay ? Như thế thì Thánh-nhân sở-dĩ được là Thánh có lẽ là ở chỗ vui với Trời và biết Mệnh, cho nên gặp trường hợp như thế mà không oán, hay ở vào trường hợp đó mà không nghĩ, về bản thân thì có thể nên tâm được, nhưng về Đạo-đức thì không bao giờ chịu khuất-phục, về địa-vị thì có thể bỏ nhưng thanh-danh thì không ai đoạt được, ví cũng như nước chảy thông ra thì thành sông, ngăn lại thì thành vực, bốc lên trên trời thì thành mưa, ngấm xuống dưới đất thì đất được nhuận-thấm, những vật trong-trời đem ra rửa thì không bị đục, hoặc những vật đục đem ra rửa thì không hại đến trong, vì thế nên bậc Thánh-nhân cư-xử lúc cùng cực hay lúc thành-đạt cũng như một vậy.

Và lại người trung-trực thì hay trái ý với Vua, người biệt lập thì hay

trái với phong-tục, đó là lý thế tất nhiên. cho nên cái cây tốt ở trên rừng thì gió tất lay chuyển, cái đồng đất đắp ở bờ sông thì dòng nước tất sẽ làm trôi đi, đức hạnh được cao hơn người thì mọi người sẽ chê-bai, gương trước không xa và xe đỗ lại nơi bánh, thế mà những người Đại-sĩ, Nhân-nhân còn bước lên mà không biết hối cải, cứ giữ lấy mà không chịu bỏ là tại sao ?

Có lẽ là cốt cầu lấy thỏa chí mà lại xông vào phong-ba trên con đường hiểm-yếu, hoặc cầu lấy thanh-danh mà bị những lời nghị-luận phi-báng ở đương thời, thì những người đó xử sự có ý gì vậy ?

Như Tử-Hạ nói : « Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên » tức là sống chết có mệnh, giàu sang ở Trời, cho nên Đạo khi sắp được thi hành, Mệnh đến lúc sắp được tôn quý, thì như Y-Doãn, Lã-Thượng được hưng ở nhà Thương, nhà Châu, Bách-Lý-Hề và Tử-Phòng đắc dụng ở nhà Tần, nhà Hán, như vậy là không cầu mà tự được, không đón mà tự gặp.

Còn Đạo đến lúc sắp sửa bị tàn, Mệnh đến lúc sắp sửa bị khinh, thì không những một người Quân-tử lấy làm hồ-thẹn mà không làm chẳng ? Có lẽ cũng biết đấy mà không thể làm được.

Phàm giả bậc Hy-Thánh và những kẻ sĩ được phồn thịnh thì những người xâm-nịnh phải cúi đầu, mà những người tôn-quý xa cách, trong khoảng Thế và Lợi thì ý không có phải trái, đem ra tán-dương thì như nước chảy, lời nói tuy không khả phủ nhưng lúc ứng thù thì như tiếng vang, sự quan-sát như thần, sự lui tới biến thông, cái thế lúc gặp thời thì người theo như về chợ, cái thế thất thời thì ai cũng lảng tránh bỏ rơi.

Lại nói là Danh cùng với Bản-thân thì đảng nào là thân, được và mất thì đảng nào hơn, vinh và nhục thì đảng nào quý, cho nên mới có sự trang sức về y-phục, khoe-khoang về xe-cộ, xông vào chỗ tiền tài, chìm vào nơi thanh-sắc, tự hơn hờ cho là được, như thấy Long-Bàng, Tỳ-Can bị vong thân mà không nghĩ đến Phi-Liêm và Ô-Lai bị diệt tộc, hoặc biết Ngũ-tử-Tư được thanh kiếm Chúc-lâu ở nước Ngô mà không biết tự răn như Phí-vô-Cực bị chu-di ở nước Sở, có lẽ che Cáp-Âm là người già bạc đầu làm quan Chủ-tước mà không biết tự răn, như Trương-Thang phải cái họa xe trâu, có lẽ cười Tiều-vọng-Chi khua múa ở trước Triều mà không biết sợ, như Thạch-hiền-Chi về sau phải tự ài, cho nên về chỗ Trời cho được thành đạt cũng có khi hết.

Phàm người ta sở dĩ cạnh tranh về phú quý là để làm gì ? Và lại việc

*lập Đức* cần phải ở chỗ Quý chăng ? Như U, Lệ làm đến Thiên-tử không bằng Trọng-Ni làm người Bồi-thần.

Cần phải ở *Thế* chăng ? Như Vương-Mãng và Đổng Hiền làm đến Tam-công cũng không bằng Dương-Hùng và Trọng-Thư làm hạng môn-khách.

Cần phải ở chỗ *giàu* có chăng ? Như Tề-Cảnh-Công có đến nghìn cỗ xe cũng không bằng Nhan-Hồi và Nguyên-Hiến sống trong ngõ hẻm.

Cho Đức là *quý báu* chăng ? Như cầm cái chén mà uống nước sông, chẳng qua cũng chỉ đến đầy bụng, hay bỏ nhà ra dầm mưa chẳng qua cũng chỉ đến ướt mình, những cái gì quá với mình thì không thể nhận được.

Cho là *đanh* chăng ? Thì thiện hay ác cũng được chép ở Sử sách, khen hay chê cũng lưu truyền đến nghìn đời, thường hay phạt dựa vào Thiên-đạo, cát hay hung rõ ở Quý-thần, cố nhiên là đáng sợ.

Hay để làm vui cho *tai mắt* và *tâm ý* chăng ? Ví như bậc có Thiên-mệnh đi chơi ở chợ trong năm Đô-thị thì những tiền-của Thiên-hạ sẽ bày ra hết, vén xiêm mà lộ qua bên Văn-Dương thì việc cấy gặt trong Thiên-hạ đầy như mây tụ, vén mái tóc mà giữ lấy kho Ngao-xu và Hải-lăng thì sự tích-tụ ở Sơn-kỳ đầy rẫy ở trước mắt, khép vạt áo mà lên trên núi Chung-son và Lam-diễn thì ánh dạ quang của ngọc Dur-ba có thể rõ được.

*Nếu như thế thì vì sự vật rất nhiều mà vì mình rất ít, không tiếc thân mình mà hạn chế với Thần-linh, gió kinh bụi nổi, tàn mắt không lúc nào thôi, Lục-tật (1) đợi đằng trước, Ngũ-hình (2) theo đằng sau, lợi hại sinh ra bên Tả, công phạt ra từ bên Hữu, rồi tự cho rằng thấy sự *thân sơ* của *Thân* và *Đanh* phân ra sự *Vinh Nhục* về Người và Minh chẳng ?*

Trong Hệ-từ Kinh Dịch, đức Khổng-tử nói rằng :

« Cái Đức lớn của Trời-đất gọi là *Sinh*, cái báu lớn của Thánh-nhân gọi là Thứ-vị, lấy gì để giữ Thứ-vị tức là *Nhân*, lấy gì để chính được người tức là *Nghĩa* », cho nên bậc Vương-già *đời* cổ có lẽ lấy một người để trị Thiên-hạ, chứ không lấy cả Thiên-hạ để thờ-phụng một người.

(1) Âm, Dương, Hàn, Thử, Hối, Minh.

(2) Mặc, Tỵ, Phi, Cung, Đại-tích.

Người làm quan về đời cổ có lẽ lấy chức-vị để làm việc Nghĩa, chứ không phải lấy lợi để mua chuộc các hàng bách quan.

Người Quân-tử đời cổ có lẽ lấy làm hồ-thẹn ở chỗ đã được chức-vị mà không sửa trị được, chứ không hồ-thẹn ở chỗ sửa trị được mà không được chức-vị. Căn-nguyên là ở cái tính Trời và Người. quan-sát ở chỗ phân biệt tà chính, cần-nhắc về họa phúc, kết quả ở chỗ vinh nhục, thực là rất rõ ràng, cho nên người Quân tử bỏ cái này mà lấy cái khác. Còn như những lúc xuất sử không trái thời, lúc im lúc nói với người không nhàm-lỗi, cũng như Trời động sao quay mà ngôi Bắc-cực vẫn ở chỗ cũ, hay như bánh xe luân chuyển mà côn-trục vẫn ở giữa, thực là : « *Đã sáng và khôn để giữ lấy mình, đi lại làm mưu an-toàn cho con cháu về sau* », (Ký minh thờ triết dĩ bảo kỳ thân, 瞻明思哲以保其身, 瞻厥孫謀以燕翼子).

Xem những giải thuyết trên chúng ta đã thâm nhập một cách khá thấm-thía vào trong cái nghĩa huyền-linh của Tính-mệnh Vận-mệnh và cái Đạo Thời, Đức Phu-Tử trong Hệ-từ thượng truyện kinh Dịch nói rằng : « Thời vi đạo đợi hỷ tai » (*Cái Đạo Thời to làm thay*) !

Hóa cho nên hiểu rõ được hai phần vô và hữu hình hay cái thân-xác và cái linh hồn của con Người luân chuyển từ kiếp này sang kiếp khác, từ kiếp là vật vô tri vô giác, đến thực-vật, cảm thú, con người rồi Thần Thánh Phật, con người ta đã phải trải qua triệu triệu kiếp mà trong đạo Phật gọi là Hằng-hà sa số kiếp hay A tăng-kỳ kiếp, tức là có con số 1 ở đầu và 49 con số không theo sau. Đã nhận định có luật truyền-kiếp tức là có cái bánh xe luân-hồi vận-chuyển pháp-luân mang theo bao nhiêu sự di-dịch khùng-kiếp trong một giây, một giờ, một ngày vân vân... sự vận-chuyển toàn-lực của cả Nhân-loại và Vũ-trụ, ta thử xét thì thấy tất cả những sự tốt, xấu hay bình-thản trong một giây, có người trúng số độc-đắc, có người bị xe cán, có người sống người chết vân vân, tức chúng ta là những sợi chỉ ngang hay dọc kết lại thành cuộc đời vậy.

Theo thế thường người ta cho là *may* hay *rủi*. Trên thế-hệ làm gì có *may* *rủi*, nó chỉ là những cái quả-báo của những kiếp xa-xăm, sự thụ-hưởng những cái xấu tốt, đắc thất, tồn vong, thành bại chỉ là do ở cái quả-báo đến một thời gian « H » mới thành-tựu. Cho nên mới gọi là *Định-Mệnh*. Nhưng trong cái đã định cho đời mình trên kia tôi đã giải và thuyết về cái « Lương-năng »,

hay cái « Tính », hay cái « Libre arbitre » (tự do ý-chí) do đó mà thành ra những cái nhân mới cho mùa gặt sắp tới.

Nói đến đây tôi thấy nhiều bạn trẻ sẽ cười tùm-tùm cho là nói thể chứ đời này làm gì có chuyện nhân-quả, làm gì có luật Quả-báo. Nhưng hãy khoan, tôi cũng như các bạn cách đây 30 năm, đời tôi chưa đủ kinh-nghiệm, chưa lần lộn trong sự thăng trầm, thành bại chưa thấm vào tận xương tủy, trông đời đẹp như mộng, tươi như hoa-hồng buổi sáng. Nhưng dần dần thời-gian đã cho tôi biết ta không thắng được Trời, được Thiên-lý, được *Định-Mệnh*, cũng như con ngựa đề cưỡi, con chó giữ nhà, con mèo bắt chuột, con trâu đề cày.

Luận-lý đến cùng ta phải bó tay để chiều theo cái dòng nước lớn cứ cuộn cuộn chảy về bề Đông mà đưa tất cả dòng nước lũ.

Lắm bạn lại cho là : Lại cái giọng cũ rích đề dọa người làm người điều ác, đề siêu về điều thiện của các tay chính-trị Phong-kiến đời xưa cho ra những lý-thuyết như vậy cốt để xua người vào trong vòng cương-toà, lấy tâm-linh mà trị và để cho chúng dân vào khuôn-khò để dễ thao túng chứ gì, không phải thế đâu, Chân-lý có một, sự thật không hai, tuy vẫn có nhiều lý-thuyết sai-biệt mà các Chính-trị gia đã dùng để lừa-dối dân, nhưng thuyết *Định-Mệnh*, thuyết Nhân-quả và Quả-báo thật là những thuyết rất khoa-học rõ-ràng như hai với hai là bốn.

Hóa cho nên rõ được thuyết *Định-Mệnh* rồi Đông cũng như Tây mới xuất sinh ra nhiều nhà trừ-danh về Chiêm-tinh-học hay Tử-vi, như đời Đường có Trần-từ-Bình lập ra môn Bát-tự, đời Tống có Trần-Đoàn lập ra Tử-vi đầu-số để xem số-mệnh cho người, còn có những nhà trừ-danh về Thuật-số như Lã-ngọc-Thiền, Ma-y, Lão-Tồ vân-vân. Xin quý bạn để một dịp khác tôi sẽ đề cập đến vấn-đề này mà chính tôi đã nghiên-cứu sưu-tầm trong 30 năm và đã xuất-bản ba quyển Tử-vi rồi vậy.

☆

Theo về Nhân-sinh triết-lý thì cái *Định Mệnh* con người chỉ do các luật : *Nhân-quả* hay *Quả-báo* và *Luật chuyên-kiếp* (Loi du Karma), mà tôi đã giải ở trên. Nhưng con người ta ở trên đời từ bậc dân-gian lao-khổ đến bậc Đế-Vương Chúa-Tề cũng chỉ gồm trong hai chữ : Sầu, Vui. Vì lẽ ấy tôi còn nhớ bài phú về cái Sầu của nhà văn-hào Phạm-Quỳnh, xin cống hiến quý bạn :

« Từ độ sâu đến nay, ngày có lúc sâu mà đêm cũng có lúc sâu.  
Một mình tịch-mịch mà sầu, đông người cười nói mà cũng sầu,  
Mưa dầm lá rụng mà sầu, trăng thanh gió mát mà cũng sầu.  
Sầu không có mối chém sao cho đứt,  
Sầu không có khối đập sao cho tan.

Nhân sầu nhớ đến người đời trước : Vua Minh-Hoàng vào năm Ba-thực, rêu xanh nước biếc, lá rụng chim kêu, chuông chùa khuya đưa mây ngàn sớm nổi, mà thương người gốc Lê.

Ông Nã-phá-Luân ở đảo Ách-biệt, mây trời man-mác, nước biển mênh-mông, tiếng súng xa tai, ngọn cờ khuất mắt, còn tưởng công việc trên mặt đất ỏi Âu-châu.

Nàng Chiêu-Quân lúc ở bên Hồ, mặt đất cát bay đầu non \*sáo thổi, còn tưởng cung-điện Tràng-an.

Ông Hạng-Vương, nàng Ngưu-Cơ lúc uống rượu trong màn mà bốn mặt nghe tiếng hát Sở.

Ông Tô-Tấn khi chưa đeo Tướng ấn mà về quê Lạc-dương.

Ông Mạnh-Tử bỏ chức Khách-Khanh ra năm Ấp Túc.

Ông Kinh-Kha trên sông Dịch-thủy, bà Ngũ-Tử trong chợ Đông-ngô, nàng Nguyễn-Thị lúc quân vong quốc phá mà đem mình nương-náu chốn dân-gian.

Á Ngọc-Khanh lúc từ biệt sinh ly mà đêm tôi vẫn ngâm-ngùi nơi Thủy-quốc.

Ông Tô-Vũ chẵn bề mặt biển, nhận Bắc về Nam, Chàng Lưu-Lang trở lại động Thiên-thai, hoa đào nước suối đất Nam xa.

Ông Hàn-Dũ lúc xuống Thiêu-châu mà mây núi Hoành-sơn tuyết cửa Nam quan, đình chung người đội gạo bên Tâm-dương lo-lùng chiếc thuyền con trắng gió.

Thì từ xưa tới nay Đông, Tây, Nam, Bắc, không cứ ông Đê Vương ông Hiến-Thành, ông Anh-hùng Hào-kiệt Tri-sĩ nhân-nhân, người hồng-phần, con hát đàn, ai cũng trong một chữ sầu cả.

Tương như mình tài-đức địa-vị phong-lưu phẩm-giá đâu dám bì với

bấy nhiêu người đời xưa mà cùng chung một mối sầu với những người đó.

Thân ôi ! Sầu đông càng lúc càng đầy.



Trên đây là bài phú cái Sầu và dưới đây xin đọc bài luận về cái Vui trích trong quyển Dịch-kinh Tân-khảo của tôi trang 1262 như đây :

« Cái vui trong Thiên-hạ cũng theo nhịp của sự tiến thoái Âm-Dương, hay cái luật căn-bản của Trời-đất. Muốn sự-vật còn trong vòng đại-luật âm-dương ấy phải theo thời mà biến chuyển, có lúc vui, lúc buồn, lúc giận-hờn, lúc đau khổ. Nhưng cái vui có nghĩa là lúc có sự trung-hòa trùng tiết của âm-dương, hay là lấy tài đức quẻ Dị (vui) mà nói là lúc trong mềm thuận mà ngoài động, trong lòng thú-thích mềm theo cảnh ngoài, mà ngoài lại có sự động ra như tiếng cười rộn-rã, như trên động dưới hoà theo là Vui.

Thánh-nhân đã nói trong Thoán-Từ : « Dị chi thời đại hỷ tai », cái thời cuộc vui to lắm thay !

Cái vui trong Thiên-hạ cũng có hai thứ : Cái Vui Quân-tử và cái Vui Tiều-nhân. Vui Quân-tử ta thấy thanh-tạo, vui cùng Đạo-lý, vui cùng cây-cỏ gió trăng, mà lúc nào cũng không bỏ cái trung-hòa của đạo Trời-đất, đó là cái vui cao thượng, lấy cái vui của Trời-đất để làm vui Thiên-hạ, đó là cái Vui của đấng Nhân-quân lấy đạo Dị (vui) mà bình Thiên-hạ, thấy người Vui, thấy nhà mình Vui, thấy cả Thiên-hạ Vui, mà mình được Vui, đó là cái Vui của Vua Nghiêu Vua Thuấn, cái Vui của các bậc Đế-Vương, cái Vui ấy nó thanh-cao, nó thanh-thần, phảng qua như trầm hương trong cảnh-u tịch của Thiên-môn, cái Vui của đấng Từ-bi Bác-ái, cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh bởi ra khỏi được cõi trầm-luân bề khổ. Đó là cái Vui của đấng Đại-từ Đại-bi đã mang cái Vui đi để thấm-nhuần cho khắp chúng-sinh trên cõi Sa-bà.

Cái vui của nhà Đạo-dức trong lúc hành Đạo, giữ được mình và kết hợp được Tinh Khí Thần qua cõi U-môn để thăng tiến lên cõi Thượng-giới. Cái Vui của người Quân tử như Nhan-Hồi vui với Đạo, sống trong ngõ hẻm với bầu nước nắm cơm.

Cái Vui của mặt trăng mặt trời im lặng luân chuyển ngày này qua

ngày khác, năm năm tháng tháng vẫn vui-vẻ hành động mà không chán, do đó cái vui của bốn mùa cho nhân-loại thường-thức, cái thú vui tuyệt-tác của Xuân, Hạ, Thu, Đông, mà không có sự sai thất.

Đến cái Vui của kẻ Tiều-nhân nó cũng làm cho người Vui, nhưng cái Vui về tư-lợi như cái vui của kẻ trác-táng với điều thuốc lá bài, cái Vui của lợn muối, con rệp khi đốt được người mà hút máu. Cái Vui của Trụ-Vương khi thấy Đắc-Kỷ chỉ có trong sự sé lựa làm Vui, mỗ bụng người làm thích. Trong cái Vui Tiều-nhân thì rất hung, nhỏ hung nhỏ, như muỗi rệp làm người ta bức mình, như đấng Quân-Vương dè-hèn ti-tiền thì hại cả nước, mà cũng vì cái Vui ti-tiền ấy có khi đến quốc táng gia vong. Cái Vui ăn được hối lộ của Bá-Hy mà nước Ngô mất, cái Vui của Ngô-phù-Sai với Tây-Thị đã làm cho nước Việt trả được thù xưa và đến nổi nước mất nhà tan.

Hóa cho nên cái thời Đạo Vui to lắm vậy !

Cũng chỉ có cái Đạo Vui, cái cách Vui thường tình của Thiên-hạ mà lại có thể đưa nhân loại đến chỗ sung-sướng vui vầy, thái-bình thịnh-trị, hay đến chỗ can-qua đỗ-thán, đến chỗ quốc táng gia vong. »

#### KẾT-LUẬN

Đời chỉ là cuộc Vui Sầu lẫn lộn thì tại sao ta không kiếm cách để vui, với tuổi trẻ vui với cảnh già, sống một đời hồn-nhiên vì sự Cát Hung xảy ra nó cũng chỉ do cái Định-Mệnh mà đến. Sao ta thấy sự phúc-lành danh-lợi đến thì vui mà sự tai ương hung hãn đến thì buồn, vì lẽ ấy người Quân-tử ở đời chỉ vui với Đạo lúc nào cũng thân-nhiên nhi nhiên, được cũng không vui, mất, cũng không buồn, vì người Quân-tử đã hiểu rõ Thiên-lý, hiểu rõ luật Nhân-quả nhưng kẻ Tiều-nhân thì lúc nào cũng lo buồn, lúc chưa được thì lo không được, lúc được rồi thì chỉ lo mất. (Không Từ).

Rõ được sự đời, hiểu thấu cái thuyết Định-Mệnh Con Người thì tôi chỉ mong quý bạn vui trong công việc của mình, tự vui với mình, vui với người trong gia-đình, tôn-tộc và Xã-hội. Người người đều vui thì cuộc đời là cả một Thiên-đàng trên Hạ-giới vậy.

NGUYỄN-MẠNH-BẢO



## NHỮNG ĐỊNH-TẮC CĂN-BẢN CỦA KHOA NGŨ-HỌC CẤU-THỨC

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA  
Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn

I.— Trước hết, ta cần nhận xét rõ ràng rằng ngữ-học, tức khoa-học về ngôn-ngữ, có thể áp-dụng cho *bất cứ một ngôn-ngữ nào*. Ta có thể tạm định-nghĩa rằng khoa ngữ-học cấu-thức phân-tích một ngôn-ngữ theo cách-thức cấu-tạo của nó, bằng cách trước hết tìm ra những đơn-vị âm-thanh có ý-nghĩa trong ngôn-ngữ ấy, thứ đến tìm ra những mô-thức âm-thanh mà ta gọi là « vần », là « tiếng », rồi sau cùng tìm ra những mô-thức tiếng mà ta gọi là « đoạn », « mệnh-đề » và « câu » của thứ ngôn-ngữ được nghiên-cứu.

Ngữ-học cấu-thức chú-trọng đến phương-diện đồng-bộ hay cộng-thời, thay vì phương-diện lịch-sử : nói khác đi, ngữ-học cấu-thức chụp hình một ngôn-ngữ nào đó ở một thời-điểm nhất-định, chứ không theo rõi biến-chuyển của hệ-thống ngôn-ngữ đó trên trục thời-gian.

II.— Ta có thể nhìn vào Việt-ngữ chẳng hạn theo cách cổ-truyền hoặc ta có thể nhìn vào Việt-ngữ theo cấu-thức của riêng nó. Hai cách này khác nhau. ở chỗ nối quan-hệ giữa *tiếng* Việt và *chữ* Việt được cứu xét theo khía cạnh nào. Thứ văn-tự ta quen dùng trong lớp học là thứ văn-tự dùng để ghi thứ tiếng Việt tiêu-chuẩn, nhưng đồng-thời ta cũng nhận-thức rằng quanh ta có nhiều người nói thứ tiếng Việt không tiêu-chuẩn chút nào. Ngoài ra, chữ viết và tiếng nói cũng tượng-trưng cho hai cực-đoạn, một đẳng là vĩnh-cửu, một đẳng là chuyển-biến. Vì lý-do kinh-nghiệm nơi học đường, nhất là trong những giờ quốc-văn, ta có khuynh-hướng coi trọng chữ viết và xem thường tiếng nói, coi văn-tự là tiêu-

chuẩn của ngôn-ngữ, chứ không phải chỉ là một hình-thức chuyên-môn của ngôn-ngữ, một phương-tiện để ghi lại ngôn-ngữ.

Nhà ngữ-học cấu-thức, trái lại, đặt ngôn-ngữ (tức tiếng nói) lên trước văn-tự (tức chữ viết). Ai cũng biết trẻ con học nói lâu lắm, mấy năm rồi mới học viết. Các cuốn văn-phạm theo lệ-thường vẫn dạy học-sinh những âm-thanh của một thứ ngôn-ngữ, và cách đọc những âm-thanh đó. Hễ thấy một thứ chữ viết nào, ta cũng lại mặc-nhiên công-nhận rằng đoàn-thể người dùng văn-tự ấy tất phải có một thứ tiếng nói. Nghĩa là, không có ngôn-ngữ thì không thể có văn-tự được : tiếng nói có trước, chữ viết mãi sau mới có.

Nhà ngữ-học (cấu-thức hay miêu-tả) chú-trọng đến tiếng nói không phải chỉ vì lý-do thẩm-mỹ. Nhà ngữ-học chú-trọng đến tất cả mọi hình-thức của ngôn-ngữ, và nếu dành ưu-tiên cho tiếng nói thì chỉ vì lý-do nó là hình-thức thích-hợp nhất cho việc phân-tích mà thôi. Thí-dụ, chữ viết của chúng ta (dù là chữ nho, chữ nôm hay chữ quốc-ngữ) không chỉ rõ những mô-thức về độ nhấn mạnh nhẹ hay về giọng nói trầm bổng mà chúng ta thực-sự sử dụng trong khi nói chuyện một cách tự-nhiên bình-thường. (Chữ quốc-ngữ có dùng các dấu để chỉ *thanh* của từng vần). Độ nhấn trong Việt-ngữ cũng quan-trọng lắm : ta thử so-sánh hai câu *Bao nhiêu tiền ?* và *Bao nhiêu tiền !* trong đó vần (hay tiếng) *bao* nhấn khác nhau. Ngữ-điệu cả câu cũng rất quan-trọng : thí-dụ *Đi đâu ?* và *Đi đâu !*, câu trên hỏi xem « Đi nơi nào ? » và câu dưới chối rằng không đi. Những nguyên-tố như độ nhấn (mạnh nhẹ) và ngữ-điệu (trầm-bồng) cũng có ý-nghĩa như từ-âm, mẫu-âm, thanh, v.v. trong Việt-ngữ, thế mà chính tả của ta không chỉ rõ. Vì thế nên muốn phân-tích một thứ ngôn-ngữ, ta căn-cứ vào tiếng nói thì sát thực-tế hơn vì chữ viết chỉ là một phản-ảnh không tinh-xác và không trung-thành của tiếng nói. Và nói thế không phải là về sau ta không nghiên-cứu đến chữ viết hoặc ta thờ-ơ, lãnh-đạm đối với vấn-đề chính-tả và cải-cách chính-tả.

III.— Phương-pháp cổ-truyền và phương-pháp cấu-thức lại còn khác nhau xa ở chỗ ta ý-niệm sự tương-xứng giữa ngữ-thể và ngữ-ý ra thế nào. Người nông-nõn còn cho những nhà ngữ học cấu-thức nếu không phủ-nhận hẳn ý nghĩa thì cũng coi thường nó quá. Điều này không đúng chút nào : không có nhà ngữ-học nào lại nghĩ đến chuyện phủ-nhận một sự thật thường được hiển-minh là : ngôn-ngữ truyền-đạt ý-nghĩa, mang theo ý-nghĩa. Sự tương-dị căn-bản chỉ là : chúng ta cho rằng ngôn-ngữ do ý-nghĩa mà sinh ra, còn các nhà ngữ-học thì cho rằng ngôn-ngữ là một phương-tiện, một môi-giới để truyền-đạt một thứ mã-hiệu, một thứ điệp-văn. Nhà ngữ-học phân-biệt « ý-nghĩa ngữ-vựng » và



« ý-nghĩa văn-phạm », và chỉ chú-trọng đến cái thứ hai thôi : thí-dụ, nếu ta thấy *Học-viện Quốc-gia Hành-chính* thì ta hiểu đó là một học-viện của nhà nước để dạy khoa hành-chính-học, còn nếu ta thấy *Học-viện Hành-chính Quốc-gia* thì ta hiểu đó là một viện chuyên giảng khoa hành-chính quốc-gia (chứ không phải quốc-tế. Trong trường hợp trên, tiếng (hai vắn) *quốc-gia* định-nghĩa cho *học-viện*, còn trong trường-hợp dưới, tiếng *quốc-gia* định-nghĩa cho *hành-chính* : đây là theo cách cấu-tạo riêng của Việt-ngữ (khác hẳn cách cấu-tạo của Anh-ngữ, Hoa-ngữ, chẳng hạn), đòi hỏi một tiếng y phải đứng liền sau một tiếng x nếu muốn bổ-nghĩa cho tiếng này : danh-từ x mà ghép với danh-từ y thì đoạn x + y cũng cấu-tạo như :

dân quê  
trường tỉnh  
đường làng  
ủy-ban xã  
hội-đồng đại-học  
học-viện quốc-gia  
hành chính quốc-gia  
tổ-chức quốc-tế.

Giữa x và y, ta có thể hiểu ngầm một quan-hệ văn-phạm điển bởi những tiếng (giới-từ) như *của, ở, trong, thuộc, về*, v.v... Trong khi phân-tích một đoạn như x + y, nhà ngữ-học chỉ nhấn mạnh cái ý-nghĩa « máy móc » của y (căn-cứ vào vị-trí của nó theo liền x) chứ không có thì giờ, mà cũng không cần, đi vào chi-tiết xem tiếng *quốc-gia* chẳng hạn có những ngụ-ý đẹp đẽ, cao-cả, ái-quốc ái-quần gì.

Và lại, một cá-nhân nói tiếng mẹ đẻ có thể chọn trong số mấy thể thông dụng như *sân bay, phi-trường, máy bay, phi-cơ*, v.v... song ý-nghĩa không quyết-định được những thể không có như, \* *học-ngữ* hay \* *ngữ-Pháp* (vì người Việt mới chỉ có *toán-học, số-học, hình-học, sử-học, văn-học, hóa-học*, v.v... hay *Việt ngữ, Anh-ngữ, Hoa-ngữ, Nga-ngữ*, v.v...) Ta bắt người khác hiểu \* *học-ngữ* là môn học về ngôn-ngữ (tức ngữ-học) và \* *ngữ-Pháp* là tiếng Pháp (tức Pháp-ngữ), là ta làm một việc gò bó, giả-tạo, trái với cấu-thức của Việt-ngữ. Cấu-thức này nó bắt buộc một tiếng (hay từ) có công-thức *x-học* nếu chỉ môn học về x và công-thức *y-ngữ* nếu chỉ thứ tiếng của dân-tộc y. Còn nếu ghép hai tiếng (hay từ) x và y với nhau theo công-thức x + y trên kia thì ta sẽ nói « khoa-học (về) ngôn-ngữ », « ngôn-ngữ (của) Pháp », v.v...

Văn-phạm lối cổ-truyền bảo học sinh chú-ý đến « nghĩa từng chữ », « nghĩa cả câu », v.v... để phân-biệt từ-loại này với từ-loại nọ. Chẳng hạn, ta hãy hỏi học-sinh làm sao biết chắc được tiếng *mã* là liên từ phụ-thuộc hay đại-danh-từ liên-tục. Trả lời : phải dùng một khuôn-khò để nghiệm-xất. Công-thức ta dùng để thử sẽ là :

(1) C Đ | T mà C Đ #  
(2) C Đ T | mà C Đ #

trong đó C là chủ-từ, Đ là động-từ và T là túc-từ, còn dấu | chỉ sự ngừng, dấu # chỉ sự xuống dòng và ngắt câu.

Ta hãy so sánh hai câu này :

(1) Tôi cấm | quyền sách mà nó vẫn đọc.  
(2) Tôi cấm quyền sách (ấy) | mà nó vẫn đọc.

Trong kiểu câu số (2), ta thường thấy *ấy, đó, này, kia, nọ*, sau túc-từ *quyền-sách*, và sau chỗ ngừng, ở vị-trí tiếng *mà* (mà tiếng tương-xứng trong Pháp-ngữ là *mais*, trong Anh ngữ là *but*) ta cũng có thể có *nhưng, nhưng mà, thế mà, vậy mà*. Còn trong kiểu câu số (1) thì sau *cấm* thường có ngừng và đại-danh-từ *mà* (mà tiếng Pháp-ngữ tương-xứng là *que* và tiếng Anh-ngữ tương-xứng là *which, that*) thật ra không có cũng được : Tôi cấm quyền sách (mà) nó vẫn đọc.

Những công-thức như trên thoạt đầu trông hơi khó chịu vì lạ mắt, nhưng khi quen rồi thì ta thấy gọn-gàng, rõ-ràng và dễ-hiểu, nên có lợi trong việc giảng dạy : ta sẽ bảo *mã* không ngừng đằng trước khác | *mã* (có ngừng đằng trước)

Theo lối cổ-truyền, ta có những danh-sách dài dằng-dặc và những định-nghĩa cốt để biện-minh cho các danh-sách đó. Trái lại, nhà ngữ-học trước hết quan-sát sự-kiện đã, rồi mới đưa ra những định-nghĩa theo đúng sự-kiện kia. Những định-nghĩa này thường được thu-gọn trong một số công-thức, và ta cũng hiểu rằng khoa ngữ-học không cần công-thức hơn là khoa hóa-học, trong khoa này công-thức nào cũng có thể nói rõ ra bằng một câu nói dài dòng không cần đến ký-hiệu nọ, ký-hiệu kia. Sau khi có những định-nghĩa của mình rồi, nhà ngữ-học mới căn-cứ vào đó để mà phân-loại hầu đi tới các bảng kê-khai. Như vậy thì khởi-diêm của nhà văn-phạm cổ-truyền là cái đích của nhà ngữ-học (cấu-thức). Một đảng đi từ những hiện-tượng quan-sát được tới những bản kê-khai, còn một

dăng đi từ những bảng kê-khai rồi tìm cách uốn nắn sự thật đi (bằng những biệt-lệ chẳng hạn). Lẽ tất-nhiên, lối trên, căn-cứ vào cấu-thức đặc-thù của một hệ-thống ngôn-ngữ, sẽ thấu-lộ mục-diện hồn-nhiên của hệ-thống ấy trên tất cả các bình-diện phân-tích — âm-vị, ngữ-vị, tiếng (hay từ) — và vì thế là lối đáng tin-cậy hơn.

IV.— Những sự-khiên liên-quan tới ngôn-ngữ có thể được chia ra làm hai loại; một loại là những dữ-khiên đo-lường được, một loại là những dữ-khiên không đo-lường được. Loại trên thuộc phạm-vi *văn-phạm-học* hay *ngữ-pháp-học*, là một khoa-học. Loại dưới, ta xếp vào *tu-từ-học* hiện còn bị giới-hạn trong phạm-vi một nghệ-thuật thôi. Lãnh vực của nhà văn-phạm (khoa-học) lại gồm có những sự-khiên ngôn-ngữ (ngữ-âm, ngữ-thái, cú-pháp, ngữ-vựng) và những sự-khiên xã-hội (thái-độ đối với lời ăn tiếng nói của đại-diện từng giai-cấp xã-hội). Mục-tiêu của nhà ngữ-học làm văn-phạm miêu-tả của một thứ ngôn-ngữ là mục-tiêu của bất cứ một khoa-học-gia nào: thu-thập, xếp-loại và phân-tích tất cả các dữ-khiên có ý nghĩa rồi thì nói lên những luật-lệ giúp cho người khác hiểu cái ngôn-ngữ mình phân-tích. Như vậy khoa ngữ-học có hai lợi-ích cụ-thể: nói riêng từng hệ-thống ngôn ngữ, khoa này giúp ta miêu-tả từng ngữ-thể cấu thành hệ-thống đó để diễn-tả ý-nghĩa, và nói chung khoa ngữ-học (cấu-thức hay miêu-tả) cống-hiến một lý-thuyết vững chắc về tính-chất của ngôn-ngữ cùng công-năng của nó trong một cộng-đồng xã-hội.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA



## ỨC-TRAI TƯ-ỚNG-CÔNG DI TẬP

### DU'-ĐỊA CHÍ

Á-NAM  
sưu-dịch

#### LỜI CỦA DỊCH-GIẢ

Bộ *Dur Địa-Chí* này là do *Ức-Trai tiên-sinh* thảo soạn trong triều vua *Thái-Tôn nhà Lê*, cách đây chừng hơn 500 năm và là một cuốn sách thứ nhất chép về địa-dư nước Việt-Nam ta, cho nên cũng có tên gọi là *An-Nam Vũ-Công* 安南禹貢.

Sách này, trước đây không hiểu đã có ấn-bản nào chưa, song riêng tập này là do một tập thủ-thư (viết bằng tay), đóng liền vào với hai quyển *Quân-Trung Từ-Mạnh* cũng do *Ức-Trai Tiên-sinh* tự tay thảo soạn khi xưa, và để chung là «*Ức-Trai Tướng-Công Di-Tập*».

Là một tập sách viết tay trên giấy bản của ta khi trước, vì đã lâu ngày nên thỉnh-thoảng có nhiều chỗ rách nát không được rõ ràng. Hơn nữa trong khi người trước chép-bằng tay, phần nhiều ít có thì giờ đọc lại, nên trong đó không khỏi thấy có nhiều chữ sai lầm, khiến cho người đọc xem sau này thường gặp những điều cần phải suy xét kĩ-càng mới tìm ra nghĩa.

Dịch-giả là một hậu-sinh, học hành sơ thiên, trong khi sưu dịch những áng văn-chương tuyệt tác của các bậc tiền nhân đã là một việc tự thấy khó khăn. Nay lại gặp nhiều những điều trở ngại nói trên, thì tránh sao cho khỏi có điều lẫn lộn thiếu sót. Tuy nhiên, đối với những cái kho tàng vô giá của các bậc anh-hùng hào-kiệt và là của Tiên-Tổ từ xưa lưu truyền miền viễn cho tới ngày nay, thì bốn phận cháu con có lẽ nào mà không ra công tìm tòi nhận xét?

Bởi vậy dịch-giả cũng tự quên mình sơ-thiền, cố gắng sưu tầm và dịch thuật ra đây để công hiến các giới đồng-bào hiếu học và góp thêm tài liệu cho những ai tha-thiết giang-san Tổ-quốc mà mong truy-tầm nguồn gốc khai thác miếng đất gấm vóc hiện nay, ngõ hầu cùng nhau hăng hái tiến bước trên đường tự-do độc-lập để cùng lưu-truyền vĩnh-viễn muôn thừa sau này. Đó là một điều vô cùng hân-hạnh.

Dịch-giả tha thiết ước vọng, nếu có điều gì sai lầm hay là thiếu sót, xin các bậc cao minh sẵn lòng chỉ giáo giùm cho, để mong bỏ khuyết trong khi tái-bản sau này, thì thực là một điều hân hạnh không biết thế nào mà kể. Dịch-giả xin thành thực gửi lời cảm tạ trước.

Viết tại Trại Bình-Thới  
Ngày xuân năm Tân-Sửu (1961)  
Dịch-giả : **Ả-NAM**

### ỨC-TRAI TIỂU-SỬ

Riêng về phần tiểu-sử của Úc-Trai tiên-sinh, thì trong sử cũ của ta ít thấy chép tới. Duy trong mấy trang đầu tập Úc-Trai Tướng-Công Di-Tập có một đoạn kể qua lý lịch của người, song cũng không được rõ ràng cho lắm. Bởi vậy, dịch-giả nhân tìm trong pho Ngự-Chế Việt-Sử Tông-Vịnh của vua Dục-Tôn triều Nguyễn, và trong sách Tang-Thương Ngẫu-Lục cũng có lược thuật sự tích của người, xem ra cũng giúp thêm được một phần nào vào việc khảo cứu cò-tích của bậc danh-nhân đó.

Vậy trước khi trình bày pho Dư-Địa-Chí, dịch-giả hãy xin lược-thuật cả ba đoạn chép về sự-tích của Úc-Trai tiên sinh để công hiến độc-giả chư tôn khảo duyệt :

#### 1. — THƯỜNG-TÍN PHỦ, THƯỢNG-PHÚC HUYỆN, NHỊ-KHÊ XÃ TẾ-VĂN-HẦU NGUYỄN-TRÁI HIỆU ÚC-TRAI TIÊN SINH SỰ PHẢ (1)

(Phả chép công việc của Tế-Văn-Hầu Nguyễn Trái, hiệu Úc-Trai tiên-sinh là người làng Nhị-Khê, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-Tín).

Phụ thân người là họ Nguyễn, húy là Phi-Khanh, hiệu là Nhị-Khê tiên-sinh, năm 19 tuổi đậu Bảng Nhớn Đệ-nhất-giáp trong triều nhà Trần. Ông trái làm quan tới chức Thông-Chương Đại-phu Đại-Lý Tự-Khanh Kiểm Trung-Thư Thị-

(1) Bài này trích trong tập Úc-trai Tướng-công.

Lang Hàn-Lâm Học-Sỹ Tả-Tán-Thiện Đại-Phu Quốc-Tử-Giám Tư-Nghiệp tứ Kim-Ngư-Đại Thượng Khinh-Xa Đô-Úy. Bà vợ Trần-Ngọc-Điền, công-chúa nhà Trần, sinh ra ông Nguyễn-công húy là Trái.

Năm ông Trái 21 tuổi thi đậu Tiến-sỹ Đệ-Tứ-danh giữa triều nhà Hồ (1400 d.l.), làm quan tới chức Thư-Ngự sử-dài Chính-chương. Khi quân nhà Ngô bên Trung-quốc tiến đánh nước Nam, đất đai đều bị Ngô chiếm, nhân dân đều làm thần hạ nhà Ngô. Lúc đó ông Phi-Khanh cùng ông và người em của ông là Nguyễn-Phi-Hùng, cả 3 đều bị quân Ngô bắt được, định đem về Bắc-quốc. Khi đưa tới Vạn-sơn, giam giữ ở dưới thành, người nhà Ngô trông thấy ông Trái, biết là bậc có đại-tài, muốn dùng để giúp việc song ông nhất quyết không nghe. Vì thế quân Ngô lại càng đối đãi rất lễ độ.

Một hôm, ông Phi-Khanh mật bảo ông Trái : « Ta côi thiên-văn, chắc là nước ta sau đây 20 năm, về phương tây tất có vị chân-chủ nổi lên. Vậy con là kẻ có đại-tài, con nên trốn về trong nước, tìm kiếm người đó mà giúp đỡ, thì có thể báo thù cho nước, mà rửa hờn cho cha và thành đạt được chí của cha, làm cho nổi tiếng rạng mình, đó mới là hiếu. Con bắt tất phải quanh-quần dưới gối ta đây mới là hiếu. Con nên đi ngay. Còn em con là Phi-Hùng thì để theo liền với cha, khi nào cha mất, hẳn sẽ xin hải cốt đem về táng ở trong núi Vọng-sơn, thuộc xã Chi-Nại, huyện Phượng-Nhơn, ngay nơi phía nam trước núi».

Ông Phi-Khanh thúc giục đôi ba lần, ông mới làm bài thi nôm viết lên góc thành để từ biệt phụ-thân như sau :

\* Góc thành nam, nhà một căn,  
No nước uống, thiếu cơm ăn.  
Con đòi trốn, dưng ai khiến ?  
Bà ngựa gầy thiếu kẻ chăn.  
Ao vì hẹp hời chẳng dưng cá,  
Nhà quen thú thửa ngai nuôi vắn.  
Triều quan chẳng phải, ần chẳng phải.  
Góc thành nam, nhà một căn...»

Bài này nguyên-văn viết bằng chữ Nôm.

Liên đó ông lập kế trốn thoát về nước, theo như lời phụ-thân đã dặn, liền tìm tới xứ Thanh-Hoa (tức Thanh-Hóa) vào yết-kiến vua Thái-Tồ Cao-Hoàng

nhà Lê ở vùng Lỗi-Giang. Khi khởi-nghĩa Lam-Sơn, ông dâng sách binh Ngô cho vua Lê Thái-Tổ.

Ngày đêm hôm trước khi ông tới Lỗi-Giang, vua Thái-Tổ nằm mộng thấy có vị thần đến báo rằng : « Sáng mai sẽ hiến cho một tay phò tá rất giỏi ». Đến khi ông Trãi tới nơi yết-kiến thì hình dạng đúng như người trong mộng hôm trước, Thái-Tổ lấy làm kỳ-dị, liền phong ngay làm chức Thừa-chỉ Học-sỹ và để cho ở liền hai bên tả hữu. Phàm các việc cơ-mật trong quân đều trao cho ông trừ liệu. Khi đóng quân ở Bồ-Đề, vua Thái-Tổ làm cái đài cao ở tầng trên cây Bồ-Đề ngang đối với mặt thành để nhóm ngó sự động tĩnh trong thành và cho ông đóng ở tầng dưới cây để sắp đặt mưu lược. Hàng ngày ông thường viết thư đi lại với trong thành và có khi chính mình đứng ra giảng hòa thông sứ (cho người giao thông), kết cục người Trung-Quốc phải ưng thuận giảng-hòa và trở về Trung-Quốc.

Sau vua Thái-Tổ đại phong các công-thần, gia cho ông lên chức Quan-phục-hầu và cho dùng họ của nhà vua. Rồi đó phàm các điển-chương, chế-độ, lễ nhạc, hình-chính trong quốc triều nhà Lê, đều do tay ông sửa định.

Ông trải qua các chức khai-quốc công-thần, đặc cách tiến chức Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu, Nhập-nội Hành-khiển Môn-hạ-tĩnh Hữu-Gián-nghị Đại-phu, Hàn-lâm Thừa-chỉ Đại học-sỹ, Nhập-thị Kinh-duyên Tri-chế-cáo, hành Khu-mật-viện-sự, chương Ngũ-kinh bác-sỹ, kiêm Trung-thư Hàn-lâm Ngự-sử-dài, Chương Lục-bộ Thượng-thư, Quốc sử Tam-quán-sự Á-trị-tự, tư Kim-ngư-đại, Thượng Hộ-quân Quan-phục-hầu, nhưng-tứ Quốc-tính (dùng họ nhà vua) Lê-Trãi, tri Tây-Bắc nhị đạo Quân-dân Tử-tụng các chức.

Ông người họ Nguyễn, húy là Trãi, nhưng cho quốc-tính gọi là Lê-Trãi, hiệu là Ưc-Trai tiên-sinh, giúp vua Thái-Tổ nhà Lê soạn thảo các thư từ trao đổi và bài văn Bình-Ngô Đại-Cáo.

(Còn tiếp)  
Á-NAM



## HOA-TRÌNH TIỆN LÂM KHÚC

(Nhật-ký trên đường từ Huế đi Bắc-kinh  
của LÝ-VĂN-PHÚC)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 57)

THANH-LIÊN  
sưu-tầm

### II. — TỪ HÀ-NỘI ĐI NAM-QUAN

Phối-đoàn sứ-bộ nghỉ ở Hà-nội đến ngày mùng 3 tháng 3 nhuận thì khởi hành. Trước khi đi có làm lễ tế thần Tô-đạo (thần đi đường) để nhờ ngài phù hộ cho đi được may mắn. Rồi qua sông Nhị-hà lên Bắc-ninh, đi đường bộ thẳng tới Nam-quan trấn. Đến đây, phối-đoàn phải nghỉ lại ở Đồng-đàng, tỉnh Lạng-sơn để đưa thư cho quan Tàu trấn-thủ biên-giới ở Quảng-tây, xin mở cửa Nam-quan cho đoàn sứ-bộ qua.

Lễ Tô-đạo thần linh trợ thuận,  
Ngày mùng ba tháng nhuận bước ra,  
Ngọn cờ tiếng trống xa xa,  
Chèo lan đưa mái Nhị-hà như tên.  
Sang Bắc-ngạn (1) già thuyền lên bộ,  
Quan Bắc-ninh tiếp hộ sẵn sàng,  
Dẫn dã điểm Mỹ, điểm Thang,  
Bước qua Phú-lạng tới làng Cầu-danh.  
Cùng vào miếu điện-linh tế lễ,

(1) Bắc-ngạn là bên kia bờ sông Nhị-hà, thuộc địa-phận tỉnh Bắc-ninh.

Qua Bắc-câu, Tiên-lệ, Bắc-giang.  
 Kia kia suối Rắn bên đàng,  
 Đồn rằng ở dưới có hang Giao-thần (2).  
 Việc linh ảo khôn phân giả thật,  
 Khách đi đường cần mật là hơn.  
 Bắc-hòa tới Qui-môn-quan,  
 Lời đồn thập khứ nhất hoàn là đây (3).  
 Khí mù xuống ban ngày muốn tới,  
 Hơi nước lên ngọn suối nhường mây.  
 Chi-lặng thứ nhất bầu này,  
 Linh-từ đem tắm lòng ngay đảo-kỳ (4).  
 Kia Hồ-lão, cũng vì linh-miếu.  
 Qua Lạng-giang tới kháo Mẹ-con.  
 Nhìn xem thế núi hình non,  
 Lại qua giếng Ống tới đồn Lạng-mai.  
 Quan tỉnh Lạng đón mời vào sảnh,  
 Việc sứ-trình lo gánh vện toàn.  
 Dâng hương lễ miếu Thành-hoang,  
 Rồi đi ngắm cảnh sơn tràng thủy thanh (5).  
 Tam-thanh động thiên thanh như tạc,  
 Vọng-phu sơn ai mặc mà nên.  
 Còn đây dấu cũ tiên-hiền (6),

(2) Giao-thần là thần thường-luồng. Tục truyền ở dưới suối Rắn có thần này du lãm thường hay hiện lên làm hại người đi đường.

(3) Thập khứ nhất hoàn là mười người đi, chỉ còn một trở về, bởi Qui-môn-quan là một chỗ ma thiêng nước độc nổi tiếng.

(4) Đảo kỳ là cầu khấn.

(5) Sơn tràng thủy thanh là cảnh chỗ núi dài nước xanh.

(6) Tiên-hiền ở đây là chỉ vào ông Ngô-thời-Sĩ đời Lê.

Nền danh Lộc-mã, cảnh triển Tam-thanh.  
 Rồi chỉnh bát (7) quân binh thượng lộ ;  
 Qua Kỳ-bàng tới phố Khao-lừa.  
 Đồng-dăng lịch sự tiếng xưa,  
 Dừng xe tạm nghỉ đưa tờ thông-danh (8):

(Còn tiếp)

THANH-LIÊN  
sưu-tầm

(7) Chính bát là sửa sang và thu xếp cho thứ-tự gọn gàng.

(8) Thông-danh là một bức thư, của một vị quan ở nước này gửi cho một vị quan nước nọ, báo tin cho biết có việc cần giao-tiếp giữa 2 bên. Khi Phái-đoàn tới Nam-quan-trấn thì gửi thông-danh cho quan trấn-thủ biên-giới ở Quảng-tây, cho biết là có sứ-trình để mở cửa cho phái-đoàn đi sang.

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

NHỮNG LỜI THÔNG THƯỜNG

trong

**THUẬT VIẾT VĂN**

của **NGUYỄN-VĂN-HẦU**

Sách viết công-phu, gọn-ghe mà đầy đủ ; chẳng những giúp ích rất nhiều cho giới học-sinh mà còn có lợi cho những ai muốn bước vào nghề văn nghiệp báo.

Cơ-sở Tự-do xuất-bản, giá 40đ



NGÀY XUÂN ĐI LỄ PHẬT

## VÀI NHẬN-XÉT VỀ CÁC TƯỢNG THỜ VÀ CÁCH BÀI-TRÍ TRONG CÁC CHÙA VIỆT-NAM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 58)

*. Đức Hòa.*

### NHỮNG CÁCH BÀI-TRÍ KHÁC Ở NƠI CHÍNH-ĐIỆN

Trong bài trước đăng trong V.H.N.S. số 58 (trang 93-103), có nói đến nhiều cách bài-trí khác nhau về các tượng thờ đặt ở nơi chính-điện.

Hoặc ở hai góc cùng, bên cạnh nơi chính-điện, một bên thờ đức Đạ-Tang (*Kshittigarbha*), một bên thờ Đức Ông (còn gọi là Đức Chúa hay Thờ-địa-Thần); hoặc một bên thờ đức Phật-Bà Diệu-Thiện, một bên thờ đức Quán-Âm tọa-sơn hay đức Quán-Âm tống-tử (*Kwan-In, donneuse d'enfants*).

Tượng đức Phật-Bà Diệu-Thiện tạc Ngài cầm một bình nước Cam-lộ và một cành Dương-liễu, lấy ý nghĩa rằng nước Cam-lộ rửa sạch phiền-não, còn cành Dương-liễu tận-độ chúng sinh. Ngài chỉ đứng cành Dương-liễu vào nước Cam-Lộ và chỉ một giọt nước đó rây tới đâu là thanh-tịnh tới đấy (1).

(1) Vì thế, ở các đàn-tràng, người ta thường hay bắt chước dùng một bát nước lá (thay cho nước Cam-Lộ) và một cành dương-liễu để làm lễ khai quang tây-ước.

Còn tượng đức Quán-Âm tọa sơn tạc hình một người đàn bà ngồi trên núi đá. Tượng đức Quán-Âm tống-tử hay đức Quán-Âm Thị Kính tạc hình một người bế đứa con. Tượng này tạc theo điển-tích nàng Thị Kính, người nước Cao-Ly (nay là Đại-Hàn) lấy chồng tên là Thiện-Sĩ. Nàng bị chồng, tính nết hồ-đồ hay ghen, ngờ nàng thất-tiết. Bị nghi-oan, nàng rất khổ-tâm và sau chán cảnh đời, nàng cải-trang làm sư-tăng, cắt tóc đi tu, lấy pháp-danh là Kính-Tâm. Rồi thay cho nàng, ít lâu lại bị một đứa dâm-nữ là Thị-Mầu vu-khống và đồ oan tình cho, nàng phải nuôi một đứa trẻ thơ (là con riêng của Thị-Mầu). Về sau, nàng được chứng chính-quả thành Phật. Vì thế, tượng nàng (khi đã thành Phật) tạc hình ngồi bế đứa trẻ, bên cạnh có con vệt đậu, tức là hậu-thân của chàng Thiện-Sĩ.

Những tượng Quán-Âm thờ ở nước ta thường là pho tượng nữ. Duy có tượng đức Chuẩn-Đề Quán-Âm và đức Thiên-thủ Thiên-nhân Quán-Thế-Âm (đã nói ở bài đăng trong V. H. V. S. số 58) là không phân-biệt rõ là nam hay nữ.

### 2— NHÀ BÀI-ĐƯỜNG

Ở mặt trước nơi Chính-điện thờ Phật, tức là nhà Bái-đường, thường có :

#### A— TƯỢNG HỘ-PHÁP

Tại nhà ngang, bên tả và bên hữu liền với điện thờ Phật, ta thường nhận thấy có hai pho tượng rất lớn, tạc-hình võ-tướng, mặc áo giáp, đội mũ trụ, tay cầm binh-khí, trông có vẻ uy-phong lẫm-liệt. Tượng này tạc hoặc đứng hoặc cưỡi trên hai con sấu : Đó là hai vị Hộ-Pháp, một bên là vị « Khuyển-Thiện », thường gọi tắt là « Ông Thiện » (hay khuyến-khích người ta làm điều thiện), một bên là vị « Trùng-Ác », thường gọi tắt là « Ông Ác » (hay trừng-phạt kẻ gian-ác).

« Ông Thiện » mặt trắng, có vẻ hiền-từ phúc-hậu. « Ông Ác » mặt đỏ, có vẻ uy-nghiêm dữ tướng. Theo kinh-diễn nhà Phật, « ông Ác » là một ông vua công-minh chính-trực. Gặp hồi Phật-pháp suy-đổi, có nhiều kẻ tu-hành cần-dở gian-tà, nên nhà vua thẳng tay trừng-phạt, đôi khi còn chém giết nữa. Nhà vua còn phát-nguyện hộ-trì Phật-pháp, dù phải chịu quá-báo luân-hồi cũng cam lòng.





Tượng Vị Hộ-Pháp

Ở một vài chùa thật cổ, chỉ thờ có một vị Hộ-Pháp, gọi là Vi-Đà Thiên-tướng-quân, tức là một vị thiên-tướng tuân sắc-chỉ của đức Phật hộ-trì Phật-pháp trong 3 châu, (Đông-Châu, Tây-Châu và Nam-châu), nên gọi là vị Tam-châu Hộ-pháp.

#### B. — BAN THỜ THỜ-ĐỊA-THẦN

Ở nhà bái-đường, thường có ban thờ *Thờ-địa-thần* (1) tức là vị thần coi giữ cõi đất. Theo sách *Tượng-khí*, thì ban thờ *Thờ-địa-thần* ở phía đông nơi chính-điện thờ Phật. Còn ở các chùa, ta thường thấy ban thờ *Thờ-địa-thần* đặt phía bên tả bái-đường. Pho tượng thờ tạc mặt đỏ, coi vẻ rất uy nghiêm, (tục gọi là *Đức Ông* hay *Đức Chúa*) trông nom gìn giữ tài-sản khí-

(1) Còn gọi là *Thờ-thần*, tức như vị *Thờ-công* ở tư-gia.

vật, đất cát và hoa-lợi của nhà chùa. Cũng có chùa, tượng thờ *Thờ-địa-thần* lại là một ông già, đầu râu tóc bạc, vẻ mặt phúc-hậu nhân-từ. Tượng thờ tạc như vậy có lẽ sai với ý-nghĩa thờ *Thờ-địa-thần* chăng.

#### C. — BAN THỜ LONG-THẦN

Bên cạnh ban thờ *Thờ-địa-thần*, còn có ban thờ *Long-thần*. Người ta thường cho vị *Long-thần* là một vị *Long-vương* đã quy Phật và có công hộ-trì Phật-pháp (1).

#### D. — BAN THỜ THÁNH-TĂNG

Ở các chùa ta, về phía bên hữu nhà bái-đường, thường còn đặt ban thờ vị *Thánh-Tăng*, tức một vị đại-đệ-tử của đức Phật Thích-Ca Như-lai. Ở mục nói về nhà Tăng-đường, sẽ thuật rõ hơn về sự thờ vị *Thánh-tăng* này.

#### E. — ĐỘNG THẬP-ĐIỆN

Ở các chùa rộng lớn, tại nhà bái-đường thường làm, ở vách hai bên tả hữu mười cái động ở âm ty, tục gọi là *động Thập-điện*. Lẽ ra, ở hai bên nhà bái-đường này, nên đặt tượng thờ 18 vị La-Hán, còn động Thập-điện nên chuyển xuống nhà hành-lang mới đúng chỗ, vì các vị La-Hán là đệ-tử Phật, đã vâng theo sắc-lệnh của Phật ở lại thế-gian để hộ-trì đạo Phật. Song có lẽ vì chật chỗ, nên mới đem đề các vị La-Hán ở nhà hành lang và để động Thập-điện ở hai bên bái-đường.

Mười động này thường làm theo điển đã nói trong kinh. *Địa-tạng bản-nguyện*, phở bày những hình phạt rất ghê-gớm ở âm-ty để trừng phạt những kẻ gian-tà độc-ác. Trong những động ấy, có tạc những tượng nhỏ hình-dung các vua Diêm-vương tra hỏi tội-nhân, các phán-quan biên chép tội-ác, cùng những ngục tốt là quỷ-sứ đầu trâu mặt ngựa trông rất hung dữ đương trừng-phạt các tội-nhân bằng đủ lối ngục-hình, như vạc dầu, bàn chông, cột đồng, cối xay, cối đá, trâu cày lưỡi, chim mỏ sắt, điều-hầu mỏ búng, v.v...

Theo kinh sách Phật, có 10 ông vua trông coi 10 điện ở dưới âm-ty, gọi là *Thập-điện Diêm-vương*, kê ra sau đây :

(1) Xét trong kinh Phật, thường chỉ nói : « Khi Phật thuyết-pháp, có thiên-long bát-bộ đều đến nghe » *Thiên* chỉ các bậc ở cõi trời, còn *long* chỉ các long-thần và sáu bậc quý-thần khác nữa, gọi gồm chung là bát-bộ.

1 — Tần-quảng-vương,	coi điện thứ nhất,
2 — Sở-giang vương,	— hai
3 — Tống-đế vương,	— ba
4 — Ngũ-quan-vương,	— tư
5 — Diêm-la-vương,	— năm
6 — Biển-thành-vương,	— sáu
7 — Thái-son-vương,	— bảy
8 — Bình-dâng-vương,	— tám
9 — Đê-thị-vương,	— chín
10 — Chuyển-luân-vương,	— mười

Theo kinh-diễn nhà Phật, người ta lúc chết thì linh-hồn phải dẫn qua mười điện nói trên. Vua Diêm-vương, sau khi xét hỏi công-đức và tội-lỗi của từng người, sẽ định rõ sự thưởng công phạt tội tùy theo nghiệp-báo của người đó.

### 3 — NHÀ HÀNH-LANG

Những chùa lớn thường có hai dãy nhà dài ở hai bên chùa, ăn thông vào nhà tăng-đường (hay nhà Tò) ở mặt sau chính-điện thờ Phật.

Ở giáp tường nhà hành-lang, thường ở mỗi bên có đặt chín pho tượng thờ. Những pho tượng này (có khi làm to gần bằng người thật), hoặc tạc ngồi ở gốc cây hay trên núi đá, hình-dáng pho nào cũng có vẻ trầm-tư mặc-tưởng. Mười tám pho tượng đó gọi là *Thập-bát La-Hán*.

La-Hán là tên gọi tắt các vị *A-La-Hán*, phiên-âm ở tiếng Phạn *Arabat*. Những vị A-La-Hán là bậc thánh trong đạo Phật. Đối với phái Đại-Thừa, các vị này còn phải gia công tu-tiến nữa mới thành Phật, đề còn tổ-độ chúng-sinh; đến lúc đó, công tu-hành mới thực viên-mãn. Song lẽ, đối với phái Tiểu-Thừa, các vị A-La-Hán đã đạt tới quả-vị cao nhất, việc tu tự-giác đã xong; đó là những bậc đã tu đến chỗ không có gì phải học nữa (gọi là *vô-học*), đoạn sạch được hết mọi phiền-não, coi như đã giết được quân giặc phiền-não này (*sát-tặc*), không sinh không tử nữa, tức không còn phải chịu kiếp luân-hồi.

Ở Tây-Tạng, Trung-Hoa và Việt-Nam, số pho tượng La-Hán thờ ở các chùa thường là 18 vị, song cũng có khi ít hơn, tùy theo chùa to nhỏ (1).

(1) Thường thường, số tượng La-Hán thờ ở các chùa Việt-Nam khá nhiều, nên ta mới có câu: « *Bấy la-liệt như La-Hán* », hay « *Bấy như La-Hán* ».

Thực ra, theo phần nhiều các sách Phật, chỉ nói có 16 vị A-La-Hán (1), vắng theo sắc-mệnh đức Phật, còn ở lại thế-gian để hộ-trì Phật-pháp, đến nay vẫn chưa nhập-diệt. Mười sáu vị A-La-Hán đó là:

- 1 — Tân-độ-la Bạt-ra nọa-xa Tôn-già (*Pindola Bharadvaja*).
- 2 — Ca-nặc-ca Phật-xa Tôn-già (*Kanakavatsa*).
- 3 — Ca-nặc-ca Bạt-lị-nọa-xa Tôn-già (*Kanaka Bharadvaja*).
- 4 — Tô-tần-đà Tôn-già (*Suivinda*).
- 5 — Nặc-cư-la Tôn-già (*Nakula*).
- 6 — Bạt-đà Tôn-già (*Bhadra*).
- 7 — Ca-ri-ca Tôn-già (*Karika*).
- 8 — Phật-xa-la-phất-đà-la Tôn-già (*Vajravutra*).
- 9 — Thú-bác-ca Tôn-già (*Svaka*).
- 10 — Bán-thác-ca Tôn-già (*Panthaka*).
- 11 — Ra-hộ-la Tôn-già (*Rahula*).
- 12 — Na-ca-tê-na Tôn-già (*Nagaséna*).
- 13 — Nhân-kết-đà Tôn-già (*Ingata*).
- 14 — Phật-na-bà-tư Tôn-già (*Vanavāsin*).
- 15 — A-thị-đa Tôn-già (*Ajita*).
- 16 — Chú-đồ-bán-thác-Ca Tôn-già (*Cudapanthaka*).

Tương-truyền rằng tượng 16 vị La-Hán nói trên là do Quán-Hư đời nhà Lương bên Trung-Quốc năm chiêm-bao thấy, rồi nhớ lại mà vẽ ra.

Như trên đã nói, chép theo sách *Pháp-trụ-ký*, chỉ có 16 vị La-Hán, song trong sách *La-Hán đờ-tán-tập* lại vẽ 18 vị. Trong 2 vị vẽ thêm vào, một vị tên là Khánh-hữu Tôn-già (2) và một vị tên là Tân-đầu-lư Tôn-già (Tên vị này hơi giống với tên vị La-Hán đứng đầu trong 16 vị nói trên).

Theo một giả-thuyết khác, thì một vị họ Trương ở Kim-thủy thuộc đất Ba-Thục (Trung-Hoa) đã vẽ tranh 18 vị La-Hán và đời sau có nhà danh-sĩ Tô-Đông-Pha làm bài tụng tán. Theo thuyết này, 2 vị La-Hán vẽ thêm vào sau là Ca-diếp Tôn-già và Quân-đồ bát-thán Tôn-già.

Theo giả-thuyết bên Tây-Tạng, thì hai vị La-Hán sau cùng là Ma-gia phu-nhân và Di-lặc.

(1) Chép theo sách *Pháp-trụ-ký*.

(2) Khánh-hữu Tôn-già là tên người soạn bộ sách *Pháp-trụ-ký*, vào khoảng 800 năm sau khi đức Phật Thích-Ca nhập nát-bản.

Nói tóm lại, theo đúng trong sách Phật, chỉ có 16 vị La-Hán thôi, còn 2 vị nữa do đời sau thêm vào, chứ thực không biết đích-xác danh-hiệu vị nào.

Hiện nay ở nhiều chùa cổ, có nhiều pho-tượng La-Hán tạc rất khéo và trông rất linh-hoạt. Lại có nhiều bức danh-họa vẽ các vị La-Hán, nét bút rất tinh-thần.

#### 4. — NHÀ TĂNG-ĐƯỜNG

Ở Việt-Nam, chùa nào cũng có ở mặt sau chính-diện thờ Phật những căn nhà riêng, gọi là nhà *Tăng-Đường* hoặc gọi là *nhà Tồ* hay *nhà Hậu*, có đặt ban thờ các vị sư Tồ đã truyền đạo sang nước ta, cùng những vị sư Tồ đã tu ở chùa mà hiện nay đã tịch (1). Trên bàn thờ tồ ở những chùa lớn, có đặt pho-tượng thờ vị Thánh-tăng.



Tượng Đức Văn-Thù Bồ-tát ngồi trên con thanh-sư

(1) Ở các chùa rộng lớn, thì những căn nhà đó dành riêng để thờ các vị sư Tồ, còn các vị sư đương tu tại chùa ở riêng những căn nhà hay phòng riêng kế-cận đó. Còn ở chùa nhỏ, các sư vừa ở vừa tiếp khách ở Tăng-đường, song bao giờ cũng dành riêng vài gian để thờ các vị sư tồ.

#### A. — TƯỢNG THÁNH-TĂNG

Theo sách *Tượng-khí*, vị Thánh-tăng thì phái Tiều-Thặng thờ một vị đại-đệ-tử của đức Phật Thích-Ca, như Kiều-Trần-Như (*Kaundinya*) hay Đại-Ca-Điếp (*Kacyapa*), hay Tu-Bồ-đề (*Subhuti*); còn phái Đại-Thặng thì thờ đức Văn-Thù bồ tát (*Manjucri*). Ở nước ta, tại nhà Tồ trong chùa, lại thờ đức A-Nan-đà (*Ananda*) làm Thánh-Tăng.

Như trên đã nói, lẽ ra vị Thánh-tăng chỉ thờ ở nhà Tăng-đường, nhưng ở nước ta, các chùa lại đặt thờ ở nhà bái-đường.

#### B — TƯỢNG ĐỨC TỒ TÂY

Trên ban thờ các vị tồ ở tăng-đường, thường còn có thờ một pho tượng đức Bồ-đề Đạt Ma (*Bodhidharma*), gọi tắt là Tồ Đạt-Ma hay Tồ-Tây. Ngài dòng dõi phái quý-tộc ở phía Nam Ấn-Độ, xuất-gia tu-hành đạo Phật. Ngài là vị Tồ thứ 28 của phái Thiên-Tôn bên Ấn-Độ, sang bên Trung-Hoa làm sơ-tồ ở cõi Đông-thô (tức Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam). Tượng đức Tồ-Tây rất dễ nhận, tạc dung-mạo người Tây-Trúc (Ấn-Độ), mũi cao, tóc quăn, râu quai nón và da ngăm-ngăm đen.

#### C — BAN THỜ CHƯ-VỊ

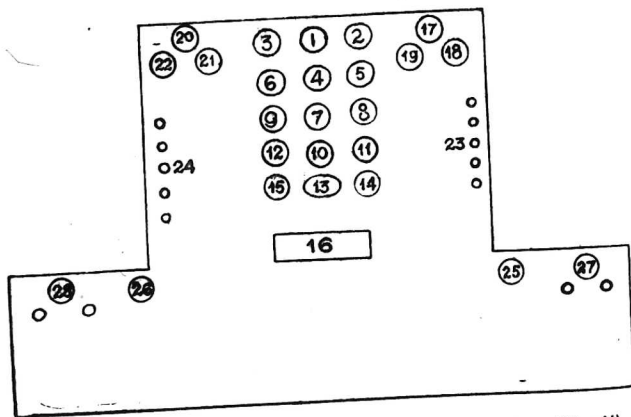
Ở tăng-đường, lẽ ra chỉ thờ vị Thánh-tăng, và các vị sư Tồ đã tu ở chùa mới hợp qui-thức và đúng ý-nghĩa, song ta thường thấy ở tại đó, gian giữa có ban thờ Phật, gian bên hữu có ban thờ Tồ, còn gian bên tả lại thêm có ban thờ Chư-vị.

*Chư-vị* là nói chung các vị thần-thánh mà những đệ-tử tin đồng bóng vẫn tin-tưởng thờ phụng, đại khái như tứ-phủ (là Thiên-phủ, Địa-phủ, Thủy-phủ và Nhạc-phủ) cùng các vị Thánh-Mẫu, Đức Ông, các « Ông Hoàng, cậu Quận », các « Bà Chúa, các cô » v v . . , tóm lại những vị thần-thánh không có liên-quan gì tới đạo Phật. Đối với lòng tin-tưởng của dân-gian, các chư-vị có ảnh-hưởng lớn và có quyền trong sự giáng họa phúc cho người đời, Vì thế, thường-dân, nhất là đàn bà con gái, rất sùng-tín và ưa tới hành-hương. Bởi vậy, nhà chùa muốn cho khách thập-phương đến lễ bái đông đảo, mới lập thêm ban thờ Chư-vị ở nhà Tăng-đường.

Nói tóm lại, sự thờ phụng và cách bài-trí các tượng phật cùng thần-thánh ở các chùa Việt-Nam đại-khối như thế. Muốn có một ý-thức rõ ràng hơn, xin phác-họa ra sau đây vài cảnh chùa lớn và cổ ở nước ta : hoặc chỉ vẽ riêng nơi chính-điện thờ Phật, hoặc vẽ toàn-cảnh chùa để bạn đọc nhận thấy ngay cách bài-trí khác nhau thế nào. Riêng cách phân-biệt tả-hữu thì xin bạn đọc theo vị-trí của người đứng trong chùa nhìn ra ngoài.

### I — CHÙA HỒNG-PHÚC

*Hồng-phúc-tự*, còn tên gọi là chùa *Hòa-giai*, là một chùa rất cổ ở Hà-nội. Tương-truyền chùa này làm từ đời nhà Lý, về sau chùa được sửa chữa lại dưới triều vua Lê-Hy-Tôn (1687) và vua Thành-Thái nhà Nguyễn.



Lược-đồ nơi Chính-điện và Bái-đường tại chùa Hồng-Phúc (Hà-nội)

#### CHÚ THÍCH

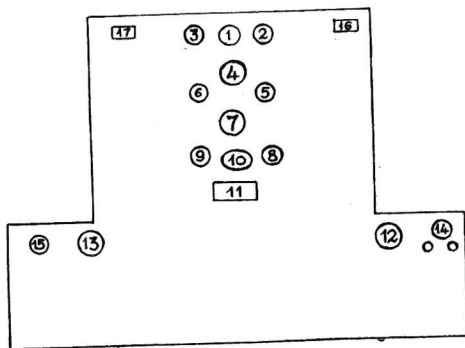
- 1, 2, 3 : Tượng Tam-Thế.
- 4 : Tượng A-di-đà.
- 5 : Tượng Quán-Thế-Âm.
- 6 : Tượng Đại-thế-chí.
- 7 : Tượng Thế-Tôn Thích-Ca.

- 8 : Tượng Ca-diệp.
- 9 : Tượng A-nan-đà
- 10 : Tượng một vị Phật đầu trục, ngực có chữ vạn, ngồi trên tòa sen. Chưa biết rõ là vị nào (Có người bảo là đức Dược-sur)
- 11, 12 : Tượng hai vị Bồ-Tát.
- 13 : Tượng Cửu-Long.
- 14 : Tượng Đế-Thích.
- 15 : Tượng Phạm-Thiên
- 16 : Hương-án
- 17 : Tượng một vị Phật đầu trục, ngực có chữ vạn, ngồi trên lưng một ông vua năm phục-vị.
- 18, 19 : Tượng hai vị Thiên-vương.
- 20 : Tượng Quán-Âm tổng-tử
- 21, 22 : Tượng hai vị Thiên-vương.
- 23, 24 : Tượng 10 vị Diêm-vương.
- 25, 26 : Tượng 2 vị Hộ-Pháp bằng đồng (mới đúc)
- 27 : Tượng Thánh-tăng và hai vị thị-giã.
- 28 : Tượng Thổ-địa-thần (Đức Chúa) và hai vị thị-giã.

(Ban thờ Đức Chúa đáng lẽ để bên tả, còn ban thờ Thánh-Tăng phải để bên hữu, song đây lại đặt ngược lại).

### 2— CHÙA LIÊN-PHÁI

Chùa *Liên-Phái*, thuộc huyện Hoàn-Long tỉnh Hà-Đông (Bắc-phần) là một cảnh u-nhã ở gần Hà-nội. Chùa này trước là nhà tư của Trịnh-Thập, sau khi ông xuất-gia (năm 1696) lấy nhà riêng làm nhà chùa, đặt tên là *Liên-tôn tự*, sau vì bị hủy phải đổi là *Liên-Phái*. Chùa này được sửa chữa nhiều lần (năm 1726, 1839 và 1864).



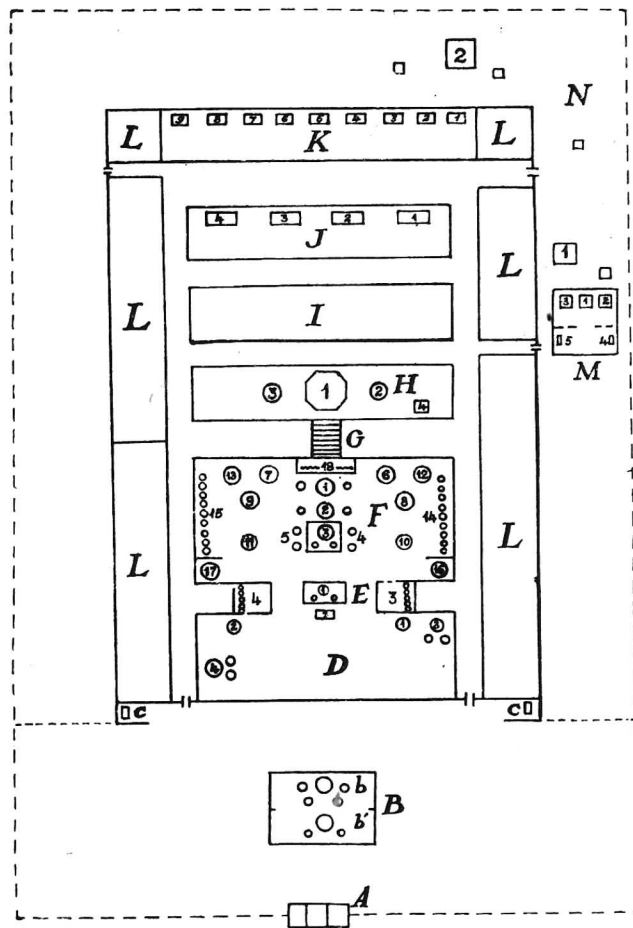
Lược đồ nơi chính-điện  
và Bái-đường tại chùa Liên-Phái Hà-đông

**CHỦ THÍCH**

- 1, 2, 3 : Tượng Tam-Thế
- 4 : Tượng A-di-đà.
- 5 : Tượng Đại-thế-chí.
- 6 : Tượng Quán-thế-Âm
- 7 : Tượng Thích-Ca Thế-tôn (đội mũ ngọc)
- 8 : Tượng Văn-Thù bồ-tát (ngồi tòa sen)
- 9 : Tượng Phổ-Hiền bồ-tát (ngồi tòa sen)
- 10 : Tượng Cứu-Long
- 11 : Hương-án
- 12, 13 : Tượng hai vị Hộ-Pháp.
- 14 : Tượng Thổ-địa-thần (Đức Chúa) và hai thị-giã
- 15 : Tượng Thánh-Tăng.
- 16 : Hai bàn thờ nhỏ và thấp để thờ hậu.

**3.- CHÙA BÚT-THÁP**

Chùa *Bút-Tháp*, chính tên là *Ninh-Phúc-Tự*, thuộc phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-ninh (Bắc-phần), làm từ đời vua Lê-Chân-tôn (đời Hậu-Lê) niên-hiệu Phúc-Thái (1643-1649), lúc chúa Trịnh (Trịnh-Tráng) cầm quyền. Chùa nay do nhà vua và nhà chùa dựng lên, bởi vậy qui-mô toàn-cảnh rất rộng và tượng thờ có nhiều pho rất tráng-lệ uy-nghiêm.



Lược-đồ toàn cảnh chùa Bút-Tháp (Bắc-Ninh)

## CHÚ-THÍCH

A.— Tam-Quan (nhỏ thấp).

B.— Nhà gác chuông

b.— Trên gác treo chuông. (Có ban thờ chúa Trịnh : tượng chúa Trịnh để giữa, bên tả hữu phía trong có tượng thị-nữ và viên quan thị, còn bên tả hữu phía ngoài, có hai viên quan ngồi.

b'.— Ở tầng dưới (có tượng Đức Ngọc-Hoàng để giữa, bên tả có tượng Nam-Tào và bên hữu có tượng Bắc-Đầu).

C.— Hai tấm bia (để hai bên)

D.— Nhà Bái-dường

1, 2 : Tượng 2 vị Hộ-Pháp (rất lớn)

3 : Tượng Thổ-địa-thần (Đức Chúa) và hai thị-giã.

4 : Tượng Thánh-tăng và 2 thị-giã.

E — Nhà đọc ở giữa

1 : Ban thờ để 3 tượng : tượng Thích-Ca sơ-sinh để giữa, còn 2 bên tả hữu là tượng Quán-Thế-Âm và Đại-Thế-Chí.

2 : Hương-án.

3, 4 : Tượng 10 vị Diêm-Vương.

### F — Chính-diện

1 : Tượng Tam-Thế (3 vị)

2 : Tượng Tam Thế (gọi nhầm là Tam-Thân. Tượng này có lẽ ở một chùa khác đem tới gửi thờ tạm ở đây, rồi không thấy rước về nữa).

3 : Ban thờ để 3 tượng : giữa là đức Quán-Âm tọa-sơn, hai bên là Thiện-tài Long-nữ.

4,5 : Tượng Tứ Bồ-Tát.

6 : Tượng đức Quán-Thế-âm thiên-thủ thiên-nhân (tạc rất đẹp).

7 : Tượng Tuyết-Sơn (tạc rất khéo)

8 : Tượng Văn-Thù bồ-tát.

9 : Tượng Phổ-Hiền bồ-tát.

10,11 : Hai pho tượng này tạc hai vị đầu trực, ngồi trên tòa sen (chưa rõ là 2 vị nào).

12 : Tượng Quán-Âm tống-tử

13 : Tượng Quán-Âm tọa-sơn

14,15 : Tượng 18 vị La-Hán

16 : Tượng Thánh-Tồ Đông-Thồ

17 : Tượng Thánh-Tồ Ân-độ

18 : Động Thập-diện.

G — Cái cầu đá trên chính-diện xuống nhà tháp.

H — Nhà Tháp

1 : Tháp Cửu-liên (Tám mặt chín tầng, có thể xoay quanh được).

2,3 : Hai tượng A-di đà

4 : Tấm bia.

I — Nhà Hội-Dông

J — Nhà thờ Hậu

1,2 : Khám thờ hai bà Chúa lập hậu.

3,4 : Khám thờ hai ông Hoàng lập hậu.

K — Nhà thờ Tồ và Chư-vị

1,2 : Hai bài bia.

3,4,5,6 : Tượng 4 vị Tồ.

7 : Ban thờ Tứ-phủ, ba ông Hoàng.

8 : Ban thờ 3 vị Thánh-Mẫu : Đức Liễu-Hạnh, Đức Mẫu Thoải và Đức Thượng-Ngân.

9 : Ban thờ Tứ vị Châu-Bà.

L — Nhà Tãng-phòng và nhà Hành-lang

M — Nhà thờ Tồ-đệ nhất

1 : Khám thờ Chuyết-chuyết-công là tồ đệ-nhất (có tượng bó bằng cốt)

2,3 : Tượng hai vị Tồ.

4,5 : Hai tấm bia.

N — Các tháp ở ngoài vườn.

1 : Tháp Chuyết-chuyết-công đệ-nhất tồ

2 : Tháp đệ-nhi tồ.

(Hai tháp này cao hơn và trên đỉnh làm hình cái bút, nên chùa Ninh-Phúc này mới gọi tên là chùa Bút-Tháp)

### ĐỨC-HÓA

#### Những sách tham-khảo :

— *L'art vietnamien* (Louis Besacier)

— *Présence du Bouddhisme* (France-Asie N° 153-157, Février Juin 1959)

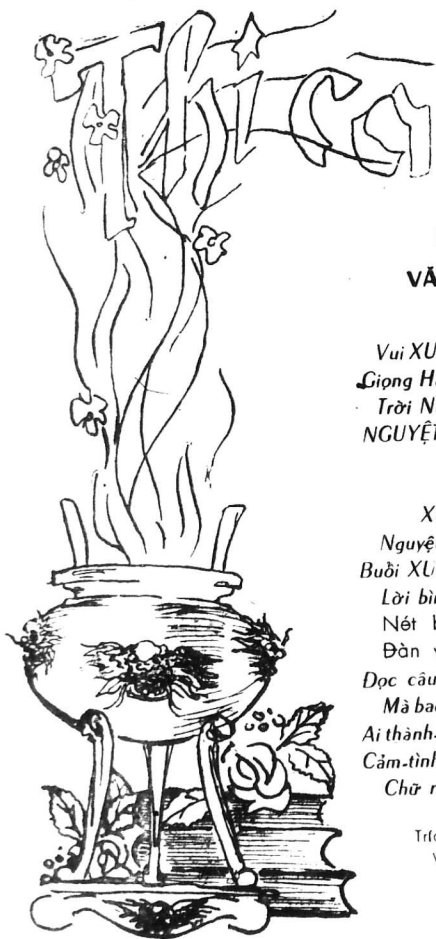
— *Phật-lục* (Trần-trọng-Kim).

— *Phật chùa nhà* (Phạm-gia-Tuân)

— *Việt-Nam Phật-giáo sử-lược* (Mật-thề)

— *Dưới chân Phật-Tồ* (Cò-Việt-từ)





NGÀY XUÂN MỪNG  
VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

MƯỠU

Vui XUÂN, vui khắp Sơn-hà,  
Giọng Hàn trầm bổng, muôn nhà vui XUÂN.  
Trời Nam vang dội tiếng ngân,  
NGUYỆT-SAN VĂN-HÓA, xa gần đều hay.

NÓI

XUÂN-phong vô-hạn,  
Nguyệt-San này là bạn của Toàn Dân.  
Buổi XUÂN-thiên vang dội khắp xa gần,  
Lời bình-luận ân cần, đâu đấy đủ.  
Nét bút tô nên lời cảm-tú;  
Đàn văn vui giở khúc ca-ngôm.  
Đọc câu thơ, nức-nở những khen thăm,  
Mà bao khách Tri-âm đều hỏi dạ.  
Ai thành-thị, ai vui miền thôn-dã,  
Cảm-tình này, âu đã sẵn từ lâu.  
Chữ rằng: « Thanh-khí tương cầu ».

Trích trong cuốn « Bình-Khang Ca-Phò »  
Viết tại khu Chi-làng, ngày 2-3-61

ĐẠM-NGUYỄN

VĂN-HÓA — SỐ 59

TRÊN LẦU CHIỀU

Trời trong veo, nước cũng trong veo,  
Gió lạnh đâu sang lộng gác chiều?  
Thiên-lý hoa buông, chùm khóa rủ,  
Thượng tuần trắng mọc, cánh cung treo.  
Truyện Liêu-Trai đọc, bày ma hiện,  
Thơ Tân-Đà ngâm, đoạn chữ « vè ».  
Cổ thể mà ta vui đáo - đẽ,  
Cái vui u nhã, mấy người yêu?

ĐÔNG-XUYỄN

THÁI THẬP TỬ TỰ THỌ

Bây ba, năm tuổi đã qua rồi,  
Hắn tự xuân này lắm cái vui.  
Ích-thọ, men nồng thêm dượng giọng;  
Trường-thiên, văn sẵn để rung đùi.  
Đạo trời, chỉ chuộng lòng son sắt;  
Việc nước, nào ưa chuyện thịt xôi.  
Nam Bắc một nhà khi thống-nhất,  
Ngâm-ngạ say tỉnh vỗ tay cười.

THÙY-THIÊN

VĂN-HÓA — SỐ 59

### ĐỀ CẢI NÓN

Ở đời tròn cạnh dễ ai hay,  
Xoay đủ trăm vành mới có đây.  
Mưa nắng đi về bao sá quán,  
Cho dân trông đợi đức cao dày.

Á-NAM

### CẢI GƯƠNG

Nước đời xấu đẹp đã từng quen,  
Khuôn xếp vuông tròn phó tự nhiên.  
Một mảnh lòng trong chưa chút gợn,  
Mặt người đối trắng với thay đen.

Á-NAM

### VỊNH CÂY NÊU

Trước gió nêu cao trúc phát hoài,  
Khánh rung vang tiếng trước thềm mai.  
Dành riêng đất Phật, trời riêng cõi,  
Đuổi quỷ chín phương khỏi nhiều ai.

LỘC-MINH

### VỊNH CON BÒ

Sừng sỏ khác thường, há kém trâu,  
Ai thần-thánh hóa (1) nhớ ơn sâu.  
Giúp dân vỡ ruộng, ai kêu dốt, (2)  
Cùng giồng da vàng khéo miệt nhau!

NGỌC-LÝ

(1) Ở bên Ấn-Độ, có một số dân thờ bò coi như một vị thần-linh.  
(2) Có câu tục-ngữ: « Dốt như bò ».

### NHỚ XUÂN CHÓN CŨ

Trời xuân phơ-phát vắng tin hồng,  
Trạnh tường vườn Lê lũng đợi trông. (1)  
Đâu huệ bên thềm đương ngát nhị,  
Nào lan trong khóm sắp khoe bông.  
Cúc vàng giậu cũ hương trời thoảng,  
Sen thắm hồ xưa bóng nguyệt lồng.  
Mơ đến xuân nao về cố-lý,  
Bảo giờ non nước lại giao-thông.

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

### XUÂN - TÚ'

Mây bay nhẹ-nhẹ quện mùi hương,  
Xuân tứ mang-mang ngập cả đường.  
Áo mỏng cô kia phơ trước gió,  
Giày đen chú nọ diện trong sương.  
Nắng mai e-ấp tuôn màu đỏ,  
Gió sớm say-sưa đuổi bướm vàng.  
Lòng ngập niềm vui mê cảnh sắc,  
Ngàn năm tình-tự khách văn-chương.

HY-VĂN-MỘNG

(1) Tác-giả vốn người họ Lê.

## CHÚC XUÂN TÂN-SỬU

Tân-Sửu đầu năm chúc mấy hàng :  
Tỏ niềm hoan-lạc đón Xuân sang.  
Chúc trời lồng-lộng, tuôn mây biếc,  
Chúc đất mênh-mông, ngập ánh vàng.  
Chúc núi không ngăn đường « bắc tiến »,  
Chúc sông đừng cản lối « sang ngang ».  
Chúc dân Hồng-Lạc mau mau tiến,  
Thống-Nhất Giang-Sơn được dễ dàng.

ĐẠM-NGUYỄN

### Đọc tập thơ « Nợ bút duyên văn » cảm-đề

Rõ lông cánh phượng dấu Tam-Nguyên (\*),  
Chuốt ngọc Quế-Sơn nếp cũ truyền.  
Trả nợ bút xưa tô đủ nét,  
Vui duyên văn mới viết bao thiên.  
Bắc Nam khéo họa thơ tiên tục,  
Kim Cờ còn say đạo thánh hiền.  
Nặng nghĩa xuân-thu, tấm rút ruột,  
Gọi hồn Đỗ Lý ngắm trăng lên .

H. QUANG

(\*) Tác-giả tập thơ « Nợ bút duyên văn » là ô. Đạm-Nguyễn Nguyễn-đức-Đàm, nội-tôn Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ Nguyễn-Khuyến (bút-hiệu là Quế-Sơn).

## NGÀY XUÂN CẢM-HỨNG

Xuân mới về đây, mới cỏ hoa,  
Khơi-nguồn xuân-tứ động lòng ta.  
Mùa hương tỏa ngát đầy vườn quế,  
Bốn mắt trông xa vượt tháp ngà.  
Pháo nổ lung-tung, nghìn đến vạn,  
Rượu say túy-lý, mật thành ba.  
Cần-khôn mở rộng, chào xuân -chủ,  
Ngắm bóng hồng bay, tráng-sĩ ca.

oOo

Xuân về say tỉnh giấc mơ hoa,  
Tóc nhuộm pha sương, ta hỏi ta :  
Xanh mắt hay chàng người lỗi-lạc ?  
Bạc đầu biết chừa lối bốn-ba ?  
Còn trông mai nở cười trắng bạc ?  
Có ngắm hồng bay lướt trúc ngà ?  
Vàng tiếng chuông đầu, ai róng-rã ?  
Giục trâu cày ruộng, giục oanh ca.

KHÁNH-CHUNG

**BUỔI HỌP MẶT CỦA NHỮNG BẠN ĐỒNG-HƯƠNG  
CẨM-HƯNG**

Mưỡu

Trước sau đã bốn tiệc rồi,  
Một làng (1) mà vẫn trong ngoài đôi nơi.  
Trông ra nhớ những ai ai,  
Trông vào hẳn cũng nhiều người nhớ ta.

Nói

Xuân đi xuân lại lại,  
Tỷ cũng như Tuất Hợi cứ qua dần ;  
Hạ thu đông, cầu bắc sang xuân,  
Xuân Tân-Sửu lần lần ngày mỗi mới.  
Hội Tương-Tế : tương-thần tương-ái ;  
Việc ích chung, hăng hái, Hội thi-hành.  
Rồi nay mai gặp tiết thanh-minh,  
Mới biết rõ công-trình nhiều kết-quả. (2)

Đông-Ngọc danh-hương truyền cụu-phả ;  
Bác-Thành văn-hiến hữu dư-ba.  
Họp nhau đây lại nhớ Bắc-Hà,  
Ngoài muôn dặm, ai mà không ái-ngại.  
Hẳn có lúc giao-tình tứ-hải,  
Bắc Nam rồi cũng lại một nhà xuân.  
Chống ? chầy ? sớm ? hỏi Đông-quân.

THÙY-THIÊN

**NHÂN-BÚT**

Vát . và mới làm trôi việc lớn,  
Giàu sang chưa chắc hẳn người khôn ;  
Đời không duyên nợ thà không sống,  
Vấn có non sông mới có hồn.

Á-NAM

- (1) Làng Đông-Ngọc tỉnh Hà-Đông (Bắc-phần).  
(2) Hội Đông-Ngọc Tương-tế vừa mở xong một nghĩa-trang ở địa-phận làng An-nhon, quận Gò-váp, Gia-Định.

**XUÂN TÂN-SỬU (1961)**

Trước ngõ oanh vàng riu-rít ca,  
Báo tin xuân đã đến cùng ta.  
Liều như ruộm lại màu xanh lá,  
Đào cũng tô thêm sắc đỏ hoa.  
Cảnh-vật dễ sui lòng cảm-súc,  
Thiếu-quang càng gợi hứng ngâm-nga.  
Bấm tay tám chục lần xuân đến,  
Ta muốn cùng xuân mãi chẳng già.

Đông-Viên  
PHẠM-HUY-TOẠI

**TỰ-THỌ TÁM MƯƠI**

Vừa mới ngày nào hãy trẻ con,  
Xuân-thu thâm-thoát tám mươi tròn.  
Bê đầu bao trái đầu phơ bạc,  
Trung-hiêu hằng ghi dạ thắm son.  
Đường mới văn-minh chân vẫn khoẻ,  
Nếp xưa thi-lễ đầu chưa mòn.  
Tang-bồng nợ giả xong từ sớm,  
Còn mỗi tình già với nước non.

Mùa Xuân năm Tân-Sửu (1961)  
Đông-viên PHẠM-HUY-TOẠI

### XUÂN VỀ CHÚC BẠN

*Đông-phong hây-hây báo Xuân sang,  
Muốn chiết cành mai tặng bạn vàng.  
Mai trúc đôi phương, lòng vẫn một;  
Ít vẫn thân gửi chữ an-khang.*

Bào-Mỹ  
NGUYỄN-VĂN-KÍNH

### VỊNH HOA MAI

*Bạch, hoàng, lưỡng sắc, hoá-trang Mai,  
Kỷ độ Xuân hồi, kỷ độ khai.  
Kim cò, đông tây quân ước vọng,  
Lương thời, giai tiết thử từng lai.*

TRÁC-NGỌC

### Tạm-dịch

*Vàng, trắng, hai màu điểm thắm Mai,  
Mỗi lần Xuân đến, mỗi lần khai.  
Xưa nay khắp chốn đều mong đợi,  
Đem khi lành, vui, đến với đời.*

Trác-ngọc  
VÕ-KHẮC-VĂN

新登族懷  
歲辛丑日之寅  
屈指他年紀亦垂  
望分音款批意旅  
前花笑美詩人  
南道得意無餘  
地望不懷空劍雲  
夢望江山春色鏡  
惟佳四海一家親  
碧嶼

### Phiên-âm

Tân-Xuân lữ-hoài

*Tuế chí Tân-sử nguyệt chi đàn,  
Khuất chí tha hương kỷ lục xuân.  
Đã ngoại oanh ca khiêu khách lữ,  
Liên tiền hoa tiếu lộng thi nhân.  
Nam thiên đặc ý vô hồ ảnh,  
Bắc vọng không hoài nhất cầu vân.  
Vạn lý giang sơn xuân sắc diêm,  
Di tình tứ hải nhất gia thân.*

BÍCH-PHONG

### Dịch quốc-âm

Tân-Xuân lữ-hoài

*Năm sang Tân-sử buổi Xuân sơ,  
Bấm dứt xa quê sáu Tết thừa.  
Khoảng nội oanh ca trên khách lạ,  
Bên rèm hoa nở ghẹo làng thơ.  
Sang Nam, thích tránh hơi hồ vắng,  
Ngóng Bắc, ô kia bóng cầu trơ !  
Tình đượm một nhà chung bốn bề,  
Muôn trùng non nước về xuân ưa.*

BÍCH-PHONG

## LƯỚI

VŨ-ĐỨC-TRINH

Lưới bền chằng góc bể sâu.  
Cá tôm bơi quẫy, trốn đâu khỏi vòng?  
Lưới Trời thưa mắt, thả rong,  
Bảo hồn dương thế đừng hồng thoát qua.

Lưới chài bủa úp tròn xoe.  
Càng cua bí lối, ngo ngoe nẻo nào?  
Những người oan uổng, tiêu hao,  
Van nài đất thấp, trời cao xét tình.

Lưới buông ở giữa đồng dài,  
Vây tròn, khép khép, thử tài cánh chim.  
Lưới tình, đời vãi im im,  
Dùng mưu gian bắt con tim lỡ đời.

Lưới tơ nhện rất mong manh.  
Chân rười nhoe mắt, cũng đành chịu vương.  
Nghìn thời, trong cõi tang thương,  
Một phen vô ý khôn phương gỡ mình.

## THE NET

By VŨ-ĐỨC-TRINH

A strong net is stretched in a corner of the deep sea.  
Where can swimming, twitching fishes and prawns escape from its mouth <sup>1</sup>?  
The large-meshed net of Heaven, loosely hanging, swinging here and there,  
Warns the souls of this world of sense not to expect to slip through it.

A casting-net, when thrown, absolutely round, covers over [everything].  
In what direction can the crabs' legs, prevented from passage, move?  
Exhausted people, guiltless,  
Beseech insistently the lowly earth and the lofty sky to take account of their  
[situations].

A net, set out in the middle of a long field,  
Circling, closing tighter and tighter <sup>2</sup>, tests the powers of birds' wings.  
The net of love, that the world casts silently and stealthily,  
Uses dishonest tricks to catch a foolish heart.

The silky net of a spider <sup>3</sup> is delicately thin and fragile;  
Yet, caught inadvertently in it, the house-fly's legs resignedly submit to being  
[entangled].

For a thousand ages in the world of vicissitudes <sup>4</sup>,  
Man, once lacking alertness, will have no means of extricating himself.

1. Mouth: In Vietnamese, *vòng*, literally: circle.

2. Closing tighter and tighter: In Vietnamese, *khép khép*, literally: closing and closing.

3. The silky net of a spider: The cobweb.

4. The world of vicissitudes: In Vietnamese, *cõi tang thương*, literally: the world of mulberry trees and the blue [sea]. According to a legend, every thirty years the field of mulberry trees was changed into the blue sea, and vice versa. Hence the mulberry trees and the blue sea form a figure of the vicissitudes of this changing world.



## XUÂN THA-HƯƠNG

Oai hùng ngọn nước vọt trời cao,  
Đôi cánh bướm mơ tắm nắng đào.  
Hoa nở tung bừng, hương bát ngát,  
Cờ bay phới phới thắm tươi màu.  
Mừng Xuân chim én bay về tồ,  
Đón Tết, thiên-nga cất tiếng chào,  
Núi tuyết chập chông dăng sóng bạc,  
Đồ về quê quán ngọc hoàn sao.

Lam-Son LÊ-TÂN-LỢI

Dịch nghĩa bài nguyên-tác trên đây:  
(bằng Pháp-văn)

Majestueusement le jet d'eau s'élançait vers le ciel clair.  
Deux voiliers rêveurs s'enivrent de rayons solaires.  
En pleine floraison, les fleurs embaument l'azur.  
Flottant au vent, le drapeau s'embellit de couleurs pures.  
Au printemps, les hirondelles rentrent au pays natal.  
Les cygnes saluent le Nouvel-An avec des chants de cristal.  
Les montagnes de neige se précipitent comme les flots d'argent  
En transportent au village des étoiles de diamant.

Salon Rose, Lausanne 27-1-1961  
LAM-SON dịch



LUỘC-KHẢO HỌC-THUYẾT CHƯ-TỬ

## KHÔNG-TỬ'

(552-479 trước T.C.)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 56)

- Trần Đình Khải -

### B. — HỌC-THUYẾT VÀ TƯ-TƯỞNG

(tiếp theo)

#### II. — CHÍNH-TRỊ

Nhiệm-vụ chính trong cả một cuộc đời Không-Tử, bắt đầu từ năm 30 tuổi trở đi, có thể nói là việc dạy-học. Mục-tiêu của việc đào-luyện môn-sinh không ngoài ý-tưỏng cung-cấp cho đời những nhân-tài đủ khả-năng đủ đức-độ để gánh vác trọng-trách, lo cho dân no-ấm yên-lành, đem hòa-bình lại cho thiên-hạ.

Vì vậy ta có thể nói phương-tiện của Ông là giáo-dục mà mục-dịch là chính-trị.

Không-Tử là một chính-tự gia, tuy Ông không làm chính-trị.

Kề ra trong khoảng « Tam-thập nhi-lập » đến khoảng « Thất-thập tòng tâm sơ dục bất du cú », Ông cũng có một thời gian rất ngắn tham-gia trực-tiếp việc chính-trị.

Lúc đó Ông vào khoảng 51 tuổi, thời kỳ Lỗ-Định-Công chấp-chánh. Thực ra Lỗ-Định-Công chỉ có hư vị còn bao quyền-bính trong nước đều ở trong tay họ Quý-Tôn.

Vì muốn thu thập nhân-tâm, biết tiếng Không-Tử là bậc hiền giả nên Quý-Tôn đã mời Ông ra giữ chức Trung Đốc-Tề sau thăng lên Đại-Tư-Khâu.

Trong khoảng bốn năm từ 51 xuất sĩ đến 55 cáo lui, Không-Tử đã thi-thố tài-năng cải-tò làm cho nước Lỗ được thịnh-trị. Chỉ vì Lỗ-Định-Công nhu- nhược không triệt-đề theo chủ-trương của Ông, để cho bọn quyền thần can-thiệp nên Ông đã bỏ ra đi.

Khoảng thời gian mấy năm trời ngán-ngùi như một luồng chớp làm sáng rực bầu trời âm-đạm tối-tăm, tuy chưa hoàn toàn đem lại kết-quả mong muốn của một hoài-bảo cứu đời của nhà chính-trị gia, nhưng cũng làm vững-chắc sự tin tưởng về hiệu-lực của một nền chính-trị lý-tưởng mà Ông từng ôm-ấp.

Trong khi Vương-thất lảng đi của thời Xuân-Thu tàn đẽ tiến sang thời Chiến-Quốc, các chư-hầu mạnh ai nấy thị uy, xưng hùng xưng bá, cắt đất chiếm lãnh-thổ, Di, Địch xâm-lãng lẫn nhau, chiến-tranh tiếp diễn năm nọ liền tới năm kia, chính-trị lúc đó có thể gọi là vô cùng hỗn-tạp, dân-chúng điêu-linh, xã-hội vẩn-loạn, người dân muốn yên lành để sống yên-ôn trong tối-tăm cũng không được. Vì vậy Không-Tử thấy chỉ có biện-pháp đem phổ-biến một nền chính-trị nhân-bản có hệ-thống mới có thể cứu đời được.

Lẽ tất nhiên nền chính-trị lý-tưởng đó không thích-hợp với hoài-bảo tham-vọng của các vị chư-hầu nên suốt bao nhiêu năm trường, Ông đã lê chân đi hết nước này sang nước khác mà vẫn chẳng gặp được ai là người có thanh nhơn, thực-hiện nổi chí-nguyện của Ông.

Tuy nhiên tư-tưởng chính-trị của Ông không phổ-biến được ở đương thời nhưng dư-ba của nó đã ảnh-hưởng biết bao nhiêu thế-kỷ sau, đến đời Hán có thể gọi là thời kỳ tốt đẹp của việc xướng minh Không-Học.

Và cả cho đến hiện-đại những tư-tưởng và học-thuật của Ông cũng không vì thời gian quá xa mà nền lý-tưởng chính-trị của Ông kém phần giá-trị.

Ta hãy thử tìm những yếu-điểm ở quan-niệm chính-trị của Ông :

#### a) Lý-tưởng Đại-Đồng

Theo nhận-định của Ông thì người dân ở thời nào, ở lãnh-thò nào cũng

cùng có thất tình, cũng đòi hỏi những nhu-cầu, cũng khao-khát những mong-trước như nhau. Vì vậy một nền chính-trị lý-tưởng cứu cánh của nó phải đem lại an-ninh, hòa-bình, trật-tự cho tất cả nhân-loại.

Đã đành việc thực-hiện nền chính-trị lý-tưởng phải có thứ bậc, có giai-đoạn, song không thể vì phương-tiện hoặc vì giai-đoạn mà nhất thời nhất khắc sơ hốt với lý-tưởng duy-nhất đó được.

Bởi vậy khi nói đến chính-trị là Ông ý-niệm đến đạo-đức làm căn-bản

Ông từng nói :

«Vi chính dĩ đức 為政以德», lấy đức để làm chính-trị.

Quý-Khang-Tử hỏi về chính-trị nên lấy tiêu-chuẩn nào làm trọng tâm, Ông đáp :

— Chính-trị tức là chính-đáng, đúng và hợp, nếu Ông xướng-suất theo phương-thức ấy thì ai còn dám không chính-đáng.

(Chính giở, chính dỡ, từ suât dĩ chính, thực cầm bát chính. 政者正也, 子率以正, 孰敢不正).

Lấy cái chính-đáng, lấy cái đức-độ ra làm nền-tảng cho chính-trị thì nền chính-trị đó phải là nền chính-trị lý-tưởng, không bàn mà hợp, không hỏi mà đúng, cứ việc thực-hiện là đem lại thoải-mãn cho muôn dân, cho muôn nước.

Nhưng trước khi đạt tới mức tối cao của lý-tưởng đó, việc thực-hiện chính-trị phải có một trình-tự diễn tiến.

Trình-tự ấy phải Công-Dương gọi là tam-thế tức là ba đời, ba thời-kỳ. Mỗi thời kỳ có một chính-thể đặc-biệt, đại-đồng tiêu-dị với tinh-thần của chủ-trương.

1) — Thời-kỳ thứ nhất được mệnh danh là Loạn-Thế 亂世 tức là thời kỳ ly-loạn, chư-hầu tranh nhau cắt cứ chiếm đóng. Chính thời-kỳ này là lúc mà Không-Tử được thực mục sở thị trong thời Xuân-Thu. Trong thời-gian ấy mỗi nước chỉ biết lo cho riêng nước mình còn ngoài ra đều phải đề-phòng chống đỡ cả. Quốc-gia chỉ vèn-vện thu hẹp trong phạm-vi của một nước chư-hầu nhỏ bé của mình. Nếu trong thời gian đó mà thực-hiện được nền chính-trị lý-tưởng lấy đạo-đức làm phương-tiện của Không-Tử thì nước đó sẽ có thể vùng đứng dậy dựng lá cờ nhân nghĩa, chiêu-dụ tất cả các chư-hầu khác cùng theo chí-hướng, đường lối, và sẽ có thể tiến sang thời-kỳ thứ hai được.

2) — Thời kỳ thứ hai được mệnh-danh là Thái-Bình-Thế 升平世 tức là thời kỳ đã thống-nhất được Trung-Quốc.

Tuy nhiên trong giai-đoạn này sự thực-hiện nên chính-trị lý-tưởng chưa phổ cập ra đến ngoài Di, Địch, chỉ mới thi hành được ở trong lãnh-thổ Trung-Quốc. Nếu cứ cái đã « Dĩ đức vi chính » ấy mà tiến cả về chiều sâu lẫn chiều rộng thì sẽ có thể bước sang được thời kỳ thứ ba.

3) — Thời kỳ thứ ba này được mệnh danh là Thái-Bình-Thế 太平世 tức là thời kỳ Đại-Đồng. Khi đó chẳng những riêng Trung-Quốc mà khắp cả thế-giới, phổ thiên chi hạ, đâu đâu cũng âu ca hoan-lạc, toàn thể Trung-Quốc chỉ như một người, toàn thể thế-giới chỉ như một nhà, không còn phân-biệt nước này nước khác, chính-trị nọ chính-trị kia nữa.

Đó là cái thế-giới lý-tưởng của một nền chính-trị lý-tưởng mà Không-tử hằng hoài-báo.

Ông từng nói với Tử-Du:

« Ta tư-tưởng đời Ngũ-Đế đem đại đạo ra thi-hành trong thiên-hạ với những bậc tối anh-hiễn đời Tam-Đại, sở dĩ đặc thời hành đạo, thiên hạ thịnh trị, ta nay tuy chưa trông thấy thanh trị của thời ấy mà có chí hướng sở vì của những bậc anh-hiễn đời Tam-Đại ». (大道之行也，與三代之英，丘未之逮也，而有志焉 (Đại đạo chi hành dã, dĩ tam-đại chí anh, Khâu vị chí đãi dã, nhi hữu chí yên).

Nhưng khi cái Đại-Đạo đó thực-hiện được, thế-giới sẽ ra sao? Về điểm đó trong sách Lễ ký có đề-cập đến:

« Khi Đại-Đạo thực-hành được, thiên-hạ sẽ làm của chung của mọi người mà chẳng của riêng ai, bậc có nhiệm-vụ chăm lo việc lớn sẽ biết cách chọn người hiền năng, để-xướng tín-nghĩa, tu sửa hòa mục để lo cho việc chung có được kết-quả. Đến lúc đó thì mọi người chẳng riêng thân với người thân của mình, chẳng riêng sát xa con của mình, người già có thể yên-ôn tận-hưởng tuổi trời, người khỏe có chỗ để dụng lực, trẻ con có chỗ nuôi-dưỡng chăm-sóc để lớn, kẻ góa vợ người góa chồng, trẻ mồ-côi, người tàn-tật đều có nơi nuôi-dưỡng, con trai thì có bốn-phận có công-tác, con gái thì có chồng có nơi nương-tựa.

Khi đó đồ-vật sẽ chẳng được quá khinh để đến nỗi vứt bỏ ở đất hoặc

cát giầu cho riêng mình; sức-lực sẽ hạn-chẳng được đem thi-thỏ với đời mà chẳng phải chi cốt để bảo-vệ cho riêng mình.

Như vậy tất-nhiên mưu-mô gian-tà sẽ không có đất để nảy-nở và sẽ bị thui-chột, trộm, cướp, loạ-ly sẽ chẳng thể-hiện để tác ác. Dân-chúng sẽ chẳng cần phải đóng cửa mà an-ninh trật-tự vẫn có. Như vậy tức là thời kỳ Đại-Đồng.

(大道之行也，天下為公，選賢與能，講修信睦，故人不獨親其親，子其子，使老有所終，壯有所用，幼有所長，鰥寡孤獨廢疾者皆有所養，男有分，女有歸。貨，惡其棄於地也，不必藏於己；力，惡其不出於身也不必為己。是故謀閉而不興，盜竊亂賊而不作，故外戶而不閉。是謂大同。

Đại-đạo chi hành dã, thiên-hạ vi công, tuyền hiền dĩ năng, giảng tín tu mục, cô-nhân bất độc thân kỳ thân, tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trường, quan quả cô-độc phế tật già giai hữu sở dưỡng, nam hữu phận, nữ hữu quy. Hóa, ó kỳ khí ư địa dã, bất tất tàng ư kỳ; lực, ó kỳ bất xuất ư thân dã, bất tất vi kỳ. Thị cố mưu bệ nhi bất hưng, đạo thiét loạn tặc nhi bất tác, cố ngoại hộ nhi bất bế, thị vị Đại-Đồng).

Giai-đoạn Đại-Đồng chính là thời kỳ Thái-Bình-Thế.

Nhà Cách-mệnh Tôn-Trung-Son thường đề-cập đến nền lý-tưởng chính-trị này và cho đó là một tư-tưởng về chính-trị rất cao đẹp của Không-Tử.

#### b — Chính-sách tiên khởi

Đề đạt tới mức lý-tưởng Đại-Đồng, nên chính-trị phải có nhiều giai-đoạn.

Giai-đoạn trọng-yếu sơ-khởi là phải Tôn vương Như-vương Di 尊王攘夷 tôn trọng Vương-thất, đánh dẹp Di Địch. Ý-tưởng này, Ông kết-tinh nó bằng danh từ Đại-Nghĩa, và đã ăn-ức đề-cập tới trong khi viết bộ Xuân-Thu.

Nhiều người mới gặp danh-từ Tôn-Vương đã vội ngộ-nhận là Không-Tử có tư-tưởng bảo-vệ một chế-độ chuyên-chế của bậc đế-Vương, rồi hết lời chỉ trích cho là Không-Tử không có tinh-thần vì dân!

Nếu bình-tĩnh mà nhận-dịnh thì ta thấy tư-tưởng Khổng-Tử cũng không ngoài tư-tưởng của các bậc tiên-giác Trung-Quốc đã được đề-cập tới ở thiên đầu, lấy Vua ra để thực-hiện ý Trời, mà ý Trời lại chính là nguyện-vọng của Dân vì vậy Tôn Vương tức là gián tiếp Tôn Dân.

Cứu cánh là Dân mà phương-tiện là Vương.

Sở dĩ phải đi ngất-ngoáo như vậy chính là vì chế-độ xã-hội thời đó khác xa với chế-độ xã-hội bây giờ. Nếu không dùng những phương-tiện gián tiếp như thế thì không thực-hành được lý-tưởng.

Và lại trước triều-đại nhà Tần, xã-hội Trung-Quốc chưa có ý-niệm thế nào là một chính thể chuyên-chế, một chính thể cộng-hòa, một chính thể dân-chủ. Chẳng những khi đó riêng Trung-Quốc không có ý-niệm mà cả các nước trên khắp thế-giới cũng chưa có ý-niệm đến những chế-độ ấy, những danh-từ ấy.

Chính-sách Tôn Vương của Ông chỉ còn mục-dịch rút về một mối không để cho tản mát năm bè bảy lũ, các chư hầu biết ngưỡng phục về một hướng, biết sợ, biết nghe, mới không phát sinh những tranh-giành, thôn-tính lẫn nhau.

Nghĩa là Ông chủ-tương Trung-Quốc phải thống-nhất, phải có một Trung-ương đủ quyền lực có thể biến thể loạn của thiên-hạ thành thể trị, trở về với điều chính.

Có như vậy thì thiên-hạ mới tiến tới giai-đoạn Thăng-Bình-Thế, khôi phục lại thời kỳ toàn thịnh như của Hạ, Thương, Chu.

Tư-tưởng ấy của Ông trong thời-đại ấy, không thể cho là không chính đáng được.

Vì vậy trước nhất phải Tôn-Vương tức là thống-nhất đất nước, và Nhương Di tức là đánh dẹp Di, Địch.

Ý-tưởng đó chẳng khác nào ngày nay Trung-Hoa Quốc-Gia nêu trên khẩu-hiệu « Ủng-hộ Trung-Uương, đề kháng ngoại vũ » vậy.

(Còn tiếp)

TRẦN-ĐÌNH-KHẢI



## Y-KHOA TÂY-TẠNG

Nguyên-văn bằng chữ Pháp  
của Bác-sĩ J. FILLIOZAT  
Viện-Trưởng Viện Viễn-đông Bác-cổ  
Dịch-giả: TRẦN-KHÁI-VẠN

Ở Tây-Tạng, ngoài cách cầu-nguyện, tế-lễ, hoặc dùng tà-thuật để chữa bệnh ra, người ta còn áp-dụng cả đến những biện-pháp trị bệnh hợp lý nữa.

Phật-giáo, theo như lối tu-hành ở bên xứ đó, hứa hẹn che chở tin-dò chống đối với mọi căn-bệnh, cũng như là bảo-vệ họ đối với tất cả những tai trời và đất vậy. Thượng-Đế, theo họ, vốn là một đấng giàu lòng cứu-trợ nhân-loại; họ chỉ cần niệm nên những lời cầu-nguyện, hoặc viết ra, hay nữa đeo trong người theo lối bùa-chú, là chắc-chắn sẽ được sự can-thiệp tốt lành của Người.

Trong các vị Bồ-tát được tôn-sùng hơn nhất có một vị tên là « Sman-Bla », hay là « Chúa trị bệnh ». Những buổi tế-lễ long-trọng, mà mọi chi-tiết đã được những thư-tịch đặc-biệt qui-định rõ-rệt — để tỏ lòng tôn-sùng vị Bồ-tát Y-sư này — đều tỏ ra, trong lãnh vực huyền-bí, có ảnh hưởng tốt lành cho bệnh-nhân. Người ta cũng có thể dùng nhiều nghi lễ khác để tạo nên ảnh-hưởng kể trên; trong những buổi lễ này họ không ngót tụng niệm những lời nguyện, các lời này hoặc là trích trong các kinh-điển ra, hoặc là do một giới thầy lang, mệnh-danh là « Bon Po » đã đặt định hình-thức rồi. Vài tu-viện của giới thầy lang này đã biến việc trị bệnh thành ra một sở-trường của họ; và hơn nữa, ngoài những bùa ngải ra, họ còn áp-dụng thêm cả những phương-pháp y-lý theo khoa-học thuần-túy nữa.

Rất nhiều căn-bệnh được đại chúng coi như là do một con ác-quỷ

đến xâm-nhập vào bệnh-nhân mà gây nên. Trong trường-hợp này, những buổi lễ trừ tà được cử-hành mà phần chủ-yếu là tuyên đọc những lời nguyện hay câu thần-chú, đã được nghi-thức quy-định để trừ tà trị quỷ trong khi ấy thì người ta đập trống, khua chiêng, cùng thổi kèn một cách âm-ỹ kinh khủng. Thần-dược, linh-dan được sử-dụng thả cửa; có khi chỉ là mảnh giấy thường, trên viết tên một liều thuốc hay một bài chú rồi vo tròn lại thành viên; có khi lại là những bào-chế hoặc đơn-sơ, hoặc phức-tạp mà thành phần có thể chứa chấp cả đến những « gia vị » hết sức ghê-tởm nữa, theo đúng như lệ thông thường của cách y-lý bằng tà-thuật của mọi dân-tộc trên thế-giới vậy.

Các bệnh dịch, như bệnh đậu mùa chẳng hạn, — bệnh này đã sát hại không biết bao nhiêu là nhân mạng ở Tây-Tạng, — được chống trị bằng lời cầu nguyện, và bằng cách « cô-lập hóa » bệnh-nhân, có khi cả gia-đình của họ nữa. Cách « tách rời bỏ lửng » này luôn luôn mang đến cái kết-quả là cái chết của bọn người bị cô-lập đáng thương ấy, vì bọn họ bị đẩy lùi ra những nơi hẻo-lánh, xa-xôi ở trên núi non cách trở... Tuy vậy, biện-pháp này ít nhất cũng chứng tỏ ra là họ đã kinh-nghiệm và thấu hiểu bệnh đậu là bệnh hay lây.

Nhiều phép trị liệu khác cũng được từng thử-thách qua lối kinh-nghiệm ấy, như là cách sử-dụng những suối nước nóng (Tây-Tạng có rất nhiều loại suối này) thì rất là được phổ-biến.

#### LOẠI VĂN-PHẨM VỀ Y-KHOA RẤT PHONG PHÚ

Ngoài những biện-pháp do mê-tín hay kinh-nghiệm mang lại, những phép trị bệnh hợp-lý cũng được áp-dụng luôn ở Tây-tạng; nền-tảng của những phương-pháp này là một số thư-tịch vĩ-đại về môn y-học, những sách này vẫn được truyền giảng thường xuyên tại các học-viện y-khoa. Những viện này, phần đông trực thuộc các tu-viện, giảng dạy lý-thuyết và huấn-luyện sinh-viên — đại đa số là các vị « lat-ma » (thầy tu ở Tây-Tạng), — về phần thực-hành trị bệnh. Đó là hiện-trạng của tu-viện « Kumbun » ở miền đông Tây-Tạng, và hơn nữa là của học-viện « Chakpori » ở châu thành tỉnh Lhasa (Thủ-đô Tây-Tạng); học-viện này được một vị nhiếp chính vương Tây-Tạng sáng lập ra từ thế-kỷ thứ XVII; vị quan to này lại là một nhân-vật rất tinh-thông về khoa-

học cũng là tác-giả một tác-phẩm vĩ đại phê bình cuốn y-khoa-luận mà được khắp nước tôn trọng. Luận-án này đã được dịch từ tiếng Phạn (sanskrit) ra tiếng Tây-Tạng từ thế-kỷ thứ VIII, dưới triều vua « Kri Sron Sd'ubtsan »; bản nguyên văn bằng tiếng Phạn đã bị thất lạc rồi. Theo tiếng Phạn, thì đề-mục của luận-án là « Tinh-túy của sự bất diệt » (L'Essence de l'Immortalité), nhưng người Tây-Tạng thường kêu nó là « Rgyud-bzi », nghĩa là « từ thư », vì thực ra luận-án đó gồm có 4 phần.

Những giảng-thuyết trong luận-án này được truyền là sáng-tác của vị Bồ-tát « Smanbla », nhưng nó không bộc lộ ra một tính cách Phật-giáo nào đặc-biệt, và theo cách trình bày thì nó chỉ là một di-sản của một nhà bác-học truyền lại cho các bậc hiền-triết vô Phật-giáo. Xét về phương-diện học-thuyết phổ-thông, và về biết bao nhiêu là chi-tiết, thì luận án đó phù hợp với những khái-luận cổ-điển then chốt của y-khoa Ấn-độ.

#### NGUỒN GỐC VÀ ẢNH-HƯỞNG ẤN-ĐỘ

Luận-án nói trên coi thân thể người ta là kết-tinh của năm (5) phần tử trong vũ-trụ: đất (thổ), nước (thủy), lửa (hỏa), gió (khí) và không-gian. Những chất lỏng lưu thông trong người ta bằng cả một hệ-thống mạch quản có thể ví như những rễ cây đang chuyên chở, thấu hút những chất nhựa sống trong quả đất vậy. Ba phần-tử hoạt động nhất là nước (thủy), lửa (hỏa), và gió (khí) thì giữ trọng trách cần-thiết nhất cho sự sinh tồn. Gió đi lại trong cơ-thể dưới hình thức những hơi (sinh-khí), tiếng Tây-Tạng gọi là « rlun »; trước kia người Hi-lạp chỉ chúng dưới danh từ « pneuma », và Descartes thì gọi là « esprits animaux » (tạm-dịch là sinh-khí).

Nước (thủy), dưới hình-thức và căn-bản của thể-chất trong cơ-thể là đàm-ãi (pituite), hay là « badkhan ».

Lửa (hỏa), ngự trong phủ-tạng ta dưới hình thức hoạt-động căn-bản của nước mắt; Tây-tạng gọi là « mkhris ».

Mọi biến-trạng trong lãnh-vực tác dụng của ba thành phần kể trên đều sanh ra bệnh; bệnh sanh ra như thế là kết-quả tự nhiên chứ không phải do một sức mạnh ma quỷ nào can thiệp vào, hoặc do một ảnh-hưởng huyền-bi nào chi-phối cả; và mỗi một biến-trạng đều bị gây nên bởi

lỗi lầm trong sự kiêng cử, bởi tình trạng lộn-xộn trong cuộc sinh sống hàng ngày, hoặc nữa bởi một nguyên-nhân bất ngờ nào đã kích-thích hoặc ngăn cấm sự hoạt-động của gió, nước mặt hoặc đàm-rãi. Ảnh-hưởng siêu-phàm chỉ được nêu ra trong rất ít trường-hợp mà thôi.

Phép trị-liệu sử-dụng một thành phần được-phẩm vô cùng phong phú mà ta cần phải khảo-cứu riêng biệt.

### ẢNH HƯỞNG TRUNG-HOA

Y-khoa Ấn-độ không dành riêng được độc-quyền ảnh-hưởng các vị y-sư Tây-Tạng. Phải này cũng biết tới cả y-khoa Trung-Hoa và cũng mượn của Trung-Hoa, tuy với tính cách phụ-thuộc, nhiều phương-pháp trị bịnh.

Khoa châm-cứu, thường được những dân-tộc nào có liên-lạc với người Trung-Hoa trọng dụng, cũng được thi hành ở Tây-Tạng nhưng không vì thế mà trở nên một phương-pháp phổ thông. Chỉ có những phương-sách trị liệu nào mà phần qui-tắc Ấn và Trung giống nhau, thời mới được phổ biến sâu rộng ở Tây-Tạng. Cùng tiếp nhận được một lúc với mở khoa-học Ấn-độ, những phương-sách Trung-Hoa ấy đã được sử-dụng một cách dễ dàng từ cách khái-niệm cho đến phần thực-hành. Đó là trường-hợp chần mạch đề gọi bịnh. Tuy rằng các này được áp-dụng khá muộn về sau này ở Ấn-độ, nhưng nó đã được giảng dạy trong cuốn « Rgyud-bzi » đã được phiên-dịch ra từ thế-kỷ thứ VIII rồi kia.

Ở Ấn-độ, người ta cho rằng trạng-thái của huyết mạch biểu-lộ ra tình trạng của gió (khí), của nước mặt và của đàm-rãi. Trái lại, bên Trung-Hoa thì người ta tin rằng tình trạng huyết-mạch cáo giác cho ta những hoạt-động của những cơ-quan chính yếu.

Y-sĩ Tây-Tạng, lúc thì giải-thích những bộc-lộ của huyết mạch theo cách « Ấn-độ », lúc thì theo lối « Trung-Hoa ». Nhưng xét ra thời cách giải thích chần mạch theo lối Trung-Hoa có lẽ là do sự động chạm cá-nhân giữa các y-sĩ Tây-Tạng và y-sĩ Trung-Hoa mà nảy nở ra, chứ truyền-thuyết theo thư-tịch thời gần như hoàn-toàn chịu ảnh hưởng của Ấn-độ.

Bộ sách vĩ đại « Tandjour », mà cuốn « Rgyud-bzi » chỉ là một phần trong đó, bao gồm một loại khái thuyết về y-khoa và thú-y, nguyên-văn là tiếng Phạn, đã được dịch ra từ thời đại Trung-Cổ và có kèm thêm phần bình luận rất đầy đủ chi-tiết. Một trong những khái-luận đó là bản toát-yếu học-thuyết rất súc-tích và giản minh, kèm thêm hơn một trăm phương thuốc được coi là có công hiệu nhất. Bản toát-yếu này có lẽ là tác-phẩm của giáo-trưởng « Măgar-juna », tuy rằng trong nội-dung của nó không thấy có đến một điểm hoặc tinh-cách tôn-giáo nào. Đó là một trong những sách chính-yếu của y khoa truyền-thuyết Ấn-độ, vì lẽ rằng cho tới nay nó hãy còn thông dụng tới cả Tích-Jan (Ceylan) ; trước kia, hồi thế-kỷ thứ VIII, nó được lưu hành khắp miền trung Á-Châu, trong nước « Kucha » cũ, ở Tân-cương (Turkestan chinois), và đến tận những biên cảnh bãi sa-mạc Qua-bích (Gobi, ở Mông-cổ).

Người Tây-Tạng dịch sách kể trên rất thận trọng và chính xác. Tất cả những dịch-phẩm mà học-thuyết chiếm phần lớn bên cạnh những đề-tài thực-hành, chứng tỏ rằng người Tây-Tạng đã rất chú-trọng đến việc quan-sát và suy cứu khoa-học, đã cố sức tìm cách giải nghĩa những quan-điểm sinh-lý và bệnh-lý cho hợp với lý-luận.

Tuy vậy, những thuyết siêu-nhiên cùng những phương-sách thần-bi đã được lưu-hành quá sâu rộng ở bên nước họ, đến nỗi chúng thỉnh thoảng lại tái-hiện và trà-trộn được lẫn vào y-khoa thuần-túy khoa-học. Vì thế, nên đôi khi người ta lại kèm thêm vào những sách y-khoa thuần túy, một phụ-bản đặc-biệt đề mạch bảo những phương-sách huyền-bi phụ thuộc nữa.

Y-khoa Tây-Tạng, dưới mọi hình-thức nói trên, đã được truyền bá sang Mông-cổ cùng với đạo Phật. Sách « Rgyud-bzi », dịch sang tiếng Mông-cổ, đã mang lại cho miền cao-nguyên châu Á một nền căn-bản sơ-bộ của y-khoa khoa-học. Đem y-khoa Ấn đi phổ-biến như vậy, Tây-Tạng — một xứ sở lạc lõng trên nóc đỉnh của thế-giới — đã tự ban cho mình một trọng-trách truyền bá khoa-học không khác gì trọng-trách mà Hồi-giáo đã lãnh trong công-tác phổ-biến y-khoa Hi-lạp sang các nước láng giềng vậy.

TRẦN-KHÁI-VĂN







## MỘT CUỘC CHINH - PHỤC VĨ - ĐẠI

*Thánh Tâm*  
sưu-tầm

CÁCH đây 5 năm, một kỹ-sư người Pháp cho ra đời một cuốn sách làm chấn động dư-luận thế-giới. Tuy những điều ông dẫn ra đều hoàn-toàn hữu lý và vô cùng hứa hẹn đối với tương-lai nhân-loại, nhưng nhiều người cho là quá viễn-vông: Ông định chế-ngự những cuộc nổ bom nguyên-tử để dùng năng-lực đó vào các công cuộc hữu-ích.

Qua những phút kiêu căng ban đầu, con người đâm ra lo sợ trước những viễn-ảnh đen tối gây ra do cái lực-lượng tàn-phá kinh-khủng của bom nguyên-tử và bom kinh-khí. Sự lo sợ đó ám-ảnh quá lâu khiến chính những kẻ đã khai sinh ra bom ấy nay cũng coi chúng như những quái-vật bất trị, còn người dân thường thì kẻ chúng là những hung-thần, những tai họa, hay là sự phục thù của thiên-nhiên. Trạng thái tinh-thần đó đưa ta xa dần thực tại.

Ông Camille Rougeron không nghĩ thế. Cái đáng sợ không phải lực-lượng quái-dân của những chất nổ ghê-gớm ấy mà chính là lòng con người. Xưa kia làm gì có những phi-cơ, thiết giáp, những bom đạn tân kỳ giết người hàng loạt, mà nào có tránh được những cuộc chinh-phục đẫm máu, sát hại hàng triệu sinh-linh trên mặt địa cầu?

Còn như nguyên-tử kia, chúng chỉ là những tên đầy tớ đắc lực mà thôi. Chúng đã có một sức lực ghê-gớm thì nay ta chỉ cần nhốt chúng vào những chiếc cũi không lồ bắt chúng làm việc cho ta.

Ông Rougeron không định dùng những pin nguyên-tử là nơi mà các phản-ứng chỉ xảy ra từ từ dưới sự kiểm-soát nghiêm-nhật của những đạo quân chuyên-viên và « người máy ». Lối ấy vừa tốn kém vừa chỉ khai-thác được có một phần nhỏ năng-lực của nhiên-liệu.

Ông chủ-trương cho nổ hẳn những trái bom kinh-khí không lồ, rồi đem số nhiệt-năng thu được ra dùng dần cho chạy máy. Mới nói ra, ai chẳng có cảm-tưởng như là một đũa bé đòi chế-ngự con ngựa bất kham. Nhưng xét kỹ ra ta sẽ thấy trình độ kỹ thuật ngày nay rất có thể cho phép nhân-loại thực hiện cuộc chinh-phục vĩ đại ấy... nếu các nước không ngày đêm chỉ chăm lo tích trữ bom đạn nguyên-tử và kinh-khí để hồng òa bẹp địch thủ!

### MỘT CHIÈC « NÓI SÚP-DE » KHÔNG LỖ

Hiện nay, khi muốn thử những viên đạn hay những trái bom mới chế bằng chất nổ thường, người ta vẫn thường cho chúng nổ trong những căn phòng thép cực kỳ kiên cố.

Nhưng với bom nguyên-tử và bom kinh-khí thì không một căn phòng nào chịu nổi sức tàn phá. Một trái bom nguyên-tử kiểu đã nổ thử tại Eniwetok chẳng hạn sẽ tiết ra không kém 23 tỷ 200 triệu ki-lô-oát giờ. Nếu là điện-lực thì cả nước ta dùng tha hồ hàng bao thế-kỷ không hết.

Ấy thế mà số năng lượng ấy đột nhiên phát ra trong một nháy mắt thì sức tàn phá của nó thực là vô địch vậy.

Vô địch ? chưa chắc.

Ông Rougeron đã tìm ra một chiếc « súp-de » đủ kiên cố để chứa đựng số năng-lượng ấy và cái nhiệt-độ ghê-gớm của nó. (50 triệu độ bách phân nếu sức nóng không tản mát). Đó là vỏ trái đất.

Các máy khoan mỏ dầu hỏa hiện nay có thể khoan sâu xuống quá 6.000 mét. Ở độ sâu này, trước hết người ta sẽ cho nổ chất nổ cò-diên, như chất mìn chẳng hạn. Sau đấy người ta cho nước chảy vào đây khoảng trống do chất mìn đã đào, rồi cho nổ trong ấy một trái bom nguyên-tử. Bom này sẽ đào thành một khoảng trống khá lớn, đủ sức chịu đựng một trái bom kinh khí (hay một trái bom 3-F mà dưới đây chúng tôi sẽ nói tới.)

Trái bom khinh-khí đã yên vị, cách 6.000 mét ở bên trên, một viên kỹ-sư nhận nút phóng luồng điện xuống làm cho nổ Trong một khoảnh khắc, lực lượng vĩ đại của trái bom cổ nâng cái văng đất nặng vô biên ở bên trên nhưng vô hiệu. Thế thăng bằng đã lập Trong cái trái cầu rỗng ngâm dưới đất ấy, các thành đá đều chảy ra như thủy tinh và hơi nước ở một độ nóng và một áp-lực chưa bao giờ có trên mặt đất. Hơi nước ấy sẵn sàng cho ta sử-dụng, để làm chạy các máy đặt trên mặt đất.

Hơi nước được ống khoan đưa lên mặt đất nhưng không sử-dụng thẳng được vì nó nhiễm chất phóng-xạ. Người ta dùng nó để làm bốc hơi nước không có chất phóng-xạ, hơi này mới dùng để chạy máy. Còn hơi nước có phóng-xạ khi đã nguội liền lại được dồn về lòng đất cho nó nóng trở lại. Vòng hơi nước này dần dần tiêu hết sức nóng do trái bom phát sinh.

Nhưng hết sức nóng của bom cũng chưa phải là hết năng-lực để khai thác. Ta đã biết càng xuống sâu đất càng nóng Ở 6.000 mét sâu, đất nóng 180 độ bách phân thừa sức làm bốc hơi nước cho ta dùng. Vì vậy người ta sẽ có thể dùng chất nổ thường đánh vỡ thành đá Đá nóng đổ vào vũng nước lại làm bốc hơi cho chạy máy thêm một thời gian nữa.

Cứ như thế, dù chạy nhà máy trong nhiều năm, sản-xuất điện lực cho dân-cư trên mặt đất. Đến khi nguội hẳn, người ta chỉ có việc tạo nên một nôi sụp mới, ăn thông với nôi cũ, rồi cho nổ bom lần nữa là lại tiếp tục khai thác được, chẳng cần phải dời nhà máy đi đâu hết

Điện lực sản-xuất theo lối này sẽ cực kỳ rẻ, vì bom khinh khí rẻ lắm, chỉ bằng 1/200 giá than đá cần dùng để sản ra một số năng-lực tương đương.

### SẢN-XUẤT THỦY ĐIỆN LỰC

Ta lấy thí-dụ đảo Groenland. Trên đảo là cả một lớp tuyết dày đến 2 ngàn mét bao phủ Lớp tuyết ấy ở trên cao, cách mặt biển hai ngàn mét. Nếu cái khối nước không-lở ấy chịu chảy cho thì năng lượng ta tiêu được không phải là tầm thường.

Với nhiệt-lượng của một trái bom khinh-khí, việc ấy không phải là không làm nổi. Ông Rougeron chủ trương đào một đường hầm, lần này không theo chiều dọc mà theo chiều ngang, tự núi đá nơi ven biển vào đến đáy chiếc hồ nước đặc này. Trái bom nổ sẽ không đào một trái cầu rỗng

như trong lòng đất mà làm tan vụn khối băng không-lở ấy, rồi hun cho chảy lỏng ra. Dòng nước tự 2 000 mét chiều cao sẽ đổ ra biển qua một con đường ngầm đào sẵn và làm chạy máy phát điện.

Thật là giản-dị nhưng không phải không nguy hiểm. Vì dòng nước có thể nhiễm phóng-xạ tính, đầu độc các giống sinh vật dưới biển cả và do đấy sẽ gián tiếp đầu độc nhân-loại. Vì thế không thể dùng được bom 3-F là là thứ bom có lẫn vỏ ngoài cùng bằng uranium. Thứ này tuy rẻ tiền và sức mạnh hơn nhưng lẫn vỏ uranium kia khi tan vỡ sẽ tạo rất nhiều chất phóng-xạ nguy hiểm. Người ta sẽ dùng bom khinh-khí vì bom này sinh ra những chất không phóng-xạ. Còn như núi đá quanh khu vực bị bom nổ có thể vì các trung-hoà-tử của bom mà nhiễm thì cũng chỉ cần cho nghỉ chừng 1 năm là phóng-xạ tính ấy cũng hết. Khi đó dòng nước nó thể cho chảy ra biển được không nguy hiểm nữa.

Muốn cẩn thận hơn, người ta cũng còn cách bọc cho bom một lần vỏ bằng chất « bore ». Chất này ngăn các trung-hoà-tử lại không cho chúng bắn phá các núi đá xung quanh và nhờ đấy núi sẽ khỏi nhiễm phóng-xạ tính.

Khởi nước không-lở kia rút xuống biển, sẽ còn một ích-lợi khác, là để lại một vùng rộng mênh-mông cho con người trồng-trọt.

### CHÔNG HẠN HẠN

Nói đến trồng-trọt, ta không quên được một sự trái ngược : nhân-loại hiện lo thiếu ăn, mà còn bao nhiêu là đất thật lại bỏ không, chỉ vì không đào đầu ra nước để tưới.

Tự ngàn xưa, người ta đã mơ ước biến một phần nước biển mênh-mông kia thành nước ngọt để tưới các khu bao la có cây đang chết khát. Tiếc thay, đến nay vẫn không tìm ra một cách lọc nào hữu hiệu hết, ngoại trừ lối lọc duy nhất của thiên-nhiên là đun nóng cho bốc thành mây để rồi làm đông lại thành những trận mưa nước ngọt. Thiên-nhiên có một năng-lực cực kỳ phong phú là nhiệt-năng của thái dương, mới làm nổi những công việc vĩ đại ấy, chứ nhân-loại thì phải tìm một phương-pháp nào khác « rẻ » hơn.

Với bom khinh khí, ta có hi vọng làm nổi, tuy cũng vẫn còn tốn nhưng không đến nỗi quá lắm.

Theo ông Rougeron, người ta sẽ đào một giếng sâu khoảng 2.000 mét ở gần bờ biển rồi cho nổ một trái bom khinh-khí nơi đáy. Lần này từng đất không đủ dày để chế-ngự sức nổ, nên sẽ bị đào thành hình một chiếc phễu (quặng) rộng nhiều cây số và đẩy những mảnh đá núi nóng rục. Đó là một chiếc lò để một nhà máy gần đây lợi dụng cát nước biển. Họ sẽ cho một dòng nước mặn chảy qua chiếc lò này, khi đưa về nhà máy nước đó nóng hơn 100 độ bách phân, dùng để cất một dòng nước mặn khác thành hơi nước ngọt. Khi nó đã nguội bớt sẽ được dồn về lò để thâu sức nóng để rồi lại dùng lại. Sở dĩ người ta không dám làm bốc hơi nước ngay trong lò là vì nước ấy nhiễm phóng-xạ tính, dùng không được.

Nếu thực-hiện xong thì đây là lần đầu tiên người ta cất được nước biển với một giá đủ rẻ để dùng vào nghề nông. Người ta ước tính dùng nước cất này để trồng-trọt sẽ tốn khoảng 7.000 quan tiền Pháp cũ (tức 500đ V.N.) cho mỗi mẫu tây đất trong một năm. Kề không có gì là quá đáng.

#### TỪ LÝ-THUYẾT ĐẾN THỰC-HÀNH

Những lời tiên-tri của Rougeron rất chóng bị chìm vào lãng quên vì tuy những dự tính ấy có lợi và rất có thể thực hiện được trong tình trạng căng thẳng hiện nay giữa các nước hai khối, không một quốc-gia nào dám bỏ phí một phần sức lực của mình vào những công cuộc hòa-bình này.

Nhưng may thay, chính việc chuẩn-bị vũ-khí nguyên-tử đã lại mở đường cho sự thực hiện mau chóng những dự án hòa-bình nói trên.

Nguyên nhân-loại hiện đã rõ cái nguy cơ hủy-diệt không những nền văn-minh mà có khi cả nhân-loại nữa, nếu một ngày kia có kẻ quyết tâm dùng đến những khí-giới nguyên-tử để thỏa mãn mộng xâm-lăng. Vì thế, các nước đã bao lần họp nhau cố tìm một giải-pháp ngăn cấm các cuộc thí nghiệm nguyên-tử và sau đó cấm tàng trữ mọi vũ khí nguyên-tử. Thiện chí chắc hẳn đã sẵn, nhưng tiếc thay sự nghi ngờ không sao đập tan được, nên quốc-gia nào cũng e ngại hai điều: trước hết là địch thủ với những cuộc thí-nghiệm đã qua, đã tiến bước hơn mình. Sau này nếu chiến-tranh xảy ra ưu thế kỹ-thuật của địch sẽ là một nguy cơ không nhỏ đối với mình, vậy cần phải gắng thí nghiệm cấp tốc để tiến gấp cho bằng hay vượt địch thủ rồi hãy chịu ngưng. Than ôi, đến khi mình chịu ngưng thì địch thủ trong thế kém lại sẽ chẳng chịu ngưng nữa, thế là các cuộc thí-nghiệm lại cứ tiếp tục. Điều thứ hai là nếu có đi đến một thỏa thuận đình chỉ tức

khắc mọi cuộc thí-nghiệm nguyên-tử, thì có cách nào mà kiểm-soát? Nếu họ thí-nghiệm trên mặt đất thì sự kiểm soát hiện nay thực là hữu hiệu, nhưng nếu họ cho nổ ngầm dưới mặt đất? Có cách nào biết được không, một khi họ cho nổ thực sâu, và vẫn không chịu cho các phái-đoàn ngoại-quốc đến đóng để kiểm-soát ngay trên đất nước họ?

Để giải nỗi băn-khoăn thứ hai này, ngày 19 tháng 9 năm 1957, Ủy-Ban Nguyên-tử Lục-Hoa-kỳ đã cho làm một cuộc thí-nghiệm bí mật tại vùng Nevada. Tình cờ cuộc thí-nghiệm ấy lại chính là một cuộc nổ ngầm của bom nguyên-tử như Rougeron đã chủ-trương, tuy rằng chưa trừ tính khai thác, và trái bom nổ cũng là hạng nhỏ nhưng kinh-nghiệm đem lại đã vô cùng hào hứng.

Người ta đã cho đào một đường hầm ngang, từ hông núi đá, vào sâu 610 mét ở dưới đỉnh núi 272 mét. Đến điểm này, đường hầm được đào vòng lại thành hai cái móc và tận cùng là một căn phòng nhỏ chứa trái bom nguyên-tử nhỏ mà mặt-mã của Ủy-Ban Nguyên-Tử Lục Mỹ gọi là « Rainier », sức mạnh ngang với 1.700 tấn chất nổ « tolite ». Lối đào hầm đá nghiên cứu kỹ để khi bom nổ liền lấp mọi ngách, không để cho hơi bom nhiễm phóng-xạ tính thoát ra ngoài.

Mọi sự xảy ra đúng như dự tính, quả bom bị chôn vùi trong lòng núi, không một chút hơi, không một tiếng động ra ngoài.

Những quan sát-viên ở cách miệng hầm 4 cây số chỉ nhận thấy trái núi hơi « rung mình » một chút, hình dáng trong chốc lát hơi nhòe đi và các bụi cây hơi chuyển, ít viên đá nhỏ lăn theo chiều núi gây thành vài cơn bụi nhỏ. Chỉ có thế thôi. Những địa-chấn ký tạm thời, làm bằng những quả bóng ping-pong đặt trên đầu ít chiếc cọc, không cho thấy chỉ hết, chẳng quả nào rơi xuống cả. Theo người ta đo tính thì quả núi đá « chồm » lên chừng 15 phân, nhưng các cọc gỗ dùng để ngắm không chuyển. Các nhà báo quan-sát như thường lệ tại núi Charleston cách nơi nổ bom 80 cây số không nhận thấy gì lạ hết. Nghĩa là cuộc nổ hoàn toàn bí-mật, cách nơi nổ không đầy 100 cây số mà không ai nhìn thấy, nghe thấy hay cảm thấy gì.

Dư-luận Mỹ trước đây đã thiên về giải-pháp ngưng thí nghiệm nguyên-tử, nay được Ủy-Ban Nguyên-Tử-Lục cho biết cuộc nổ không bị tiết lộ ngoài 400 cây số, liền lại trở nên dè-dặt, e-ngại.

Sự e-ngại ấy không lâu, vì chỉ vài hôm sau người ta được biết trái với

kết-qua đầu tiên, trái bom bé nhỏ ấy đã làm rung chuyển các địa-chấn ký ở tận Alaska cách chỗ bom nổ 3.712 cây số!

Không nói chỉ đến ảnh-hưởng chính-trị của nó, ta cũng thấy vụ này rất quan trọng. Chất nổ thượng hạng kia lần đầu tiên đã bị chế-ngự và cho ta hi vọng sẽ dùng nó thay thế các chất nổ cũ điển khi phải làm tan vỡ những chướng-ngại vật quá to lớn đã từng kiềm-chế sự phát-triển của một vài quốc-gia như một trái núi hay một eo biển chẳng hạn.

### HI - VỌNG CỦA NGHỆ DẦU HÒA

Các công-ti dầu hỏa Hoa-Kỳ khi hay tin cuộc thí - nghiệm « Rainier » liền đổ xô đến xin gặp Ủy-Ban Nguyên-Tử-Lực Mỹ. Họ hiểu ngay ích lợi thực tiễn của trái bom này.

Nguyên dầu hỏa hiện nay mỗi lúc một khó khai thác vì những khối dầu gần mặt đất đã hết. Họ phải đào ngày một sâu thêm, hàng mấy ngàn thước mới đến lớp dầu. Mà nào có lấy được hết: Mỏ nào khai thác được 30 phần trăm tổng số dầu đã là nhiều lắm rồi. Như vậy quá 2/3 bị mất tan nát trong hốc đá, đất, hơi không còn đủ áp lực để đẩy dầu lên mặt đất.

Một trái bom nguyên-tử cỡ nhỏ, nổ ngầm như trái Rainier, sẽ làm bốc hơi một phần dầu, gây ra một áp lực-cực mạnh, làm tất cả mọi phần dầu còn lại dù là ở độ sâu đến mấy, dù là thấm trong đất hay các hốc đá, dù là lỏng hay đặc, đều phải lên tất cả trên mặt đất. Như vậy biết bao cơ sở khai dầu hỏa có thể hoạt động trở lại được, biết bao mỏ đá « cạn » nay lại có dầu nhiều gấp trước bội. Tại nhiều nơi như vùng Pensylvanie chẳng hạn, những tay khai thác mỏ dầu vì hám lợi đào giếng bừa bãi, làm cho hơi ép dưới mỏ chóng sút nên chỉ lấy được có 5 % tổng số dầu rồi đành bỏ. Số 95 % dầu còn lại mắc kẹt dưới sâu kia, chỉ chờ một trái bom Rainier là sẽ sẵn sàng phun lên mặt đất cho cả một vùng rộng lớn ấy hoạt-động trở lại mạnh hơn bao giờ hết.

Ngoài ra, còn biết bao nhiêu mỏ than hoặc vì ở quá sâu, hoặc vì gồm những lớp quá mỏng, mà không sao khai-thác được, những trái bom nguyên-tử nhỏ nhỏ nổ ngầm sẽ cắt chúng thành hơi thấp một cách dễ dàng. Như vậy sẽ dùng được, với giá rất rẻ hàng vạn tỷ tấn than, trên khắp thế-giới, hiện nay còn bỏ phí. Lại còn một thứ nhiên liệu-khác, hiện không ai thèm dùng vì năng-lượng kém cỏi, nhưng rải-rác rất nhiều ở khắp mọi xứ, đó là điệp-thạch có

chứa thạch-não du (schiste bitumeux). Khai thác cùng một lối như trên, nó sẽ trở nên nguồn nhiên-liệu rẻ tiền cho hầu hết mọi nước trên thế-giới. Tại Pháp, nguyên một vùng Séverac cũng đủ để khai thác 40 triệu tấn thạch-não du.

### NHỮNG CÔNG-TÁC VI-ĐẠI

Ngoài việc dùng bom chạy máy, người ta còn có thể dùng chính sức tàn phá ghê-gớm của nó để mở đường hay thay đổi cả địa-dư của một xứ. Người Mỹ đã nghĩ cách dùng bom mở hải-cảng tại những vùng không có chỗ trú-àn cho tàu bè, như ở bờ biển Pérou chẳng hạn. Các chất vô đất như nhôm, ma-nhê-si, dươg khí v.v... thường không nhiễm phóng-xạ tính, nên chỉ một thời-gian ngắn là khu-vực sẽ hết nguy hiểm. Người Nga cũng dự tính dùng bom nguyên-tử đào một đường hầm dưới biển Caspienne, rút ngắn bớt 1.600 cây số từ Trung-Bộ châu Á đến vùng Transcaucasie, một đường thứ hai xuyên qua núi Hy-Mã-Lạp-Sơn để có thể lập đường tàu hỏa từ Ấn-Độ đến Nga, một đường hầm thứ ba dưới eo biển Iénikalèh làm cho Bắc-Hải thông với biển Azov... Họ cũng đã từng cho nổ thử bom ngầm dưới đất, như cuộc thí-nghiệm của Mỹ: Hồi tháng 12 năm 1957, Nga đã cho nổ ở 40 mét chiều sâu, rồi sau đó bao lần bom Mỹ cũng như bom Nga đã nổ một cách hoà bình như thế, đem lại cho nhân-loại một niềm tin mới ở khả-năng kiểm chế vô khí nguyên-tử và một viễn ảnh xán-lạn của nền kinh-tế nguyên-tử nay mai.

Với thứ khí-cụ mới này, ta tưởng có quyền nhắc lại mấy dự-án táo bạo nhất của nhân-loại trong công cuộc chinh phục thiên-nhiên là đắp 6 chiếc đập để làm thay đổi hẳn cục diện thế-giới.

### ĐẬP GIỮA MỸ VÀ NGA

Chúng ta, ít ra ai cũng nghe nói đến thành-phố Nice ở miền nam nước Pháp, khí hậu ấm áp, nơi tị hàn của dân-chúng Pháp và du-khách thế-giới. Cũng cùng trên một vĩ-tuyến với thành phố Nice, trên bờ Thái-Bình-Dương, thành-phố Nga Vladivostok lại lạnh lẽo đến nỗi hàng năm bị băng đóng ba tháng, hải-cảng tê liệt. Hơn nữa, hải cảng Mourmansk ở 20 gần Bắc-cực hơn là Vladivostok mà suốt năm lại thông thương được. Sự trái ngược này đã làm các vật-lý-học gia và các kỹ-sư Mỹ, Nga lưu ý nghiên-cứu.

Họ tìm ra nguyên-nhân là dòng nước nóng Gulf Stream Dòng Gulf Stream có một nhánh tự Đại-Tây-Dương lượn theo ven xứ Na-Uy, đổ vào

biển Barentz tại Bắc-Cực, khiến một dòng nước lạnh buốt từ Bắc-Cực dồn qua eo-biển Behring chảy vào Thái-Bình-Dương. Dòng nước này lượn theo duyên hải vùng Primorie hay là vùng « Hải-Trấn », làm cho khí-hậu nơi ấy tuy tương đối gần Xích-đạo hơn mà vẫn lạnh buốt ghê-gớm không kém miền Đông-Tây-Bá-Lợi-Á. Khí hậu đảo Sakhaline đối diện với vùng này còn tệ hơn nữa : mây mù dày đặc và băng tuyết đóng cả trong biển Okhotak, tuy biển này cũng cùng một vĩ-tuyến với Địa-Trung-Hải.

Giải-pháp hợp lý nhất để sưởi ấm những vùng lạnh lẽo nói trên là ngăn dòng nước lạnh kia không cho đổ vào Thái-Bình-Dương nữa. Điều này càng hợp lý khi ta nghĩ rằng xưa kia, ở Nguyên-Đại-Đệ-Tam (ère tertiaire), khí-hậu những vùng này đều có gặt gao như bây giờ. Những dấu-tích về cây cỏ cũng như động-vật cho biết khí-hậu-khi ấy tương đương với các vùng ôn-đới. Sở dĩ như vậy là vì hồi ấy miền Bắc-Mỹ được nối liền với miền Đông-Tây-Bá-Lợi-Á bằng một dải đất, ngăn cách hai vùng Bắc-Cực và Thái-Bình-Dương. Eo-biển Behring chỉ mở ra từ cuối Nguyên-Đại-Đệ-Tam và cũng từ bây giờ mới xuất hiện khí hậu gặt gao như hiện tại.

Với một chiếc đập khổng lồ, bắt từ bán-đảo Tchouktches (Nga) sang Alaska (Mỹ), khí-hậu sẽ trở nên ấm áp, miền Bắc Thái-Bình-Dương sẽ ôn hòa như ở Hải-Cảng Marseille (Địa-Trung-Hải) và Bordeaux (Đại-Tây-Dương) vậy.

Đứng về phương-diện kỹ-thuật mà nói, dự-án này không phải không thực hiện được. Hơn thế nữa, một cơ-sở bơm nước vĩ đại có thể thiết-lập ngay tại đây để bơm nước Thái-Bình-Dương lên Bắc-Cực. Dòng nước ấm này sẽ làm tan băng tuyết nơi gần ven biển, khiến tàu bè có thể đi lại được từ Mourmansk đến vùng Đông-Tây-Bá-Lợi-Á.

Về phần Mỹ-Quốc cũng được lợi : Tiểu-Bang Orégon, ở ven bên kia Thái-Bình-Dương, ngang với vùng Primorie bên này, cũng sẽ được một dòng nước nóng (dòng Kouro Chivo) từ Trung-Hoa và Nhật-Bản chảy sang làm cho ấm lên. Lui về phía bắc một chút, vùng Alaska cũng sẽ không còn là xứ của băng tuyết nữa, một hải-đạo sẽ mở ra lên đến vịnh Hudson và đảo Groenland.

Công cuộc sẽ hoàn toàn với một chiếc đập thứ hai, nhỏ hơn đắp ngang giữa vùng Vladivostok và đảo Sakhaline.

Nhưng có một trở-ngại rất lớn làm cho dự-án trên đây khó thực hiện được : Chiếc đập khổng lồ nối liền đất đai của hai nước địch-thủ Mỹ và Nga sẽ làm cho cả hai bên e ngại, vì bên nào cũng sẽ lo rằng nó mở đường cho địch quân đột nhập xâm-lãng nước mình.

(Còn tiếp)  
THANH-TÂM



### GIỚI THIỆU AN-PHẨM UNESCO

#### 1) UNESCO KOREAN SURVEY

— Cuốn sách khái quát về Đại-hàn của Ủy-hội Quốc-gia Unesco Đại-Hàn.

Một cuốn Bách-khoa toàn như về Lịch-sử giáo-dục Khoa-học và Văn-hóa Đại-Hàn Dân-quốc đã được Ủy-hội Quốc-gia Unesco Đại-Hàn soạn-thảo và hiện đang được ấn-hành. Công việc biên soạn công phu lâu hơn 5 năm và do hơn 200 chuyên-viên đảm trách.

Một tác-phẩm chính trong sự tham-gia vào chương-trình của dự-án quan trọng về sự thăm định hỗ-tương giá-trị văn-hóa Đông-Tây.

Một tác - phẩm rất giá-trị trong sự nghiên-cứu về quốc-gia Đại-Hàn.

— Sách dày 992 trang với 409 hình ảnh

— Giá tiền 23 mỹ-kim.

— Tổng Phát-Hành : Nhà xuất-bản Đông-Á, Hán-thành.

## NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ BỆNH UNG THƯ\*

- Võ Lang -

Công chúng ngày nay, hơn bao giờ hết, rất chú ý đến các sự tàn-phá càng ngày càng lớn-lao của bệnh ung - thư. Để thỏa-mãn sự thắc-mắc chánh đáng của đại đa số quần-chúng, người ta đã mở một cuộc phỏng vấn các nhà bác-học chuyên môn, danh tiếng lẫy lừng trên lãnh vực Y-học quốc-tế.

Đó là các bác-sĩ Diehl, giám - đốc Ban Nghiên - cứu Y-học trong Hội Ung-thư Mỹ; Heller, giám-đốc Viện Quốc-gia bài Ung-thư Mỹ; Rhoads, giám - đốc Viện Sloan Kettering chuyên về ung thư; Ravdin, giáo-sư tại Y-khoa Đại-học đường Pennsylvanie.

Và lần lượt đây là ý-kiến của các bác-sĩ kê trên về những câu hỏi tí-mỉ đặt ra cho cái tai-họa khủng khiếp nhứt của nhân-loại hiện nay là bệnh ung-thư.

### UNG-THƯ LÀ GÌ VÀ NHỮNG NGUYÊN-NHƠN ?

Ung-thư cấu tạo nên do những chứng-bệnh của các tế - bào bất thường tăng-gia sanh sản thái quá và hỗn-độn. Trong thân-thể một người khoẻ mạnh, những tế-bào chỉ sanh-sản ra cho một tác-dụng đặc biệt: làm mau lành các vết thương, thay thế những tế-bào già cỗi... Trái lại, một tế-bào có nhiễm độc ung thư cứ sanh-sản hoài là phân chia mãi mãi không ngừng mà không hề có một nhiệm-vụ gì ích lợi hay đặc biệt cả...

Hiện nay người ta chưa hiểu biết hết những nguyên-nhân chánh của bệnh ung thư. Một vài người nghĩ rằng đó là sự thay đổi đột ngột của những tế-bào bình thường. Những chất phóng-xạ tấn mác ở trong

\* Theo J. Ratcliff trong Reader's Digest.

không-khí cũng là một nguyên-nhơn. Người khác lại cho rằng ung-thư phát sanh do một hay nhiều tinh-độc chưa biết rõ tên. Người ta đã biết rằng những vi-sinh-vật có thể làm cho các loài vật sung-phù lên; vậy đối với cơ-thể người ta các vi-sinh-vật cũng giữ một vai trò tương tự. Nhưng các điểm trên đây mới chỉ là giả-thuyết thôi...

### UNG-THƯ LÀM CHẾT NGƯỜI RA SAO ?

Ung-thư làm chết người bằng nhiều cách. Thường thường khi ung-thư lan rộng ra thì sự dinh-dưỡng thành ra thiếu thốn: các thứ ăn không đầy đủ cho sự sinh-sôi này-nở các tế-bào bình thường cũng như bất thường.

Vả lại bệnh ung-thư của bộ máy tiêu-hóa làm cho sự thiếu hụt về dinh-dưỡng càng thêm trầm trọng vì lối đi của các thứ ăn bị tắc nghẽn. Bệnh-nhơn bị gây yếu và suy nhược dần dần...

Ung-thư thường lớn mạnh lên, xâm nhập vào các mạch máu chánh và sanh ra chứng băng huyết rất nguy hiểm... hay là có khi lan tràn vào óc, vào gan, vào phổi, đôi khi vào cả tim và làm ngừng trệ sự hoạt-động của các cơ-thể trọng yếu này... Nếu sự trục-trục về các cơ-thể này không phải là những nguyên-nhơn trực-tiếp của sự chết về bệnh ung-thư thì cũng làm cho bệnh-nhơn suy nhược dần, chịu nhiều sự ê-chề đau-đớn rồi sau cùng té quỵ vì kiệt-quệ !

### CHẾT VÌ UNG-THƯ CÓ TĂNG LÊN KHÔNG ?

Chết về một vài bệnh ung-thư như ung-thư dạ dày thì có giảm đi nhưng về các bệnh ung-thư khác như ung-thư phổi, máu (bạch huyết) thì tăng lên rõ-rệt. Nói chung, sự chết về ung-thư càng ngày càng tăng đều đặn.

Sự khám bệnh càng tiến bộ bao nhiêu thì tai nạn về ung-thư càng đỡ bấy nhiêu; vả lại dân-chúng càng sống lâu thì bệnh ung-thư lại càng nhiều hơn vì những người có tuổi hay mắc bệnh ung-thư. Tuy nhiên, hai yếu-tố ấy không đủ chứng-minh việc chết nhiều vì ung-thư.

### NHỮNG Ý-NGHĨ SAI LẦM VỀ BỆNH UNG-THƯ

Nhiều ý-nghĩa sai lầm về bệnh ung-thư đã in sâu vào trí - não mọi



tầng lớp người trong xã-hội. Có người nói ung - thư là bệnh hay lây. Tuy nhiên, người ta chưa hề có một chứng-cớ cụ-thể nào về một người mắc ung-thư lây bệnh cho các người chung quanh. Có người lại tin là bệnh ung-thư dạ dày có liên-hệ mật thiết với việc uống rượu và việc dùng các đồ làm bếp bằng nhôm. Tuy nhiên, cho đến nay, khoa-học chưa hề chứng minh hay xác-nhận các giả-thuyết đó.

Lại có người cho ung-thư là một bệnh di-truyền. Trừ một vài trường hợp rất hãn-hữu, ví-dụ như ung-thư ở mắt là có tính chất di-truyền, còn ngoài ra chưa hề có một chứng-cớ nào tỏ rõ các bệnh ung-thư khác đều là di-truyền.

Những ý-nghĩ sai lầm này càng làm phát-triển các mảnh lối làm tiền của các thầy lang vườn vì họ tự khoe là họ có nhiều môn thuốc hiệu-nghiệm như thần... Vậy xin quý vị chớ nên nhẹ dạ, quá tin vào những lời quảng-cáo rùm-beng đó, không có giá - trị gì, trái lại, còn còn nguy-hiêm hơn nữa vì nó ngăn cản những phương-pháp trị liệu hợp ý ngõ hầu cứu bệnh-nhơn thoát khỏi lưỡi hái của Tử-thần!

#### PHƯƠNG-PHÁP ĐỂ PHÒNG BỆNH UNG-THƯ

Trước hết là những phương-pháp để phòng tránh liu đến công việc hàng ngày về nghề-nghiệp của mình: các nhà nông cần phải đội nón để che mưa nắng, các người làm việc trong những xưởng công-kỹ-nghệ về hoá-học cần phải tuân hành triệt để những chỉ-thị về sự phòng ngừa. Phương-pháp ngăn ngừa quan trọng nhất là cố gắng tránh khỏi nhiễm-độc vi khuẩn thuốc lá hay thuốc láo vì có nhiều yếu-tố sanh ung-thư.

Ung-thư thường hay báo trước bằng một vài dấu-hiệu dễ nhận xét: chảy máu bất thường, sưng ở vú hay ở chỗ khác, vết thương nhỏ không bao giờ lành, sự trực-trặc ở bộ máy tiêu-hoá (khó nuốt hay không tiêu), sưng bàng-quang, khản cổ hay ho lâu, sự biến dạng của những mụn cóc hay nốt ruồi... Tất cả những triệu-chứng ấy cũng chưa chắc đã phải là bệnh ung-thư nhưng cũng nên đi khám bệnh ngay cho được căn thân! Từ 40 tuổi trở đi, mỗi năm ta nên đi khám bệnh ít nhất là một lần cho thiệt kỹ lưỡng, nhất là những người nghiện rượu hay thuốc lá, cứ 6 tháng một lần, cần phải đi rọi kiếng phổi.

#### PHƯƠNG-PHÁP GIẢI PHẪU VÀ CHIỀU XẠ-TUYẾN

Mọi người đều có cảm-tưởng là những phương-pháp tối-tàn về giải-phẫu để chữa bệnh ung-thư cũng chưa hề đạt được kết-quả mong muốn. Vậy chúng ta cần phải cố gắng nghiên-cứu tìm tòi và học hỏi thêm nữa. Cho đến ngày nay, những giả-thuyết mới về việc chiếu xạ tuyến hay dùng chất phóng-xạ nguyên-tử để chữa ung-thư cũng chưa hề đem lại một kết-quả khả quan!

#### NHỮNG SỰ TÌM HIỂU HIỆN ĐẠI VỀ UNG-THƯ

Ngày nay, người ta đã nghĩ rằng trong thân-thể các người lành mạnh chắc phải có những yếu-tố thiên nhiên để chống đối lại với bệnh ung-thư. Hiện chúng ta chưa biết rõ sự cấu-tạo những yếu-tố đó nhưng một khi đã khám phá được rồi, ta rất có thể áp-dụng việc chủng đậu hay chích thuốc phòng ngừa các bệnh ung-thư.

Chúng ta đã biết là có nhiều sự tương-quan rất hấp-dẫn giữa các mầm mống tinh-độc với những mô thớ trong thân-thể người ta, ví dụ như tinh-độc của bệnh tích-tủy-xám viêm hay ăn vào các mô-thớ của hệ-thống thần-kinh.

Hình như có nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng giữa các mầm mống tinh-độc với tế-bào bị ung-thư cũng có những sự tương-quan và hấp-dẫn tương tự. Ngày nay, người ta đã tìm thấy hai mầm-mống tinh-độc có thể làm tan dẹp những chỗ sưng tấy trên mình con chuột mà không hại gì đến cơ-thể của nó cả.

Chúng ta lại biết rằng giữa các tế-bào nhiễm ung-thư và các tế-bào thường đều có những sự khác-biệt, tuy rất tinh-vi nhưng vẫn có thể lợi dụng được. Nếu trong các tế-bào nhiễm ung-thư có chứa chất a-xít giống như chất nước a-xít ở trong tế-bào thường. Như vậy, hình như rất có thể cho vào trong các tế-bào bị nhiễm ung-thư các chất giống y như hết những chất dùng để kiến-tạo và nuôi dưỡng các tế-bào nhưng một khi đã vào đấy rồi sẽ dùng để tiêu-hủy các mầm-mống bệnh ung-thư.

Cách đây chưa bao lâu, ý-kiến tìm một thứ thuốc chữa ung-thư hình

như là một ảo tưởng. Ngày nay, chúng ta đã có nhiều thứ thuốc, nếu chưa trị khỏi hẳn được ung-thư thì cũng làm cho các bệnh-nhân đỡ khổ sở, đau đớn một phần nào. Công cuộc nghiên-cứu tìm tòi những phương pháp mới để chữa ung-thư đang tiến hành rất hăng hái; đó là một trong những mục-tiêu lớn lao nhất của nền Y-học ngày nay. Hiện người ta đang thí-nghiệm 40 ngàn thứ thuốc mới để theo dõi kết-quả trong việc diệt trừ bệnh ung-thư tận gốc.

### MỘT CHƯƠNG-TRÌNH VĨ-ĐẠI CÓ KIỀM-HIỆU GÌ KHÔNG ?

Nói đến chung-trình vĩ-đại, ta lại liên-tưởng đến một chương-trình tương-tự đã khai sanh ra bom nguyên-tử nhưng đối với ung-thư thì lại là một truyện khác ! Về bom nguyên-tử, tất cả những điều hiểu biết căn-bản khoa-học đã sẵn sàng có ngay từ bước đầu chỉ còn có việc đem ra thực-hành và cải thiện mọi phương-pháp kỹ-thuật để đi đến chỗ kết-quả hoàn-toàn.

Trái lại, về bệnh ung-thư, hiện chúng ta còn thiếu những yếu tố căn-bản về khoa-học để có thể làm đầy đủ nhiệm-vụ. Giả ví dụ về phương-diện tài-chánh, chúng ta có thể chi tiêu bao nhiêu cũng được cho công cuộc nghiên-cứu tìm tòi, ta cũng không dám hứa chắc chắn là trong hai năm nữa sẽ tìm ra thứ thuốc kiến hiệu để bài trừ tiết nọc bệnh ung-thư và thường thường ta vẫn có thể sử-dụng những khoản tiền cần thiết. Nếu xúc tiến mãi cuộc nghiên-cứu, thế nào ta cũng sẽ khám-phá ra một phương-pháp để phòng ngừa hay trị bệnh ung-thư vì «muốn chiến thắng kẻ thù thì bao nhiêu quân-sĩ cũng là vừa» !

### KẾT-LUẬN

Lý-trí và lương-năng bảo ta rằng mọi sự cố-gắng lớn-lao để tìm tòi hiện tại thế nào cũng đem lại kết-quả mỹ-mãn. Ta không thể nói tiên tri là ngày giờ nào sẽ phát-minh ra thứ thuốc kiến hiệu để chữa bệnh ung-thư : có thể là nay mai hay có khi hàng nhiều năm nữa. Vậy chúng ta cứ yên chí là dần dần chúng ta sẽ chiến-thắng kẻ thù, tuy rất gian-lao khổ sở nhưng lúc đó bệnh ung-thư sẽ thất bại chua cay.

VÕ LANG



### HỒI THỨ VII

含羞告父母用情之終  
忍耻賦狂且失身之始

Hàm tu cáo phụ mẫu dụng tình chi chung  
Nhẫn xỉ phú cuồng thư thất thân chi thủy.

*Thẹn thùng thưa với cha mẹ cho trọn mối tình,  
Nhẫn nhục hát khúc cuồng thư sau giờ thất tiết.*

### LỜI PHÊ-BÌNH CỦA THANH THÂN

Ông Hàn-Dũ (韓愈) khi mới lại kinh, đã vội dâng thư kể rõ chân-tình với quan Tề-tướng, ai cũng khúc-khích cười thắm. Nhưng có ai hiểu rằng chính ông đã coi quan tướng như cha mẹ vậy. Bởi thế nên ông chẳng chút hồ-thẹn hoài-nghi mà cứ dâng thư.

Còn như Thúy-Kiều cùng với Kim-Trọng, thì đoạn ân-tình ấy ở vào địa-vị một kẻ thiếu-nữ, thử hỏi kẻ ấy che đậy đi bằng cách nào ?

Bởi thế nên nàng cũng nói thẳng với cha mẹ mà không hổ thẹn, tức là nàng đã làm theo đúng như chí-hướng của ông Hàn-Dũ, thực là đáng kính biết bao ?

Hơn nữa, Thúy-Kiều sợ dī nói thẳng với cha mẹ mà không một chút e-lệ vì đoạn ân-tình giữa nàng và chàng Kim trước kia, nàng đã tin chắc ở mình chưa hề đập phải vết dâm-ô như-nhớp, nên nàng mới dám nói thực ; còn như câu chuyện Thôi-Trương cùng nhau tu-tú dưới bóng giăng mờ, Tư-mã Tương-Như mượn khúc đàn cầm để gọi mối tình bất chánh, những hành-vi xấu-xa như thế mà cũng đem nói với cha mẹ thì quả là hạng vô-xí. Vậy ta cũng cần nên phân-biệt rõ-ràng.

Lại như trước kia trong lúc chàng Kim những muốn cùng nàng chung gối, thì nàng khóc-lóc, viện hết lý-lệ để chối từ. Thế mà đến khi gặp tay họ Mã, cứ sao nàng lại lẳng-lặng chịu tốt một bề ? Cũng là một người mà sau trước khác nhau đó là gặp phải cảnh ngộ không giống nhau và tự vấn-tâm không thấy hổ-nhục là được, chứ còn sự-thực thì cũng khó nói lắm thay.



Nhắc lại lúc ấy gia-đình Viên-ngoại đã sửa soạn xong tiệc rượu, Vương-ông mời khách vào dự ; ở nhà ngoài thì có Mã Giám-sinh với cha con Chung-công và cha con Viên-ngoại, ở nhà trong thì có mẹ mồi Hàm cùng mẹ con Vương-bà Tiệp đến nửa chừng, họ Mã đứng dậy nói : « Thưa Vương lão-gia, hôm nay việc quan đã được thanh-thỏa, còn việc lệnh-ái mong rằng lão gia cho phép đến sáng ngày mai làm lễ quá môn, đặng cho tiều-tê trở về quê-quán. »

Wương-ông đáp : « Nếu vậy thì gấp quá. Mong rằng quý khách hãy hoãn cho một vài ngày, để cho lão-phu sắm sửa chút ít quần áo, rồi đến ngày mốt làm lễ quá môn, tương cũng chưa muộn. »

Chung công thấy vậy cũng nói tiếp luôn : « Phải quý khách nên hoãn cho đến ngày mốt để cho cô-nương còn nhận tôi làm kế-phụ, và tôi cũng còn cần phải sắm sửa một chút y-phục và đồ trang-sức để cho các cháu đến mừng cô nương « Họ Mã nê lời đành phải ưng-thuận. (Sau này họ Chung, họ Vương thành ra thông-gia, vì Vương quan sau khi đỗ đạt thì lại kết

duyên với con gái ông Chung sự). Sự-thực là bữa tiệc ấy cũng không ai vui vẻ, ai nấy cũng chỉ ăn uống qua loa. Khi tan tiệc, Chung-sự nhận thấy họ Mã là khách phương xa, nếu mình ngủ đêm tại nhà Vương-ông e rằng có sự bất-tiện, nên ông vội-vả cáo-từ ra về. Còn cả nhà họ Vương, vì luôn mấy ngày mệt-mỏi, nên cũng thu xếp đi nghỉ.

Nhưng riêng Thúy-Kiều thì đâu có nhắm được mắt. Trong lúc cả nhà ngủ say thì nàng vẫn còn trần-trọc. Nàng không thể nào quên được chàng Kim rồi thì nàng tưởng cũng còn có thể bớt đi một nửa ; nhưng ví phỏng khi chân-tình có vấn chẳng tiêu-tan, đến nỗi ngày đêm thương nhớ thì tội của thiệp trọng-đại vô cùng. Thôi giờ đây thiệp xin có mấy hàng chữ gửi lại nông-nổi biệt-ly, trước là để tỏ tấm lòng thực bất đắc dĩ và kêu với chàng về nỗi khổ tâm mà thiệp không còn biết làm cách nào hơn được ; mong rằng chàng cũng lượng-thứ cho thiệp ». Than xong, nàng liền xé lấy mảnh quần lụa trắng, cắn ngón tay giữa lấy máu, viết một bức thư sau đây :

自君之出禍起蕭牆仰盼歸期痛每欲絕  
父澤法網義在必救琵琶再抱寔為君羞錦  
水有魚玉山有鹿彼物之親嗟世之人兮若  
分離而莫聚書不盡言言不盡意臨別拜言  
珍重萬萬。

Dịch-âm

Kỳ thư viết

Tự quân chi xuất, họa khởi tiêu tường, ngưỡng miến quý kỳ, thống mỗi dục tuyệt, phụ la pháp võng, nghĩa tại tất cứu, tỳ bà tái bảo, thực vi quân tu, cảm thủy hữu ngư, ngọc sơn hữu lộc, bỉ vật chi thân, ta thế chi nhân hề, nhược phân ly, nhi mặc tự. Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý, lâm biệt bái ngôn, trân trọng van vãn.

Dịch-nghĩa

Thư rằng :

Chàng vừa bước chân đi khỏi, tại vạ nỗi tự chán tương ; trông ngóng

VĂN HÓA — SỐ 59

331

chàng về lòng đau như cắt. Chỉ vì cha già mắc nạn, đạo làm con ắt phải cứu cha; nhưng phải ôm cầm bước sang thuyền khác, thực là hồ thẹn cho chàng. Than ôi, dưới nước có cá trên non có hươu, giống vật còn có lứa đôi, sao loài người lại phải chia rẽ? Ôi thôi, như chẳng hết lời, lời không hết ý, gọi có mấy câu vịnh-biệt, xin ai giữ ngọc gìn vàng.»

Dưới đây thiếp xin phụ thêm một chương thi, vẫn biết nó chẳng thành thơ, nhưng vì muốn tỏ một niềm tâm huyết với chàng, vì dù chàng có thương thiếp thì chàng cũng nhận cho những tiếng kêu khổ phát tự đáy lòng.

詩曰  
寄別傷心一紙書  
封緘清淚濕縑縑  
溪邊雲水驚四鴈  
湖畔烟波少尺魚  
柳色低垂春正好  
梅花遺折意何如  
知君肯亦應憐我  
無奈東皇從去車

Phiên âm

Ký biệt thương tâm nhất chỉ thư,  
Phong hàm thanh lệ thấp phạn dư,  
Khê biên vân thủy kinh hồi nhận,  
Hồ bợn yên ba thiêu xích ngư,  
Liểu sắc đề thủy xuân chính hảo.  
Mai hoa dao chiết ý hà như,  
Tri quân khảng diệc ưng liên ngữ,  
Vô nại đông hoàng xúc khứ xa.

Dịch

Một khúc chia ly đứt ruột tâm,  
Phong thư hồ gián lệ khôn cầm.  
Mây mờ mặt suối chim thừa bóng,  
Khói tỏa quanh hồ cá vắng tằm.  
Tơ liễu gặp thì buông thướt mượt.  
Cành mai tặng khách nỗi xa xăm.  
Biết nhau thì cũng thương nhau với,  
Vì chúa xuân gây bước lỡ lầm.

Lúc ấy đã sang canh ba mà Kiều vẫn còn ngồi khóc nức nở, làm cho Thúy-Vân chợt tỉnh, ngồi nhòm dậy hỏi; «Chị ơi, đêm đã khuya rồi sao chị còn chưa đi ngủ?» Kiều đáp: «Em ơi, trong tâm chị còn bận nhiều việc, có ngủ được đâu. Chị có hai phong thư này gói vào làm một, phiền em hãy giữ lấy. Ví thử mai sau chàng Kim có trở lại đây, thì em thưa với chàng rằng chị là kẻ bội-bạc, đã đi theo kẻ khác mất rồi...» Nói tới đây, Kiều khóc nức nở, thốt không ra lời nữa.

Thúy-Vân thấy vậy, vội-vàng thưa: «Chị ơi, chị quả là người tình chung, vì lúc tắm thân đã thuộc về tay người khác, mà chị vẫn còn luôn luôn nghĩ đến chàng Kim; đối với cái nợ tình, chẳng biết rồi đây chàng sẽ báo-đáp với chị ra sao?»

Kiều đáp: «Em ơi, chị với chàng Kim bề ngoài dẫu chưa chăn gối, nhưng mà trong tâm đã định lứa đôi; còn như đối với họ Mã chẳng qua là lúc cấp-bách nên mới gả nghĩa xướng tùy, chứ đâu phải là người tâm đầu hợp ý. Than ôi! chẳng biết kiếp xưa có tội-nghiệp gì mà nay bị buộc vào sợi tơ-duyên ấy? Thôi thì từ đây trở đi, chị đành cần rặng chịu đựng; có đầy mà cũng như không, tới khi gặp bước đường cùng, thì mượn cái chết để cho rảnh chuyện. Vậy em hãy nên vì chị lạy tạ chàng Kim và nói với chàng chị cảm tấm tình sâu-xa của chàng, nhưng mà kiếp này đã lỡ, kiếp sau chị sẽ báo-đền!» Nói xong thì nàng liền ngắt đi chân tay lạnh ngắt như đồng.

Thúy-Vân thấy vậy hô-hoán lên. Vương-ông, Vương-bà và Vương-quan giật mình tỉnh dậy, chạy vô vào phòng; kẻ gọi, người lay, tìm phương cứu cấp. Một lúc sau thì nàng hồi tỉnh, thở giải mấy tiếng óng, bà vội hỏi: «Có sao mà chị con lại ngắt đi như vậy, làm cho cha mẹ lo sợ hết hồn?»

Nghe tiếng mẹ hỏi, nàng từ từ mở mắt, liếc quanh thấy toàn người nhà, bấy giờ mới áp-úng thưa với cha mẹ: «Con còn có một chút tâm sự nói ra luống những thẹn thùng, nhưng nếu chẳng nói ra, thì lại phụ tấm lòng thành của người khác.»

Ông bà vội tiếp: «Con có việc gì, cứ nói cho cha mẹ hay đừng ngại ngừng gì hết.» Nhưng nàng đã lại chỉ khóc hoài, chứ không nói thêm được gì nữa. Lúc ấy, Thúy-Vân mới đem câu chuyện chi gặp gỡ chàng Kim kể qua một lượt và đưa bức thư cùng các tờ ước cho cho mẹ coi. Ông bà nhận thấy giữa nàng và chàng Kim-Trọng, trước đây dẫu có thể thốt, nhưng vẫn giữ được tuyệt sạch giá trong, nên mới đồng thanh cùng bảo: «Tâm-

sự của con trong bức thư này, cha mẹ đều đã hiểu rõ, và sẽ làm theo ý muốn của con. Cha mẹ hứa để cho em Vân thay con mà chấp nối lại mối tình duyên lỡ dở ấy. Đó cũng là một việc rất tốt chứ sao ? »

Thúy Kiều nghe xong, vội-vàng bái-tạ cha mẹ rồi mới thưa rằng : « Ví thử cha mẹ thương con mà làm cho con được thỏa chí-nguyện như thế thì thân con đây, dầu có phải làm lẽ làm mọn, hay là bị chết ở chốn tha hương, vong-hồn con cũng khỏi oán-hận. »

Vương-ông đáp : « Con ơi, vì cha làm lỡ duyên con, nay con lại nói thế, khiến cha lưỡng nhưg đau lòng. Thôi, ngày nay cha nợ ơn con, nguyện rằng kiếp sau con lại hóa làm cha mẹ, cha đây lại hóa làm con để mà báo đáp ân xưa. » Nói tới câu này ông quá cảm-động, khóc lên hu-hu khiến cho cả nhà cùng khóc.

(còn tiếp)

TÔ-NAM và HÀM-CỎ



ĐÓN ĐỌC TRONG MÙA XUÂN 1961

## ĐUỜNG VÀO TÌNH SỬ

Thi-phẩm của Đinh-Hùng

do

Nam-chi Tùng-thư xuất-bản, Kim Lai Ấn-Quán ấn-hành,  
Phụ bản của Họa-Sĩ Tq-Ty. Bìa và nền do tác-giả  
trình-bày.



## — A — TIN TRONG NƯỚC

1— TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA VIẾNG THAM CÁC TRẠI THANH-NIÊN CỘNG-HÒA TẠI BIÊN-HÒA VÀ GIA-ĐỊNH

Đi kinh lý vùng Thủ-Đức và Biên-Hòa ngày 20-2-61, Tổng-Thống Việt-Nam, Cộng-Hòa đã viếng tham hai trại Thanh-Niên Cộng-Hòa, một ở gần Suối Lồ-Ồ và một ở gần Xuân-Trường, Gia-Định.

Cùng các kỹ-thuật gia và các Thủ-lãnh Thanh-Niên, Tổng-Thống đã đi tham vùng rừng chồi để tìm nơi thiết lập lâm viên quốc-gia và khu đất cắm trại cho Thanh-Niên, cùng địa-diểm xây dựng một trường học dành cho nữ-sinh, con nường chiến sĩ đã bỏ mình vì Tô-quốc, dự-án mà Tổng-Thống đã ra lệnh cho các cơ-quan liên-hệ nghiên-cứu.

2.— LỄ KHÁNH THẠCH MỘT TÒA NHÀ MỚI CỦA TRƯỜNG TRUNG-HỌC CHU-VĂN-AN

Tòa nhà xây cất tại góc đường Minh-Mạng và Triệu-Đà (Chợ-lớn) dùng để đặt các lớp dạy nhựt của Trường Trung-học Chu-Văn-An, vừa được ông

Trần-Hữu-Thế, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, khánh thành sáng 7-3-61.

Việc xây cất tòa nhà này do ngân sách quốc gia đài thọ và tốn hơn 4 triệu đồng, thuộc giai-đoạn đầu của việc xây cất toàn-bộ các cơ-sở trường Trung-học Chu Văn-An.

### 3.— HỌC-SINH NGHÈO VÀ CÁC QUÁN ĂN HỌC-SINH ĐƯỢC TRỢ CẤP 170.500đ

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục vừa trích trong quỹ xã-hội một số tiền 170.500đ để giúp đỡ các học-sinh nghèo và trợ cấp các quán ăn học-sinh.

27 quán ăn học sinh các trường ở Định-Tường, Bình Dương, Tây-Ninh, An-Giang, Long An, Long-Khánh, Phước-Tuy, Vĩnh-Long, Vĩnh-Bình, Biên-Hòa, và nội-trú trường Trung-học Tây-ninh được trợ cấp 162.000đ.

Số còn lại dành cho 12 học-sinh bị tai nạn.

### 4.— NGÀNH GIÁO-DỤC Ở BẬC TIÊU-HỌC PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ Ở VIỆT-NAM

Trong vòng 4 năm trở lại đây, tổng số học-sinh các trường Tiêu-học Việt-Nam đã tăng gấp 3 lần, từ 400.000 vào năm 1956 đã lên đến 1.250.000 học-sinh trong niên-khóa 1960-61.

Để đáp ứng cho sự tăng-tiến mạnh mẽ này, điều cần thiết là phải đào-tạo một số rất đông giáo-viên để đảm-trách các lớp được thành lập.

Một chương-trình vừa được hoạch-định trong toàn-quốc để thiết-lập những trường sư phạm, đồng-thời đào-tạo về phẩm và về lượng những giáo-viên Tiêu-học.

Trường Sư-phạm Quốc-gia Sài-gòn, thành-lập từ năm 1957 với sự giúp đỡ của Viện-trợ Mỹ, sẽ đào-tạo được 650 giáo-viên trong năm nay.

Mặt khác, trường Sư-phạm Huế, đã có 170 giáo-sinh, các trường Sư-phạm Vĩnh-Long và Qui-Nhơn, khi xây cất xong, có thể nhận vào khoảng 1.200 giáo-sinh.

Thêm vào đó, còn có trường đào-tạo giáo-viên Thượng tại Ban-Mé-Thuột cho các trường Tiêu-học miền Cao-Nguyên.

### 5— MỘT PHÁI-ĐOÀN BỘ GIÁO-DỤC NHẬT-BẢN VIẾNG THĂM VIỆT-NAM

Một phái-đoàn Bộ Giáo-dục Nhật-Bản đã đến Sài-gòn hôm 12-3 và sẽ lưu lại Việt-Nam một tuần lễ để nghiên-cứu hệ-thống giáo-dục tại Việt-Nam.

Phái đoàn này gồm các ông Ogawa Yoshio, Giáo-sư tại Đại-học-đường « Tokyo University of Foreign Study »; Nomura Shojiro, Thanh-tra ngành Đại-học và Khoa-học; Iwata Shun Ichi, phụ tá Chánh sự-vụ Sở Kế-toán và Doi Seishichi, chuyên-viên về các chương-trình giáo dục chuyên-nghiệp.

### 6.— MẤY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN

★ Tối 22-3-61, Họa-sĩ Duy-Thanh đã trưng bày lối 50 họa-phẩm tại Pháp-Văn Đồng-Minh Hội, từ ngày 23-3 đến 1-4-61 tới đây. Họa-phẩm trưng bày sẽ là những tranh vẽ dầu trên lụa hoặc trên ván ép, khổ trung-bình, qua nhiều đề tài phong cảnh, tĩnh vật, chân dung và khóa thân.

Họa-sĩ Duy-Thanh chuyên vẽ sơn mài và vẽ trên lụa, đã từng trưng bày họa-phẩm nhiều lần tại Hà-Nội (1954), Sài-gòn (các năm 1956, 1957, 1958, 1959, 1960).

☆ Tối 23-2-1961, Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã khai mạc cuộc Triển-lâm « Giáo-sĩ A-Lịch-Sơn Đắc-Lộ và chữ Quốc-ngữ » tại Phòng Triển-lâm Đô-Thành trước sự hiện-diện của rất đông nhân vật trong Ngoại-Giao-Đoàn, hàng giáo-sĩ và giới trí-thức ở Thủ-đô.

Những sách in, tài-liệu, bản thảo viết tay, hình ảnh, cho đến đồ sứ v.v... trưng bày tại cuộc triển-lâm đã nhắc nhở lại đời sống của Giáo-sĩ Đắc-Lộ (Alexandre de Rhodes), những chuyến đi và sứ-mạng của Ông tại Đông-phương, và việc thành-lập chữ quốc-ngữ.

### 7 — NÓI CHUYỆN VỀ « GIÁO-SĨ A-LỊCH-SƠN ĐẮC-LỘ VỚI CHỮ QUỐC-NGỮ »

Sáng 26-2-61, Linh-mục Nguyễn-Khắc-Xuyên đã nói chuyện về « Giáo-sĩ A-Lịch-Sơn Đắc-Lộ với chữ Quốc-ngữ ». Buổi nói chuyện được tổ-chức tại Trường Quốc-gia Âm-nhạc (Sài-gòn), nhân dịp kỷ-niệm đệ-tam chu-niên ngày Giáo-sĩ Đắc-Lộ từ trần.



Trước một cử-tọa đông-dúc và sau mấy lời giới-thiệu của ông Nguyễn-Khắc-Kham, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa, Linh-mục Nguyễn-Khắc-Xuyên đã trình bày sơ-lược về quá-trình thành-lập chữ Quốc-ngữ. Linh-mục nhấn mạnh rằng việc thành-lập chữ Quốc-ngữ là một công cuộc chung, trong đó phải kể nhiều giáo-sĩ thuộc nhiều quốc-tịch khác nhau, nhưng người có công nhất trong việc ấy là Giáo-sĩ A-Lịch-Son Đắc-Lộ, vì chính ông là người đầu tiên đã in những sách bằng chữ Quốc-ngữ sau khi hoàn-tất việc La-mã-hóa Việt-ngữ.

### 8— NÓI CHUYỆN VỀ « SỬ-GIẢ VIỆT-THƯỜNG VÀ XE CHỈ-NAM »

Sáng 19-3-61, ông Nguyễn-Khắc-Kham đã nói chuyện về « *Sử-giả Việt-Thường và xe chỉ-nam* » tại trường Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn. Cuộc diễn-thuyết này do Hội Nghiên-cứ Liên lạc Văn-hóa Á-châu tổ-chức. Có rất nhiều vị tân-khách, giáo-sư và sinh-viên tới dự như Bác-sĩ Lý-Trung-Dung, Ô. Phạm-Đình-Khiêm, Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái, L.M. Thanh-Lãng, giáo-sư Nguyễn-Đình-Hoà, giáo-sư Quách-Thanh-Tâm, ô.đ. Mineya, giáo-sư Nhật-ngữ, Matsumoto, chuyên-viên Việt-ngữ tại Sứ-quán Nhật, các chuyên-viên Viện Ngôn-ngữ-học Summer ở Sài-gòn.

Sau vài lời giới-thiệu của Ô. Nguyễn-Đặng-Thục, Hội-Trưởng Hội Nghiên-cứ Liên-lạc Văn-hóa Á-châu, diễn-giả bắt đầu nói qua về phong trào sử-học đương phát-triển mạnh trong nước. Gần đây, giới trí-thức nước nhà đã nhiệt-thành khảo-cứu đĩnh-chính quốc-sử, nhiều viện, nha, sở, các hội văn-hóa và các tạp-chí văn-ngệ đã sốt-sắng sưu-tầm, phiên-dịch hoặc nghiên-cứ tài-liệu quốc-sử. Cho nên hưởng-ứng phong-trào trên, diễn-giả đã lựa chọn một đề-tài lịch-sử trích trong cuốn « *Văn-Học Đĩnh-Ngo* » mà diễn-giả dự-định cho xuất-bản. Trước hết, diễn-giả lược-thuật sự tích Sử-giả Việt-Thường theo sử-sách Trung-Hoa (Thượng-thư đại-truyện, Cổ-Kim chú, Kim-bản cổ-kim chú, Sử-ký Tư-Mã-Thiên, v.v...) và theo Nam-sử (nhất là Đại-Nam quốc-sử điển-ca). Theo những sử-liệu nói trên, về đời vua Thành-Vương nhà Chu (1.110 trước Công-nguyên), có sử-giả Việt-Thường sang nhà Chu cống chim trĩ trắng và được ông Chu-công Đán chế xe chỉ-nam tiến về nước. Nhân sự-kiện đó, diễn-giả mới đặt ra một số vấn-đề làm đề-tài cho cuộc nói chuyện này :

1) Thực-tại lịch-sử của nước Văn-Lang gồm 15 bộ, trong đó có bộ Việt-Thường.

2) Liên-quan giữa giống Việt-Thường và giống Việt-Nam ngày nay.

3) Xe chỉ-nam có tự đời Chu hay về sau mới chế ra.

Sau khi trình bày các kiến-giải của H. Maspéro và R. A. Stein về hai vấn-đề 1 và 2 nói trên, diễn-giả kết-luận nên tạm coi là những điều khuyết-nghi, cần nghiên-cứu thêm nữa. Còn vấn-đề thời-đại sáng-chế xe chỉ-nam, nhờ có những sử-chứng Trung-Hoa lịch-triều, đã chứng-minh được là do nhà Hán chế ra. Sau hết, xét về liên-quan giữa hai vấn-đề trên, diễn-giả nghĩ rằng thời-đại sáng-chế xe chỉ-nam có thể dùng làm tiêu-chuẩn gián-tiếp để nghiên-cứu vấn-đề thực-tại lịch-sử của Văn-Lang và Việt-Thường.

### 9.— NÓI CHUYỆN VỀ NHỮNG MÓN ĂN LẠ CỦA VIỆT NAM VÀ TRUNG-HOA

Tối 16-3-61, trước một số thính - giả đông đảo, và dưới sự bảo-trợ của Hội Nghiên-cứu Đông-Dương và Pháp-Văn Đông-Minh-Hội, ông Thái-Văn-Kiểm, Phó Giám-Đốc Nha Văn-hóa thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã nói chuyện về « *Những món ăn lạ của Việt-Nam và Trung-Hoa* ».

Sau khi nói về con trâu, con vật tượng-trưng của Năm Tân - Sửu, diễn-giả đã lần lượt nói về 8 món ăn quý gọi là Bát Trân : nem công, chả phượng, nách tề-giác, tay gấu, gân hươu, môi đười ươi, chân voi, yến Kế đó, diễn-giả nói đến những món ăn chính của giới thượng-lưu Á-Châu như vây cá, heo bột (heo sữa), gà đen, v.v... và sau hết đến bún.

Đoạn diễn-giả đề-cập đến các loại trà như hầu-trà, mã-trà, tước-thiệt trà mọc trên núi Vũ-Di, đảo Đài-Loan.

Cuối cùng, diễn-giả nói về món ăn của Trung-Hoa và Việt-Nam trên phương-diện thẩm mỹ và triết-lý.

Trong buổi nói chuyện có chiếu nhiều tấm phim màu và sau đó chiếu phim một bữa tiệc chả giò, một món ăn đặc-biệt của Việt-Nam đã được giải nhất cuộc thi nấu món ăn ở Đông Kinh năm 1956.

### 10.— GIỚI-THIỆU SÁCH BÁO MỚI

Văn-Hóa Nguyệt-San đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhã-y gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với các bạn đọc thân-mến :



— *Niên-lịch công-dân* 1960-61 do Nguyễn-ngọc-Linh chủ-trương biên-tập. Đây là một cuốn sách khảo-dẫn, tập-hợp tất cả những sự kiện quan-trọng về Việt-Nam và thế-giới, trình-bày theo hệ-thống khoa-học, rất tiện-lợi trong việc tra-cứu. Sách dày độ 600 trang, do tổ-chức Công-Đàn ấn hành, không đề giá bán.

— *Nàng Ai-Cơ trong chậu úp* (tức Hà-Tiên ngoại-sử ký-sự tiểu thuyết do Mộng-Tuyệt Thất-tiểu-muội soạn. Tựa, phụ-bản và sử-liệu của thi-sĩ Đông-Hồ. Sách dày 200 trang, in đẹp trên giấy trắng tốt, do nhà sách Bốn Phương xuất-bản, giá bán 55đ.

— *Đặc-Lộ số 1* (đặc-san mùa xuân năm 1961). Tạp-chí số đầu này kỷ-niệm tam bách chu-niên húy-nhật giáo-sĩ Đặc-Lộ (Alexandre de Rhodes). Nguyệt-san này dày 50 trang, giá 10đ, do một nhóm sinh-viên Đặc-Lộ chủ-trương biên-tập. Tòa-soạn ở số 175B, Đường Yên Đờ, Sài-gòn.

— *Những lỗi thông-thường trong Thuật Viết văn* do Ô. Nguyễn-văn-Hầu soạn và do Cơ-sở Tự-do xuất-bản. Sách viết công-phu, gọn gàng và đầy đủ, giúp ích nhiều cho các học-sinh và các bạn hiểu học. Sách dày ngót 200 trang, giá bán 40đ.

— *Chinh-phụ ngâm-khúc* do Ô. Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng phiên-dịch ra Pháp văn và do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản năm 1960. Sách in bìa cứng trình bày rất thanh-nhã, dày 156 trang, giá bán 40đ.

— *Khâm-dịnh Việt sử Thông-giám cương-mục* quyền đầu do Ô Trương-bửu-Lâm, Bửu-Câm, Lê-phục-Thiện và Tạ-quang-Phát phiên-dịch và chú-thích rất kỹ-lưỡng và đầy-dủ. Sách này do Viện-Khảo Cồ thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản, dày 234 trang, không đề giá bán.

— *Việt-Nam danh-nhân tự-diễn* do Ô. Nguyễn-huyền-Anh biên-soạn và do Hội Văn-Hóa bình dân bảo-trợ. Sách này do Ô. Nguyễn-huyền-Anh đã dày công biên-soạn từ mấy năm nay. Soạn-giả đã sưu-tập được chừng gần 1.000 tiểu-sử những bậc anh-hùng, hào-khết, danh-nhân, liệt-nữ đã nêu gương đạo đức, tiết-nghĩa, khí-phách hiên-ngang, trải qua các triều-đại lịch sử Việt-Nam. Sách dày gần 400 trang. Không đề giá bán.

*Quê hương* do Ô Nguyễn-cao-Hách đứng chủ trương biên tập. Tờ nguyệt-san này chuyên nghiên-cứu về chính-trị, kinh-tế, văn-hóa và xã-hội. Nay đã ra tới 19 tháng giêng năm 1961, dày hơn 300 trang, giá bán 20đ.

*Bách-khoa số 101*, ra ngày 15-3-61, gồm nhiều bài khảo-luận giá-trị và hấp-dẫn giá bán 10đ.

— *Văn-Hưu số 9* (tháng 2 năm 1961) do Văn-hóa-vụ ấn-hành. Tạp-chí này do ông Nguyễn-duy-Miền đứng giám-đốc. Tòa-soạn ở số 15, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon, giá bán 15đ.

— Những tập : « *l chose Christ* » của Trần-Thuyền ; — *Classification décimale de Dervev* ; *Lịch-trình Văn-học Việt-Nam* do Tân-Việt Điều dịch ; — *Kim-cờ tạp-chí* ; *Lang-thang*, tập thơ của Minh-Đức, do Nhà Dư-Tân ở Ba-Lê (Pháp) in bằng thạch-bản, trình bày rất sáng-sủa và trang-nhã.

— *Thư-viện tập-san*, cơ quan sưu-tầm nghiên-cứu thư-viện-học và thư-tịch-học của hội Thư-viện Việt-Nam do Ông Phan-vô-Kỵ đứng chủ-nhiệm và Ông Hoàng tuấn-Anh đứng chủ bút. Mới xuất-bản số đặc-biệt năm 1960. Tòa-soạn ở số 34, Đường Gia-Long Sài-gòn.

— *Một mối tình*, tập thơ của nhà thơ lão thành Đông-Viên Phạm-huy-Toại sáng-tác và cho in lần thứ ba tại Sài-gòn. Sách gồm đủ các loại thơ (luật thi, tứ-tuyệt, cô-phong, phú, từ-khúc, lục bát, song-thất lục bát, hát nói, hát xàm, câu đối, thơ dịch v.v...). Lời thơ trang nhã, nhẹ nhàng và hàm-xúc. Sách in sáng sủa, trình bày mỹ-thuật, dày 144 trang, giá bán 50đ.

— *Đường-luật chi-nam* cũng của Đông-Viên thi-sĩ biên soạn. Sách này chỉ-dẫn cách làm thơ đường luật theo một phương-pháp giản dị và nhanh chóng. Sách gồm 2 phần : phần lý-thuyết, dạy niêm luật về thơ, tuy vẫn tât mà rất đầy đủ ; phần thí-dụ, sưu tập đến 600 câu thơ hay của nhiều thi-gia, xếp thành mục loại, rất tiện cho việc học tập. Sách dày hơn 50 trang, giá bán 15đ tại nhà tác-giả (351/13, Đường Trương-Minh-Giang Sài-gòn).

— *Hai trăm năm Dương-lịch và Âm-lịch đối chiếu* do Ông Nguyễn-như-Lân biên-khảo. Sách in khổ nhỏ, trình bày rất sáng sủa, soạn rất công phu, có thể đối chiếu một cách dễ-dàng ngày tây sang ngày ta (hay ngược lại) trong khoảng thời gian 200 năm (1780-1980). Các ngày thứ mấy trong tuần lễ cũng được ghi rõ ràng cùng với số thứ tự hoa-giáp để tìm tên can-chi của tháng và ngày âm-lịch.

— *Phu cao-su* do Ông Cừ-Tương Trần-văn-Tur sáng-tác. Soạn-giả có nhã ý gửi tặng cho tác-phẩm này (mới đánh máy và sắp cho xuất-bản). Đó là một tập truyện dài về đời sống đen tối của một số đồng-bào làm phu đồn điền

cao-su Nam-Bộ. Với một lối văn giản-dị và hấp-dẫn, soạn-giả đã khéo tả đoạn đời của họ, dụng ý làm nổi bật vai trò hiện-tại của các Tổng-Liên-đoàn, đã nâng cao mục sống của phu cao-su dưới chính-sách nhân đạo của Chính-phủ hiện-hữu.

— *Dường về nhân-vị do* Ô. Sơn-Chí Dương thành-Mậu (Kiến-Hoà) biên soạn và do Trung-tâm Huấn-luyện nhân-vị Vĩnh-Long xuất-bản. Soạn-giả vốn là cựu khoá-sinh tại Trung-Tâm nói trên đã dày công biên-khảo với mục-đích ghi lại đề phồn-biến một số vấn-đề đã thuyết-trình tại nơi đó. Sách dày 192 trang, không đề giá bán.

## B — TIN NGOÀI NƯỚC

### 1.— MỘT KỸ-THUẬT GIA VIỆT-NAM ĐI TU-NGHIỆP VỀ QUẢN THỦ THƯ-VIỆN TẠI PHÁP

Ông Nguyễn-Gia-Phương, Phó Giám-Đốc Nha Văn-Khố và Thư-Viện Quốc-Gia, rời Sài-gòn hôm 18-2-61 sang Pháp để theo một khóa tu-nghiệp về quản-thủ thư-viện tại Thư-Viện Quốc-gia Pháp.

Khóa tu nghiệp này do Phái-bộ Viện-trợ Kỹ-thuật và Kinh tế Pháp tại Việt-Nam bảo trợ và thời-gian tu nghiệp là 6 tháng.

### 2.— NHẬT HOÀN TẮT TRÁI TIM NHÂN TẠO CÓ THẺ KHÁP VÀO CHO NGƯỜI

Hôm 24-2, ở Đại-học đường Đông-Kinh người ta loan tin rằng lần đầu tiên trong thế-giới, Nhật vừa hoàn tất một trái tim nhân tạo có thể khếp vào cho người ta.

Một nhóm bác-sĩ và chuyên-viên về điện-tử đã hoàn tất máy này.

Từ năm 1956 là năm trái tim nhân-tạo đầu tiên được chế ra ở Cleveland, Mỹ và Nga đua chế tạo và cải tiến các máy lối đó. Đặc-điểm trong trái tim nhân-tạo của Nhật là có thể đặt máy này vào trong lòng người.

### 3.— MỘT CUỐN PHIM VIỆT-NAM ĐƯỢC HUY CHƯƠNG VÀNG CỦA Ý-ĐẠI-LỢI

Trung-tâm Văn-hóa Điện ảnh Ý-Đại-Lợi vừa chính thức cho biết cuốn

phim « Người con của biển cả » của Việt-Nam vừa được Viện Nghiên-cứu Văn-hóa Trung và Viễn Đông của Ý trao tặng giải-thưởng huy-chương vàng nhân dịp Đệ-nhi Đại-hội Phim-ảnh các dân-tộc.

Sau giải-thưởng đoạt được tại Đại-hội Điện-ảnh Bá-linh năm 1960, Trung-tâm Quốc-gia Điện-ảnh Việt-Nam với giải-thưởng này đã một lần nữa góp phần giới-thiệu văn-hóa của nước ta trên trường quốc-tế.

### 4 — MỘT NHIẾP-ẢNH-GIA VIỆT-NAM ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG HAI HUY-CHƯƠNG QUỐC-TẾ

Ông Nguyễn-Mạnh-Đan, một nhiếp-ảnh gia ở Sài-gòn, vừa nhận được, cùng một lúc hai huy-chương vàng về một trong những tác-phẩm của ông, trưng bày tại Phòng Triển-lãm Quốc-tế ở Melbourne (Úc) và tại Phòng Triển-lãm Hương-Cảng.

Tác-phẩm của ông, mang tên là « Xứ áo-mộng » trình bày 2 em nhỏ đi trên cát. Bãi cát rộng lớn vừa trải qua một cơn mưa, nên rất nổi đem lại cho phong-cảnh một trạng-thái hư-ào tuyệt-đẹp,



Muốn biết rõ  
tình hình xuất-bản  
trong nước  
NHỚ ĐỌC :

TIN SÁCH

Ấn-hành mỗi đầu tháng, giới-thiệu đầy đủ tất cả các sách xuất-bản trong tháng vừa qua trên toàn quốc.

TIN SÁCH 1961 lại có thêm một phần hợp-luận gồm nhiều bài viết về Thư-Viện-học, Nghệ thuật Đọc Sách ; Thú Chơi Sách ; Sinh-hoạt Văn-hóa... của quý vị học-già danh tiếng trong và ngoài nước.

TIN SÁCH 1960 và 1961 chỉ bán cho độc-giả dài hạn. Muốn hỏi thê-lệ mua năm và được biếu không số nhất, hãy biên thư cho :

Tòa-soạn TIN SÁCH, 60 Kỳ Con, Sài-gòn

